

ĐIỆN VĂN CỦA TỔNG-HỘI PHẬT-GIÁO

Saigon, ngày 4 tháng 6 năm 1963

Kính gửi Đức Tổng Giám-Mục Paul Nguyễn-văn-Bình Saigon.
Thưa Đức Tổng Giám-Mục,

Tổng Hội Phật Giáo Việt-Nam chúng tôi trân trọng kính phân
ưu cùng Ngài và toàn thể Công giáo đồ ở Việt-Nam trong dịp đau
đớn Đức Giáo-Hoàng Gioan XXIII tạ thế.

Hòa-Thượng Hội Chủ chúng tôi cũng đã có gửi điện tin chia
buồn với Hội Thánh ở Vatican.

Có thể nói đây là một cái tang chung cho tất cả những người
yêu chuộng hòa bình và thiết tha với niềm huynh đệ đại đồng
mà cố Đức Giáo Hoàng đã nhiệt thành chủ trương.

Tôi kính xin Đức Giám-Mục nhận tình thông-cảm của chúng
tôi.

T.U.N. Hòa-Thượng Hội-Chủ,
Phó Hội-Chủ, ký tên
Thượng-Tọa THÍCH TÂM-CHÂU

ĐÁP THƯ CỦA ĐỨC TỔNG GIÁM-MỤC SAIGON

Saigon, ngày 5-6-1963

Kính gửi :

Đức Hòa-Thượng Hội-Chủ, Tổng Hội Phật-Giáo V.N. SAIGON
Kính thưa Đức Hòa-Thượng,

Tôi rất cảm động khi nhận được bức thư Đức Hòa-Thượng
thay mặt Tổng Hội Phật-Giáo V.N. tỏ lòng phân ưu với tin đồ Công
giáo và cũng riêng tôi trong dịp Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII từ
trần. Tôi cũng lấy làm yên ủi được biết Đức Hòa-Thượng đã gửi
điện tin chia buồn với Hội - Thánh ở Vatican. Trước cử chỉ cao
đẹp ấy, tôi xin tỏ lòng biết ơn đối với Đức Hòa-Thượng.

Đúng như lời Đức Hòa-Thượng đã nhắc trong thư, Đức Giáo
Hoàng Gioan XXIII là một vị yêu chuộng hòa bình và thiết tha với
niềm huynh đệ đại đồng trên toàn thế giới. Người công-giáo chúng
tôi quyết thực hiện chủ trương của Người, — vì đó là giới răn của
Chúa Giêsu, — để cho mọi người không phân biệt ai được hưởng
binh an và tự do trong tình yêu huynh đệ.

Trong khi một lần nữa tôi chân thành cảm ơn Đức Hòa-
Thượng, tôi kính xin Đức Hòa Thượng nhận lời chào kính cẩn
của tôi.

Phaolô NGUYỄN-VĂN-BÌNH
Tổng Giám-Mục Saigon



GOP PHÂN XÂY DỰNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỒ-BIỆM VĂN HÓA ĐÔNG-TÂY KIM-CÔ

Giám-đọc, Chủ-bút : Nguyễn-Vỹ

Tòa-soạn : 233, đường Phạm-Ngũ-Lão, Sài-gon — Đ.T. 25.86,
Ty Quản-lý : 531, Đại-lộ Trần-hưng-Đạo — Saigon



NĂM THỨ VI ★ SỐ 105 ★ 15 - 6 - 63

1.— Từ bệnh «Pestis» đến bài thơ «Con Muỗi» Nguyễn-Vỹ	7 — 9
2.— Mỗi tình vô vọng của Brahms	Từ-trâm-Lệ 10 — 17
3.— Bà Bùi-thị-Xuân.	Trần-nhâm-Thân 18 — 24
4.— Sầu độc hành (thơ).	Vương-huyền-Trang 25
5.— Tiếng dương cầm (thơ)	H.K.K.M. 26
6.— Hai lần mở mắt (truyện ngắn)	Hoàng Thống 27 — 32
7.— Mưa đầu thu (thơ)	Mạnh-Trang
Ba ngày cho em (thơ)	My-Son 33
8.— Tôi là đàn-bà nhưng...	Phương-Chí 34 — 38
9.— Nhân vật xuân thu	Thiếu-Son 39 — 45
10.— Đảo Phú-Quy	Thu Nhi 46 — 50
11.— Đáp lời ông Thái Anh về những máu thuần	P.K.H. 51 — 57
12.— Tắm loạn (thơ)	Thanh-huyền-Chi 58
13.— Truyện cũ (thơ).	Dương-minh-Loan 59
14.— Liên-minh đề tiến bộ ở Nam Mỹ	Thiếu-Son 60 — 64

15.— Cỏ người tuổi trẻ hôm nay (thơ)	Tuệ-Mai	65
16.— Diển đàn đại học: Quê mẹ.	Nguyễn-ngọc-Nở	66 — 69
17.— Hàn-Mặc-Tử.	Bửu Đáo	70 — 74
18.— Tiếng nói của gái và trai thế hệ.	Phồ-Thông	75 — 85
19.— Thảo luận của tao đàn Bạch-Nga.	Trần-tuấn-Kiệt	86 — 94
20.— Chim lồng (thơ)	Thu-Nhì	95
21.— Còn gì cho nhau (thơ)	Lâm-vị-Thủy	96
22.— Bày giờ (thơ)	Nguyễn-thu-Minh	97
23.— Minh ơi! Thần đồng là gì?	Diệu-Huyền	98 — 103
24.— Tuấn, chàng trai nước Việt.	Nguyễn-Vỹ	104 — 108
25.— Sách báo mới.	Phồ-Thông	109 — 111
26.— Lợi ngược.	Nguyễn-Vỹ	112 — 115
27.— Đưa con nuôi.	Trần-tử-Niệm	116 — 119
28.— Thư bạn đọc.	P. T.	120 — 130



- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- ★ Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỒ-THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chí PHỒ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- ★ Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays. Copyright by PHỒ-THÔNG, printed in Việt-Nam.

Tổng-Phát-hành PHỒ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
 ● Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
 ● Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP
 13, Rue de la Montagne Ste Genevière — PARIS V
 (vente — abonnements — Publicité)

từ bệnh « Pestis »

đ ề n

bài thơ « CON MUỖI »

★ N. V.

CHÚNG tôi thiết nghĩ không nên nhắc đi nhắc lại mãi câu « Nước ta chậm tiến » đề càng thêm tủi hổ cho dân ta, và mắc cỡ với ngoại-quốc. Vả lại, kêu gào suông không ích gì, nếu không gây thêm mặc cảm trầm-trọng mà thôi. Muốn thoát khỏi chậm tiến, chúng ta nên diệt trừ dần dần những yếu tố nguyên-do của nó. Nếu đa số người phục-vụ đều có tư-tưởng tiến bộ, có hành-dộng tiến-bộ, thì quốc-gia và dân-tộc cũng phát triển mạnh mẽ theo đà tiến-bộ.

Một trong những căn-nguyên làm trở ngại khá nhiều cho tiến bộ toàn diện, là lòng tự-ái và tính ngoan-cố của một số người. Họ không tự kiểm-thảo, không phục-thiện, khư khư ôm lấy cái lỗi-lầm, hoặc tìm cách bào chữa cho lỗi lầm. Hầu hết là những kẻ còn óc phong kiến quá nặng. Chúng ta mong sao họ hòa mình với cuộc đoàn kết của toàn dân để xây dựng một xã-hội tiến-bộ trong khối dân-chủ tự-do.

Với nhận-xét ấy, nhiều người rất bực mình thấy những sai lầm lớn lao hoặc nhỏ-nhặt cứ được dung dưỡng mãi. Người ta

thấy rõ-rệt không có thiện-chí sửa đổi, không một chút cố gắng gạt bỏ những lỗi-lầm nhỏ, nhiều khi gây ra hậu-quả lớn.

Lấy một thí dụ rất tầm thường là ba chữ « *Lành-mạnh-hóa* » vô nghĩa vẫn được đem ra dùng thường xuyên trên một vài tờ báo. Trong lúc văn-tự và ngôn-ngữ Việt-Nam đang bị xáo-trộn một cách vô-ý-thức, người ta rất buồn mà thấy rằng không ai có tầm-quyền bảo-vệ ngôn-ngữ Việt-Nam và mạnh ai muốn viết sao thì viết, muốn tự-ý sửa-đổi cả văn-tự, kinh-thường cả văn-phạm, dẫm lên cả nguyên tắc mà không ai nói được ai.

Đặt ra do một ký-giả khôi-hài để viết báo theo hứng-thú nhất thời, không cần căn-cứ trên một nguyên-tắc văn-phạm nào cả, ba chữ « *lành-mạnh-hóa* » đã được một vài nhà báo sử-dụng rồi mấy nhà báo khác bắt chước thành ra một động từ chính thức.

Ở các nước Văn-minh tân tiến, thêm một chữ hay sửa một chữ trong ngôn-ngữ đều phải do Hàn-lâm-Viện công nhận và ban-bố trong tự-điền, ở nước ta ai muốn đặt ra chữ gì cũng được, cho đến xáo-trộn cả những chữ đã thông dụng, mà không ai có quyền đính-chánh, hay phê-bình.

Chả trách bộ Y-tế tự-nhiên đưa ra danh-từ *Pestis*, thay cho danh từ *Dịch-hạch*, và *Peste*, một cách gần như vô-ý-thức. Nói tại sao dùng chữ latin ấy, bộ Y-tế đã viện ra những lý-do không xác đáng. Sự thực thì chữ latin *Pestis* chính là nguyên-ngữ của chữ *Peste*, chứ có gì khác đâu, nó chính là bệnh *dịch-hạch*, chứ không có nghĩa nào khác nữa cả.

Nhưng Bộ Y-tế muốn đem một chữ cũ-rích để làm một chữ mới, với những lý-do mập-mờ, giảng-giải không trôi. Rồi Bộ cứ khư khư dùng mãi chữ ấy, đến nỗi người ngoại-quốc cũng phải ngạc nhiên.

Vừa rồi, bài thơ *Con Muỗi* của Bộ Giáo-dục cho ra đề thi Đệ-nhất cấp, đã có nhiều người không đồng-ý về tên tác-giả. Chính trong di-cảo của cụ Phan-chu-Trinh mà hiện ông Giáo-sư Lê-Ấm, là rề của Cụ, còn giữ, cũng không có bài ấy. Theo ông Lê-Ấm bài thơ ấy đem gán cho cụ Phan là chỉ theo truyền-khẩu mà thôi.

Liên tiếp trong hai số báo Tự-Do, ông Phạm-Luyện-Như, mà một vài bạn giáo-sư Đại-học cho tôi biết là bí-danh của ông

Thanh-tra Trung-học đã cho đề thi con Muỗi? — Vẫn bào chữa cho sự lựa chọn bài thơ ấy. Ông cố tìm cách giảng-giải gượng gạo các câu thơ, và ý thơ, càng giảng câu thơ càng tối nghĩa, ý thơ càng mập mờ. Bình tĩnh đọc lại, ai cũng thấy rằng một người khí khái và một bậc thi tài như cụ Phan-Chu-Trinh không thể làm một bài thơ quá kém cỏi và quá tầm thường như thế.

Nếu trong một bài trước, ở mục này, tôi có yêu cầu Bộ Giáo-dục giải thích, chính vì tôi nhận xét rằng chỉ có Bộ Giáo-dục là có thể làm trọng tài trong cuộc tranh-luận. Vì bộ Giáo-dục chỉ chấp nhận đề thi do một viên Thanh-tra Trung-học đề-nghị. Nhưng Bộ Giáo-dục không giải thích mà ông Phạm-Luyện-Như (?) bào chữa quanh-co, cũng không làm thỏa mãn những người như chúng tôi chỉ xin được học hỏi thêm. Cuối bài, Phạm-tiên-sinh mong xem như « một trò con muỗi, và đề cho nó bay đi ». Vâng, không nên trở lại vấn-đề này nữa, nhưng chúng tôi mong rằng bộ Giáo-dục sẽ rút bài học kinh-nghiệm trong các đề thi rắc-rối đã qua để sau này chọn các đề thi xác đáng hơn.

Vừa rồi, ông Cố-vấn Tổng-thống phủ đã đưa ra huấn-lệnh xét tại trong các từng lớp cán-bộ. Chúng tôi thành thật hoan-nghehnh một biện-pháp rất hợp-thời. Chỉ có biện pháp ấy, nếu thi hành đúng mức, là được giải quyết phần nào tình-thế chậm tiến đang cản-trở mọi xây dựng tiến-bộ.

Riêng trên lĩnh-vực văn-hóa, và giáo-dục, còn nhiều thái-độ phong-kiến, lạc hậu, không nhận chân được sức tiến cần thiết của thể hệ mới. Còn những tự-ái vụn-vặt, những tính ngoan-cổ dở mùa, của những kẻ có nhiệm-vụ dìu-dắt thanh-niên học-đường. Các kỳ thi cử còn những khuyết điểm trầm-trọng gây ra một tình-thế hỗn-loạn, bất-công, làm mất tín-nhiệm của phụ-huynh học-sinh, và mất cả uy-tín của Bộ Giáo-dục.

Chúng tôi mong rằng chính sách xét lại, của ông Cố-vấn phải được áp-dụng triệt-đề trên phương-diện giáo-dục. Phải khương-kiện-hóa thi-cử để tránh những việc bừa-bại, xấu-xa, và những tệ đoan như đã xảy ra trong mấy kỳ thi liên-tiếp, từ việc chọn đề thi câu-thả, việc tiết-lộ đề thi để bán cho thí-sinh, cho đến việc chấm thi bừa bãi, bất công.

Chúng tôi kính cần mong ông Cố-vấn lưu-ý đến tình-trạng nói trên.

NGUYỄN-VỸ

MỐI TÌNH VÔ VỌNG CỦA

BRAHMS

★ Từ-Trâm-Lê

(Tiếp theo P.T. 104)

● Người bạn quý, trong nghịch cảnh

N NGÀY 11 tháng 5, đứa bé ra đời. Brahms được là người cha đỡ đầu cho nó. Brahms đã có đem một cái đề của Schumann đã soạn cho vợ, chàng biến hóa thành một bản kỳ diệu. Và trong ngày vui của Clara làm mẹ thêm một đứa con, chàng hiến mừng bản ấy cho Clara.

Đối với Clara, nàng thấy như nàng vừa đến bờ của một đêm dài thăm thẳm. Nàng nhìn đứa bé nằm trong chiếc nôi màu trắng. Ngọn gió hè lướt thướt thổi mát qua. Nàng nhìn người trai trẻ tóc vàng ấy, người nhạc sĩ thiên tài ấy, người bạn cao quý nhất của vợ chồng nàng. Nàng cảm thấy trong cái thân thể đau của nàng như dần trở lại những sức mạnh không kiểm soát được và chan chứa vui tươi. Nàng cảm thấy nàng sắp sẽ có thể

MỐI TÌNH VÔ VỌNG CỦA BRAHMS

chinh-đốn đời sống trở lại, như nàng biết sắp đặt ngăn nắp ngôi nhà của nàng. Phải tin rằng Robert sẽ trở lại và mọi sự sẽ như trước. Và chỉ như thế thôi, nàng mới có thể chấp nhận không có sự hối hận cái nỗi vui kia đã đến với nàng mà nàng không có cầu xin hay kêu gọi, cùng với người trai trẻ kia đang ở bên nàng đã khiến nàng thấy có một nỗi hân hoan kỳ lạ, người trai trẻ bạn của Robert ấy!

Đến tháng 7, Clara rời Dusseldorf. Nàng đi về Berlin để nghỉ-ngơi ở nhà mẹ nàng. Brahms đóng đô ở ngôi nhà của vợ chồng Schumann. Chàng ở đó để nếu, ở Endenich, bất ngờ Robert có cần đến chàng. Một mình một bóng, chàng lang thang trong ngôi nhà to rộng, không người. Hơi thư viện, chàng sắp xếp lại những giấy tờ của Robert, những sách, những bản-thảo nhạc của Robert. Bằng tư tưởng, chàng thấy chàng gần gũi người bạn quý báu và khốn khổ ấy hơn bao giờ hết. Và khắp nơi, trong ngôi nhà như luôn luôn vang động âm thanh ấy, chàng đều tìm thấy lại Clara.

Chàng hoạt động gấp bội thêm lên. Chàng đọc, chàng ghi chép những đoạn văn nào chàng thích thú nhất vào những quyển sổ tay luôn luôn không rời mình chàng. Chàng tập thổi sáo, chàng tập chơi đàn nhà thờ, chàng cảm cú soạn nhạc. Chàng như không bao giờ thấy mỏi mệt. Chàng biên thư cho Schumann: « Chưa bao giờ tôi nhìn tương lai với niềm vui và sự an toàn đến như thế này. » Ở Endenich, bệnh Schumann đã đỡ nhiều, thần trí đã êm dịu lại, đã ngủ được. Thư của Schumann đáp lại chan chứa lời ngọt ngào có tánh cách như một người cha viết cho con.

Thấy rằng mọi sự đều êm đẹp, Brahms rời Dusseldorf làm một vòng du lịch nhỏ. Nhưng, đây là lần thứ nhất, đến đâu, chàng cũng chẳng thấy vui. Chàng nhìn những quang cảnh mới mẻ trải ra trước mắt mà lòng không buồn thương chút. Mỗi chặng đường làm cho chàng thấy xa ra. Ở mỗi chặng, chàng thấy nỗi bức rức trong người tăng thêm mãi. Chàng viết cho một người bạn cũ: « Tôi không biết được tôi luyện vợ chồng Schumann đến

MỐI TÌNH VÔ VỌNG CỦA BRAHMS

độ nào, tôi sống ở họ đến độ nào... Tôi dự bị trở về mau lẹ hơn hết và tôi bằng lòng ở Dusseldorf đây mà đợi Schumann hơn là ở trong niềm đen tối thế này... »

Và chàng trở về Dusseldorf. Ngôi nhà của Clara, đã là Clara rồi. Tuy nhiên chàng không gọi là tình yêu cái sự cần to tát có Clara ở nơi chàng, cái nhu cầu ấy mà không biết từ đâu, bao giờ, nó đồ xô đến xâm nhập nơi chàng, không cưỡng, không xua nổi, và chàng cũng không hề có chờ, có đợi nó. Đó là cái tình bằng hữu, cái nỗi thán-mê trước hai con người ở vào hạng như Robert và Clara, cái sự trao đổi thuộc về tâm-linh ấy mà từ trước chàng chưa hề có đề được biết. Đơn độc trong ngôi nhà mênh-mông, chàng chờ đợi sự ấy trở lại với một nhiệt tâm, thay vì làm cho chàng sanh ra chán nản, lại khiến cho chàng làm việc hăng hái thêm lên. Clara trở lại và, nhờ Brahms, nàng đã trở lại trong một nơi mà có kẻ chờ đón nàng. Nhờ có Brahms mà những gian phòng không người không còn là những sa-mạc.

Clara tìm thấy lại gian thư viện của Robert mà nơi đó

Brahms đã làm việc suốt cả mùa hè. Giấy tờ đều ngăn nắp. Bàn ghế đều bóng sáng, chùng như Robert sắp vào đến và ngồi xuống chiếc ghế bành to mà Brahms vừa đưa lại bên nàng. Nàng không là một mình. Trên mặt dương cầm, hai bàn tay của Brahms đặt kề bên tay nàng, và tiếng nhạc lại tung lên.

Cái tiếng nhạc ấy, từ đây, nàng phải lấy nó để sống và để nuôi sống tám đứa con của nàng. Nàng há đã chẳng được cả Châu-Âu ca ngợi, hoan hô nàng từ lâu đấy ư? Từ ở cái vinh quang đã thu đoạt được một cách vững chắc ấy, nàng sẽ dùng nó để làm cho thế-giới biết đến tài-năng của Schumann và của Brahms nữa.

Thế là, Clara bắt đầu mở trở lại những cuộc tuần-du trình diễn những buổi hòa nhạc. Nàng đến Hamburg. Lần này, Brahms theo nàng. Chàng thăm lại mẹ chàng với một nỗi vui mừng luôn luôn mới mẻ. Đề cho niềm hạnh phúc của Brahms được hoàn toàn, Clara đều đến dùng cơm mỗi bữa ở gia đình Brahms.

Khi Noël đến, Brahms đến Dusseldorf với Clara... Đám con

MỐI TÌNH VÔ VỌNG CỦA BRAHMS

nàng túi bụi lên. Joachim cũng có mặt ở đấy. Trong bóng tối mạ vàng của những ngọn nến, Brahms lặng lẽ ngắm nhìn gương mặt của Clara. Những giọt nước mắt chảy dài trên đôi má nàng, trong khi Joachim thuật lại lần ông đến thăm Schumann sau hết. Clara vịn mạnh hai bàn tay vào nhau.

— Tại sao người ta ngăn cấm, không cho tôi thăm anh ấy ?

Brahms chỉ thấy có một điều: Chạy đến bên nàng và an ủi nàng.

● Brahms không biết là mình đã yêu

Qua ngày sau, vẫn mù mờ về cái trạng-thái ở chính lòng mình, Brahms viết cho Schumann: « Tôi đã trở về Dusseldorf, ngày trước ngày Noël. Những tháng ngày xa cách vợ anh mới là dài đối với tôi làm sao ! Tôi đã có thói quen quá lắm rồi đối với sự giao-tế xao-diệu của chị ấy ; tôi đã được sống một mùa hè rất tuyệt vời cận kề bên chị và tôi thấy thán phục và yêu mến chị đến mức tôi chỉ có một ước muốn : gặp lại chị. Tôi xin

nói cảm ơn anh về tiếng « mầy » (1) thân yêu trong bức thư chót hết của anh cho tôi. Vợ anh, cũng rất mực tốt như anh, cũng đã ban tặng tôi tiếng « mầy » thân mật. Đối với tôi, nó là cái bằng chứng cao cả hơn hết cho tấm lòng thân ái của chị. Tôi cố đề được xứng đáng với nó hơn nữa ».

Qua đến 15 tháng giêng, Clara đi sang Hòa-Lan. Lần này, ngôi nhà với những hình bóng ảo-tưởng của nó không còn đủ cho Brahms nữa. Với món tiền sót lại trong túi, chàng lấy vé xe lửa đi Rotterdam. Chàng ở tám ngày bên Clara, đoạn trở lại Dusseldorf. Chàng sống trong sự viết thư cho Clara và đợi chờ thư của Clara.

« Tôi không ngớt đợi một bức thư của chị... hỡi người bạn gái thân yêu tha thiết, giờ chia lìa luôn luôn đến quá sớm.

« Lại chiều nữa rồi, và ngày đã muộn. Tôi ngồi chẳng thể làm gì được, khác hơn là tưởng nhớ đến chị, đọc lại những thư của chị, ngắm cái hình ảnh thân yêu của chị. Chị không thể giải

(1) Tiếng « tu » của Pháp, dùng gọi người mình thân mật.

tỏa tôi khỏi nỗi ám ảnh này sao?»

Về phần Clara, nàng bắt chợt thấy mình cũng đợi thư của Brahms. Robert thì viết cho nàng rất ít! Nỗi tưởng nhớ thủy chung, bền vững của Brahms đi đến nàng xóa tan đi màn đêm của xa cách, đó là một tiếng gọi hướng về ánh sáng. Nàng lấy ra từ trong ấy cái sức mạnh giúp nàng tiếp-tục không mỏi mệt, từ thành phố này đến thành phố khác, từ buổi diễn này đến buổi diễn khác, những cuộc tuần-du thu hái được thành công rực-rỡ.

Nàng viết cho Brahms. Nàng an-ủi cho chàng êm dịu lại, nhưng tự thâm tâm, nàng thầm ước-mong cái nét sùng-phụng sôi động kia, nó làm phục-hồi ở nàng những sức mạnh nhằng xao đi. Brahms thì chàng say điên lên với mỗi cái hôn mà Clara ban cho chàng trong thư.

Tháng 7 năm 1855, hai người cùng đi du-lịch chung với nhau trên bờ sông Rhein. Họ đi bên nhau giữa những giàn nho, giữa những vườn cây trái, trong một ánh sáng muôn thuở của mùa xuân. Clara ngạc nhiên mà thấy mình rất trẻ ra. Nàng thấy mình bị lôi cuốn

trong cái vui tươi mê hoặc của người bạn đồng hành. Nàng kinh hãi. Cái hình ảnh tiêu tụy của Robert, nỗi thống-khổ của Robert! Nàng thấy phải kéo tư tưởng trở lại về Robert. Nàng cố ráng sức. Nhưng, dù nàng có làm gì đi nữa kể từ đây, nàng cũng cảm thấy hồn nàng phân đôi trên hai sườn dốc của con tim nàng.

Trong khi ấy, ở Endenich, trên mặt bàn làm việc của Schumann, có bức chân dung của Brahms mà Schumann đã hỏi xin và chính Schumann trang trọng đặt ở đây. Con người trai trẻ thiên tài ấy, Schumann yêu quý anh ta gần như là em của mình.

Về phần Brahms, khi chàng dự buổi tấu bản Manfred của Schumann ở Hamburg, chàng thấy chàng rất gần với Schumann, Schumann đối với chàng như chính một Brahms khác.

Rồi đó, Brahms cùng Clara và Joachim lên đường đi trình diễn. Dantzig, Hamburg, Leipzig, rồi Hamburg, Brême, Altona, Kiel. Bốn tháng sống ngày ngày bên cạnh Clara. Xa ngôi nhà êm-ả ở Dusseldorf, bên cạnh người đàn bà tiếng tăm lừng lẫy kia mà không đếm nổi được bao nhiêu là kẻ sùng-tâm ái-mộ, cái quân

binh giả tạo ở Brahms thấy lung lay. Chàng thấy ra rằng cái tình bằng hữu của chàng, nó là cái tình yêu và cái tình yêu ấy không chấp nhận được có sự chia xẻ nào ở Clara. Và chàng thấy hiện ngay ra cái bi kịch: chàng yêu người vợ của người mà chàng thấy gần chàng hơn hết, của người mà chàng thán-phục hơn hết.

Chàng quay về Dusseldorf vào mùa xuân năm 1856 và vui đầu vào trong sự làm việc.

Chàng viết cho một người bạn :

« Anh hãy hình dung cái rạn] thái tinh thần của một kẻ sẵn sàng nổ một viên đạn vào đầu mình, bởi vì không còn một đường lối ra khả-di nào cho hẳn hết... »

Khi Clara trở lại Dusseldorf sau khi đoạt được ở Vienne một kết quả phi thường, Brahms không tìm thấy lại cái nét vui tươi như ngày xưa, mà chỉ có cái nỗi ước muốn ray rức được gặp nàng. Ý nghĩ về Schumann ám ảnh chàng. Đề làm cho đẹp lòng Clara, và cũng để tự trừng phạt mình, chàng đi một vòng qua khắp các bệnh viện tinh-thần ở Đức, với hy vọng tìm ra

cho Robert một thần-y.

Clara lại đi Luân-dôn để trình diễn. Brahms đến Endenich thăm Schumann. Trong một gian phòng đầy vẻ khắc khổ, chàng đau đớn mà thấy một người tiêu tụy, hình dáng đôi khác, hư hỏng đi. Schumann vẫn nhận được Brahms và ôm hôn chàng, nhưng không ngớt lời nhai dông dài và, từng chập, chỉ có thể phát ra mỗi một âm lập tiếp nối: bababa, dadada. Brahms vừa đau đớn vừa kinh hãi. Chàng cố tìm kiếm, bên sau cái bộ mặt máy móc kia, cái linh hồn bất diệt.

Ngày 25 tháng 7, ở Luân-dôn, Clara tiếp được một điện-tín: « Nếu bà muốn được gặp mặt chồng bà còn sống, hãy tức tốc đến ». Clara bỏ tất cả, tức tốc đến Endenich. Brahms cũng theo đó. Schumann vẫn còn nhận được vợ mình và, trong một cái giật nảy người, đôi tay Schumann chòng chèo Clara. Đã hai năm rồi, họ không thấy nhau. Thế rồi, Schumann ngã ra, mất cả tri giác. Trong hai ngày rờn rã, Clara và Brahms không rời ngồi bên cạnh chừng cái thân xác ấy bị

hành hạ cứ từng chập co quắp lại rồi giật bắn ra.

Robert mất ngày 9 tháng 7 năm 1856, vào hồi 4 giờ chiều.

● **Trung thành đến chết với mối tình vô vọng**

Mười lăm hôm sau đó, Clara, đàn con nàng và Brahms ở Thụy-Sĩ, bên bờ hồ Quatre-Cantons. Họ cũng không biết là cơn ác mộng đã chấm dứt, đã qua rồi, hay là nó mới bắt đầu. Sau cuộc chấn-động hãi-hùng ấy, họ như là hai khách lữ-hành trong phong ba biển-động, và hơi nóng của người này sưởi ấm cho người kia. Họ đi bên nhau trong dãy rừng thông, và Brahms hái cho Clara những cánh hoa đang mùa khoe sắc.

Trong quyền nhật ký của Clara, nàng có viết khi nói về cái hôn cuối cùng của Schumann :

« Rồi suốt cả đời tôi, tôi chẳng quên giây phút ấy. Tôi không đời nào quên cái ôm siết kia cho với tất cả kho tàng trên trái đất này. »

Và một tháng sau đó, ở Thụy-sĩ, có ghi :

« Cuộc dạo sáng với Brahms thật thú vị ».

Clara không biết mình thế nào nữa.

Brahms cũng không biết chàng thế nào nữa.

Người ta có thể cố tâm chối bỏ cái tình của một người như Brahms chẳng? Bà quả phụ Schumann kia, nàng có thể kết hôn với một người kém nàng 15 tuổi chẳng? Clara muốn giữ cái thời gian của những cuộc dạo rừng kia, của những nỗi vui tươi, khoái hoạt kia, của những cảm xúc đột ngột nó vô chụp lấy ta ở khúc ngoặt một con đường hay ở đoạn biển chuyền một câu nói. Chăm giữ Brahms, đó là điều ước muốn của Clara. Brahms thì muốn được Clara hoàn toàn, nhưng không dám. Trong cái ngõ tâm tư bế tắc, xót xa ấy, họ vùng vẫy tự bắt mình thoát ra bằng sự làm việc.

Clara lại lên đường tiếp tục những cuộc trình diễn. Brahms miệt mài trong sự sáng tác. Đến Noël, họ về bên nhau, rồi chia tay nhau nữa. Mùa hè, họ gặp lại nhau bên bờ sông Rhein. Họ cùng đi viếng mộ Schumann.

Vì lý do nghề nghiệp. Clara quyết định rời Dusseldorf đến ở

Berlin. Brahms quen dần với ý nghĩ, duy chỉ âm nhạc là trang trí được đời chàng.

Mùa thu đã về. Một ánh mặt trời xanh xao chui mình trên cỏ giữa những ngôi mộ lạnh trang. Brahms và Clara chặm bước cạnh nhau. Cả hai đều biết rằng họ đã quá cái thời cuồng nhiệt, đam mê mà ở đây sự không thể được thành có thể. Mỗi người nhìn lại sau mình : ba năm, ba năm ấy thật đầy đủ đến mức chạm vào vĩnh cửu. Rồi họ ra đi, mỗi người một phía của mình, xa cách cái ngôi nhà ở Dusseldorf mà nơi đây đã thất bại vào nhau tình bằng hữu và tình yêu, lòng ham muốn nhiệt cuồng, tuổi trẻ và sự chết. Họ chỉ nói rất ít trên con đường nhỏ hai bên rợp bóng tàng xanh lục mà họ đang bước êm như những bước trong mơ và nơi ấy Schumann, người chồng yêu quý và người bạn cao cả của họ đang nằm yên nghĩ. Họ biết rằng tất cả đã được nói lên hết rồi.

Ngày 22 tháng 5 năm 1896, một điện tín đưa đến Brahms đang ở Vienne cái tin Clara Schumann đã mất. Trong 40 năm ấy, cuộc đời của họ vẫn giao tiếp và tình bằng-hữu của họ không ngớt được chăm sóc nhiệt thành, với ánh sáng trăm của một ngọn lửa lung lay trong gió.

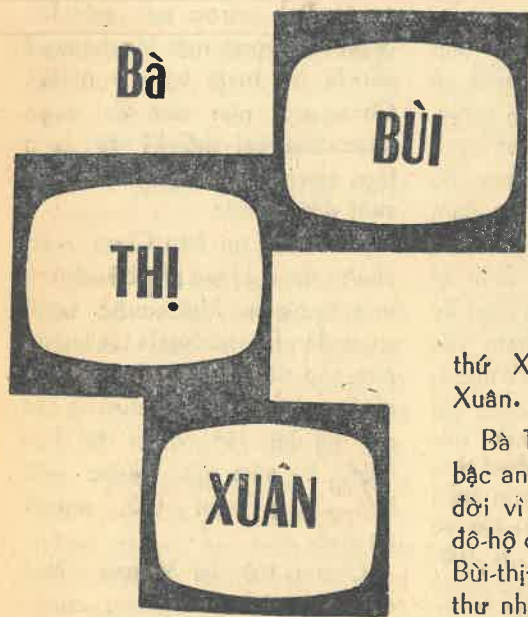
Brahms đã có yêu những người đàn bà khác nhưng vẫn không quyết định được sự cưới họ. Nỗi tuyệt vọng một lần ngày cũ vẫn là nỗi tuyệt vọng trọn đời. Chàng trở nên nhà đại soạn nhạc của cái thế kỷ 19 đang tàn, nhưng là soạn nhạc gia suốt đời cô-độc.

Khi được tin báo Clara mất, chàng đang bị tàn phá bởi chứng ung thư gan. Một cuộc hành trình đến Dusseldorf là rất không nên cho sức khỏe của chàng, nhưng chàng vẫn lên đường đến đây để đặt lên quan tài của Clara ba nắm đất. Nước mắt làm chàng ngọt thờ, nghẹn ngào.

Chàng trở lại Vienne. Nơi đây, ánh vinh quang sau cùng, đã được chinh phục đúng như tấm lòng hoài bão của chàng lúc 20 tuổi lìa nhà ra đi, nhưng bao nhiêu danh vọng cũng không an ủi được chàng trong nỗi niềm cô tịch và trong ý thức về sự mong manh của những sự vật trên cõi thế trần.

Ba năm sau đó, Brahms mất. Vào ngày 3 tháng 4 năm 1899, Trong phòng chàng, có hai bức chân dung của Robert và của Clara Schumann.





thứ XIX lại có Bà Bùi-thị-Xuân.

Bà Trưng, Bà Triệu là những bậc anh-thư, danh thơm muôn đời vì công cứu-quốc thoát ách đô-hộ của quân Tàu. Trái lại, Bà Bùi-thị-Xuân cũng là bậc anh-thư nhưng hiếm vì « sinh bất phùng thời » (sinh chẳng gặp lúc), lại gặp phải thời nội-chiến: nên Bà đã phải phò một triều đại giữa buổi suy-tàn : — Nhà Tây-Sơn.

★ *Trần - nhâm - Thân*

Giữa Bà Trưng, Bà Triệu đối với Bà Bùi-thị-Xuân, tuy công trạng khác nhau, song lòng dũng-cảm và tài thao-lược của Bà Bùi-thị-Xuân cũng đáng đề cho chúng ta thán-phục và truyền-lộng mãi.

NẾU thể-kỷ thứ I có hai Bà Trưng (40-43) và thể-kỷ thứ III có Bà Triệu, thì đến thể-kỷ

Bà Bùi-thị-Xuân người thôn Xuân-hòa, xã Bình-Phú, quận Bình-Kê, tỉnh Bình-định, và là vợ của danh tướng Tây-Sơn Trần-quang-Diệu. (1).

Bà là một tay võ-tướng giúp nhà Tây-Sơn xuất sắc nhất. Bà đã từng lập được nhiều huân-công trong trận đuổi quân nhà Thanh và đã từng đem 5.000 (2) thủ-hạ tiến đánh lũy Trấn-Ninh (3) do quân Nguyễn chống giữ.

Trong trận đánh lũy Trấn-Ninh Bà Bùi-thị-Xuân đã tỏ ra là người đầy khí-phách.

« ... Tháng Giêng năm Nhâm-Tuất (1802), vua Tây-Sơn (4) sai Nguyễn-quang-Thùy (5) tiến quân lên đánh lũy Trấn-Ninh, đánh mãi không đổ. Vua Tây-Sơn đã toan rút quân về, nhưng Bùi-thị-Xuân không chịu, xin cho ra đốc quân đánh trận. Đánh từ sáng sớm đến chiều tối, chưa bên nào được, thua... » (6)

Trong khi Bà Bùi-thị-Xuân hăng máu đốc thúc quân sĩ tấn công kẻ địch và tình thế sắp đưa Bà làm chủ đồn lũy quan trọng này, thì vua Cảnh-Thịnh rút lui đến một dặm rưỡi đường rồi. Đến khi quân lính nghe tin nhà vua đã rút, họ liền hoảng sợ,

mất hết tinh thần, vội xin Bà cho lui quân.

« .. Bà nữ-tướng tài ba (7) giận vì chiến thắng đã đến tay mà không được hưởng danh buộc lòng lui binh thế là hàng ngũ rối loạn, mạnh ai nấy chạy, bỏ cả khí giới. Các tướng tá sợ bị dân chúng và binh lính ngược đãi nên cải trang, bỏ cả nhung y khí-giới duy bà Thiệu-phó (8) vẫn giữ nguyên đoàn hộ vệ, chạy theo kịp vua Tây-Sơn và

(1) Có sách chép là Nguyễn-quang-Diệu.

(2) có sách ghi 300.000

(3) Lũy Trấn-Ninh tục gọi « lũy thầy », do Đào-duy-Từ (1572-1634) đắp. Lũy Trấn-Ninh thuộc tỉnh Quảng-Bình.

(4) Tức Vua Cảnh-Thịnh (1782-1802), tên là Nguyễn-quang-Toản.

(5) Con thứ Vua Quang-Trung, em ruột Cảnh-Thịnh.

(6) Theo Trần-trọng-Kim, Việt-Nam sử-lược in lần thứ sáu (1958) trang 403.

(7) và (8) Nữ tướng tài ba (La valeureuse commandante — L'ère glorieuse de la Bissachère) Thiệu-phó (chức do vua Cảnh-Thịnh 1782-1802 phong cho Trần-quang-Diệu, một trong « tứ-trụ đại-thần »). Hai danh-từ này, ở đây chỉ vào Bà Bùi-thị-Xuân.

bảo vệ nhà vua về kinh-đô Bắc-hà...» (9)

Sau khi hay tin quân Tây-Sơn thua ở Trấn-Ninh, hai tướng Tây-Sơn là Trần-quang-Diệu và Vũ-văn-Dũng đang ở thành Qui-Nhơn liền bỏ thành (tháng 3 năm Nhâm-Tuất, 1802) để đem binh tướng đi đường Ai-Lao ra Nghệ-An để hội với Tây-Sơn lo việc chống giữ.

Vừa ra đến Châu Qui-hợp, xuống huyện Hương-Sơn, thì Trần-quang-Diệu đã thấy Nghệ-An lọt về tay nhà Nguyễn rồi. Lúc này, Trần-quang-Diệu và Bà Bùi-thị-Xuân gặp nhau, rồi cùng nhau cỡi chung một con voi kéo về huyện Thanh-Chương, bao nhiêu quân-sĩ đều bỏ cả, được mấy hôm thì hai vợ chồng bị bắt vì bị chúa Nguyễn cho quân lính giả làm thường dân mang đồ vật đến tiếp tế để được gặp hai người mà bắt lấy.

Còn Vũ-văn-Dũng khi chạy ra đến Nồng-Cống lại bị dân bắt được, đem nộp cho chúa Nguyễn.

Trong một bài nói về đất nước Bình-Dịnh, tác-giả Quách-Tấn có cho ta biết rằng Bà Bùi-thị-Xuân... chẳng những Bà đánh trận rất hăng, mà còn có đờm-lượng phi thường và tài điều-

kiển voi thần-diệu.

Các vị phụ-lão ở Bình-Khê thường kể lại việc Bà tập voi tại gò Xuân-Hòa rằng :

Bà chỉ-huy một đội chiến-tượng một trăm thớt, và thường đem ra tập-dượt trước khi ra trận. Bà cỡi con voi chúa đàn, mình mặc áo chên, lưng đeo kiếm trường, đầu chít khăn xanh, tay cầm cờ đỏ. Đoàn chiến tượng dồn cả ở trên gò. Khi Bà chưa lên lưng voi thì hàng ngũ rất lộn-xộn. Nhưng nghe tiếng tù-và rúc thì đoàn voi rậm-rấp đến sắp hàng chỉnh-tề, và hướng về phía Bà đứng im-lim chờ lệnh. Hiệu cờ phất, đoàn voi rẽ làm đôi hoặc làm tư, làm tám... chạy tới hoặc trở lui, sang tả hoặc sang hữu... khi mau khi chậm, khi lặng lẽ đến con ruồi bay cũng nghe, khi hét lên nghe rợn cả tóc gáy...

Dãy gò Bà tập voi hiện nay đã bị phá vỡ thành ruộng, song

(9) Theo La Relation sur le Tonkin et la Cochinchine de Mr De la Bissachère (1807) bản dịch của Phạm-dinh-Khiêm đăng trong Văn-Đàn số tân-niên Nhâm-Dần (1962).

vẫn còn một đôi dấu-tích của thời xưa...» (10)

Về cái chết của Bà Bùi thị-Xuân và mấy người con của Bà, mỗi người nói mỗi khác. Đó cũng là một điểm quan-trọng, mà chúng ta cần phải lưu-ý. Ở chi tiết này, có người cho rằng Bà Bùi-thị-Xuân có 2 người con bị hành-hình và Bà bị Nguyễn-Ánh gia-hình bằng cách «thấp-đuốc». Có người lại cho rằng Bà Bùi-thị-Xuân có 1 người con gái bị hành-hình bằng và Bà chết đi bởi cho Voi chơi «Vô-lay»; hoặc có người thuật lại cho tôi nghe thì Bà Bùi-thị-Xuân bị gia-hình bằng cách «Tứ-tượng phanh thây», nghĩa là người ta cột tay chân Bà Bùi-thị-Xuân vào 4 con voi rồi đánh voi đi, mỗi con một hướng để xé thân-thê Bà ra! — hoặc nói trống là Bà bị Nguyễn-Ánh bắt được rồi giết chết. Chúng tôi xin trích dẫn vài tài-liệu khác nhau ấy.

Tài-liệu cho rằng Bà Bùi-thị-Xuân có 2 người con bị hành-hình và Bà bị Nguyễn-Ánh gia-hình bằng cách «Thấp Đuốc».

1. — TÀI-LIỆU CỦA QUÁCH-TẤN. «... Năm 1802 Bà (chỉ Bùi

thị-Xuân) và HAI CON bị Nguyễn-Ánh bắt được. Để trả thù, Nguyễn-Ánh đem treo HAI NGƯỜI CON Bà lên CỘT CAO để hành hạ và giết chết trước mặt Bà, rồi đem ra pháp-trường lấy vài tầm dầu quấn cùng mình, CHÂM LỬA ĐỐT. Từ khi bị bắt đến khi chết nét mặt Bà không hề thay đổi, đáng diệu lúc nào cũng bình tĩnh oai-nghiêm...» (11)

2) TÀI LIỆU TRONG «THIÊN NAM NHƠN-VẬT-CHÍ» VÀ CỦA ĐỖ-PHONG-THUẦN. —

Ở cuốn «Lịch-sử cận-đại danh nhân thi-tập» của Long-Giang Đỗ-phong-Thuần, tác-giả có thuật lại tiểu-sử Bà Bùi-thị-Xuân theo cuốn «Thiên-nam nhân-vật-chí» và trong bài vịnh của Ông, cũng đều cho biết Bà Bùi-thị-Xuân đã chết giống như sử-liệu Quách-Tấn viết vậy.

Bùi-thị-Xuân

Bà Bùi-thị-Xuân, vợ Đại-tướng Trần-quang-Diệu, là một

(10) Trích trong Nguyệt-San Sáng-Dội Miền-Nam loại III — số 3 (21) tháng 3-1961.

(11) Trích trong nguyệt-san Sáng-Dội miền Nam nói trên.

nữ-tướng trào Nguyễn Tây-Sơn, rất dũng cảm, võ-nghệ cao cường, đánh chúa Nguyễn nhiều trận đại-bại. Sau thất-cơ bị bắt phải bị hành-hình « LẤN ĐỀN » ĐỐT CHÁY CẢ THI HÀI.

(Chép theo Thiên-nam nhơn-vật-chí)

Bùi-thị-Xuân

*Múa kiếm đầu voi khí lấy-lùng,
Tây-Sơn nữ-tướng, Bùi-thị-Xuân
Quần thoa oanh-liệt tranh nhiều
trận!*

*Cung mã xông-pha thẳng mấy
lần.*

*Nổi tiếng anh thư vang một cõi,
Gìn lòng tiết-liệt cảm bà-quân.
Sa cơ phải chịu thân làm đước,
Ngọn lửa vô-nhân thấu chín
từng (12)*

(Long-Giang Đỗ-phong-Thuần)

Tài liệu cho rằng Bà Bùi-thị-Xuân chỉ có một người con gái bị hành hình và Bà chết đi bởi cho voi chơi « vô-lay »

1. — TÀI-LIỆU CỦA GIÁO-SĨ DE LA BISSACHÈRE «...Ông (chỉ Trần-quang-Diệu, chồng của Bà Bùi-thị-Xuân) có MỘT NGƯỜI CON GÁI 14-15 tuổi, thanh-tú kiêu-diễm, cũng bị tội ;

khi cô ấy thấy con voi không-lò tiến-sát đến đề tung mình lên, cô thất-thanh kêu lên voi mẹ: « mẹ ơi! cứu con! » Bà mẹ chính là vị tướng (tức Bùi-thị-Xuân) đã chỉ huy đạo-binh, liền nói: « Mẹ cứu mẹ không nổi, làm sao cứu con được, con hãy đành lòng chết chung với cha con, gia-đình con, còn hơn là sống với những hạng người này... » Nhiều người chứng kiến đều ước muốn cứu cô ấy, khi thấy voi thúc ngà tung cô lên khỏi mặt đất hai lần, họ đều ngánh mặt đi không dám nhìn.

Đến lượt hành-hình người nữ anh-hùng tức là vợ quan Thiếu-phó (hay Trần-quang-Diệu), Bà tiến ngay đến trước mặt voi đề khiêu-hịch nó, và khi Bà đã đến gần, người ta kêu Bà quỳ xuống cho voi để húc vào, nhưng Bà không nghe cứ đi thẳng đến con voi. Người ta kể rằng, mặc dầu con voi đã bị khiêu-khích rất mạnh, phải thúc nó, nó mới TUNG BÀ LÊN, vì dường như nó vẫn còn nhìn

(12) Trích trong « Lịch-sử cận-đại danh-nhân thi-tập » của Long-giang Đỗ-phong-Thuần, sách xuất-bản ở Saigon năm Canh-Tý (1960).

nhận Bà như một trong những chủ cũ của nó. Trước khi hành-hình, người phụ-nữ can-dảm này đã nhờ người đem vào trong ngục cho mình nhiều tấm lụa, Bà dùng lụa ấy quấn chặt lấy bắp vế, đùi và khắp thân-thề, rồi ngoài mới mặc áo để tránh sự lỏa-lồ trong lúc bị hành hình (...).

Người ta nói rằng chỉ có Bà gan dạ ấy cùng với chồng Bà và em út vua Tây-Sơn (tức Nguyễn-quang-Bàn) là không đổi sắc mặt lúc bị xử-tử, bao nhiêu người khác đều tái mặt đi vì run-sợ » (13).

(Phạm-đình-Khiêm dịch)

2. — TÀI-LIỆU CỦA SƠN-NAM : Giống như tài-liệu giáo-sĩ De la Bissachère, ông Sơn-Nam đã viết NỮ ANH-HÙNG BÙI-THỊ-XUÂN như sau :

— « Sau khi thâu-phục được sơn hà, vua Gia-Long ra lệnh xử tử vua Tây-Sơn (Quang-Toản) cùng các vị tướng lãnh của Tây Sơn như Thiếu-phó Trần-quang-Diệu và vợ là Bùi-thị-Xuân.

Trần-quang-Diệu bị tội lột da. Kể đến lượt đứa con gái của

Trần-quang-Diệu. Đứa con gái ấy mới chừng 15 tuổi. Khi thấy voi tiến tới quẩn giết mình, đứa gái la hoảng :

— Mẹ ơi ! cứu con.

— Chân tay của mẹ bị trói hết rồi, không phương nào cứu được. Con hãy vui lòng mà chết luôn với mẹ cha, còn hơn là sống với bọn này.

Con voi quơ vòi, cuốn đứa con gái, quăng lên trời rồi đưa hai ngà ra hứng. Hai lần như vậy, đứa con chết hẳn.

Bà Bùi-thị-Xuân không thay đổi sắc mặt. Bà bước tới trước con voi nọ. Bọn đao phủ ra lệnh cho bà phải quỳ xuống để con voi dễ quẩn.

Bà không tuân lệnh, cứ bước tới như hăm dọa. Con voi thối lui. Bọn đao-phủ phải cầm gươm đâm voi nọ, chọc tức. Voi bước tới quẩn Bà, THẢI LÊN rồi đưa hai ngà ra hứng. Nhìn xác của Bà, ai nấy đều khâm-phục. Bà đã dùng lụa mà quấn sẵn chung quanh ngực, bụng, bắp vế. Lốp quần-áo ngoài tuy rách nát nhưng Bà không lỏa-lồ chi hết. Bà đã đoán trước cực hình này

(13) Trích trong tuần báo « Văn-Đàn » nói trên.

đôi ba ngày, nên đã chuẩn bị thân-thề trước...» (14)

Lược qua vài tài-liệu kể trên, ta thấy tuy hình-thức chết của Bà Bùi-thị-Xuân mỗi người nói mỗi khác, song khí-sắc của Bà trước khi chết họ đều nói như nhau.

Bà Bùi-thị-Xuân chết đi, nhưng danh Bà vẫn sống trong lòng người dân Bình-Định, nói riêng và trong lòng người Việt, nói chung. Danh Bà sống bởi lẽ Bà có tài lãnh-đạo quân sự, có chí trung-kiên và lòng gan dạ. Với những đặc-điểm này chỉ có phái tu-mi mới có; song đối với ai chứ đối với Bùi-thị-Xuân thì Bà đã hân-hạnh được giữ cái vinh-dự ấy. Cho nên, chúng ta là kẻ nam-nhi nếu có tâm hồn yếu hèn thì có lấy làm xấu hổ trước gương sáng của Bà Bùi-thị-Xuân không?

« Bà Bùi-thị-Xuân đã để lại tấm gương dũng liệt, và đến nay, tại nơi quê-hương Bà còn truyền bài thơ ca-tụng tài-đức bậc anh thư như sau:

Xưa nay khăn yếm vượt mây
râu,
Bùi-thị phu-nhân đứng bậc đầu.
Chém tướng, chặt cờ khoe kiếm
sắc,

Vào thẩn ra quý, tỏ mưu sâu
Quên nhà, nợ nước, đem toan
trước,
Vì nước, thù nhà, đề tính sau.
Tài đức nghìn thu còn nức
tiếng,
Non còn chảy ngọc bởi vì
đâu ?



(14) Trích trong « Chuyện xưa tích cũ » tập II, của Sơn-Nam, sách do Rạng-Đông (Saigon) xuất bản, trang 39-40.

Trong 4 đoạn trích trên đây (của các số ghi chú 11, 12, 13 và 14), những chữ in đậm và những chữ trong ngoặc đơn là của bút-giả chú (trừ ngoặc đơn đoạn trích thứ 2 của số ghi chú 12, của Đỗ-phong-Thuần; và đoạn trích thứ 4 — số ghi chú 14 — là của Sơn-Nam). Các chú thích trong bài này đều của thuật giả chú.

(15) Theo Việt-Nam Danh Nhân tự điển của Nguyễn huyền Anh, trang 23, cột 1 — Sài-gòn, 1961.

Theo chỗ tra-cửu của chúng tôi thì bài thơ trên đây có tác - giả hẳn hoi, đó là ông Kỳ-Hoa Nguyễn văn - Trước sáng tác. Độc giả muốn kiểm chứng thì cứ việc lật cuốn Văn-hóa nguyệt-san — Bộ mới. Bộ Quốc-gia giáo dục, Sài-gon, xuất bản — số 1 tháng 4 năm 1955, trang 83 và 84 sẽ rõ.

sầu độc hành

★ VƯƠNG-HUYỀN-TRANG (K. H.)
(Gia-Định)

Nhấp chén rượu đời lệ đắng môi
Mạch sầu ray-rức mảnh tim cô
Dù đời đau khổ men cay đắng
Chuồn cạ ly nòng cổ nuốt trôi.



Chập-chènh bước dần theo ảo ảnh
Gập gềnh đường xá quá thênh-thang
Hành trang vốn-vẹn trong tim giá
Một gánh u-sầu nặng biết bao!

Ký ức ghi đầy chuyện vẫn vương
Độc hành đếm bước giữa sầu thương
Giận đời vò nát trong tiềm thức
Ý nghĩ mơ hồ giữa gió sương!

Sương gió phôi-pha lời ước nguyện
Lỡ-làng bỏ mất tấm chân tình
Maj kia tôi chết trong lòng đất
Vì quả tim sầu ai có tin?

Và giữa đêm dài mây chơ vơ
Những vì sao rụng đến bao giờ?
Tâm hồn lạc lõng thêm chua xót
Nhìn bóng đêm buồn qua giấc mơ.

Trong đêm tối ước điều nho nhỏ
Giá có mặt trời soi lối đi
Đề đón hoa lòng bên gối mộng
Mơ màng xiết chặt giữa bàn tay.

tiếng dương cầm

★ H. K. K. M.
(Đài-Trang — Đà-nẵng)

Ngồi bên dương cầm
Mười ngón tay em lướt nhẹ trên phím
Đôi môi cười chúm chím
Em đàn cho ai nghe đêm nay ?
Hồn say say
Theo cung đàn dề mê
Ai ngồi bên tê đường
Ai đi trong hơi sương
Dừng nơi đây, người ơi ! đêm khuya rồi...

Cành trăng cài lên tóc
Tiếng dương cầm đêm nay như khóc như than.
Sầu mang mang
Tình lang ơi ! người là ai
Nghe chẳng lời em trong âm vang dương cầm ?
Gió thì thầm câu trả lời tê tái
Tiếng tơ đồng réo rắt khúc bị ai
Mười ngón tay sầu cô đọng
Lướt trên phím ngà bản hận tình ca.

Trời chong đuốc sáng đốt màn đêm tăm-tối
Em gục đầu trên phím trắng khóc sầu tư
Nỗi niềm tâm sự
Trút trong tiếng đàn đêm qua
Bàn tay chừ đây rã dại
Đánh được gì trong đêm mai ?



hai lần
mở mắt

★ Hoàng-Thắng

ĐÃ hơn hai tháng rồi Tú không thấy Loan tới thăm mình. Chàng sông khổ sở trong chờ đợi. Giờ đây chỉ còn có Loan là người đem nguồn hy vọng tới cho chàng mà thôi. Nằm trong nhà thương, mũi chỉ ngửi thấy mùi thuốc, chàng thèm được ngửi một mùi nước hoa quen thuộc. Không phải ở trong bệnh-viện này thiếu thứ đó — vì không có một cô y-tá nào mà không dùng — nhưng Tú muốn được ngửi mùi Glamour

do chính của người vợ chưa cưới của chàng xúc.

Cô Lý — người nữ y-tá ở đây — cũng dùng nước hoa Glamour nhưng cô Lý đâu có phải là Loan !

Vì Tú không thể nhìn được mặt cô ta nên anh đã phải hỏi một người nằm cùng phòng về nàng khi lần đầu tiên anh được nghe tiếng nói dịu dàng, trong trẻo của cô y-tá.

— Bảo rằng cô Lý xấu nhất trong những cô y-tá ở đây,

anh cũng đừng tưởng rằng cô ấy xâu thiệt đâu. Chỉ vì... các cô khác đẹp quá đây thôi... ! Người bạn mới đã nói với anh như vậy.

Tú đã chép miệng nói :

— Thiệt Ông Trời ở cũng không đến nổi bắt công làm nhĩ ! Cô nào xâu lại được Trời phú cho một giọng nói có thể làm âm lòng người nghe. Riêng tôi đã từng thấy, có nhiều cô rất xinh đẹp nhưng khi mở miệng nói thì vô duyên hết sức. Giọng nói gì mà chua như dấm hoặc ô ô hơn cả giọng đàn ông chúng mình.

Trong những ngày Tú nằm chữa bệnh, cô Lý đã an ủi, khuyến khích Tú mỗi khi thấy anh thờ dài tuyệt vọng. Tú chán nản cũng phải. Giờ đây chàng đâu có nhìn thấy gì nữa. Đôi mắt của anh đã mất hẳn ánh sáng rồi. Anh đã bị mù !

Hai tháng rưỡi trước đây, trong một cuộc đi chơi bằng xe hơi với người vợ chưa cưới trên đường Saigon-Dalat, Tú đã để xe đâm vào một gốc cây. Nhưng mảnh kiềng chắn gió bị bẻ, tấp vào mắt anh làm

anh không còn nhìn thấy gì hết.

Tai nạn xảy ra thiệt cũng lãng xẹt. Chỉ có một con nai từ bên phía cạnh rừng thưa trước mặt chạy vút qua đường làm Loan rú lên kéo mạnh tay Tú về phía mình. Bị kéo bất ngờ, Tú đã để tay lái ngoẹo theo chiều rồi đâm xâm vào gốc cây.

Sau đó Tú ngất đi không biết gì nữa. Về sau Tú được Loan kể lại cho nghe khi nàng tới thăm anh trong bệnh-viện. Tú mới biết, anh được mầy người đi xe từ trên Dalat xuống chở anh và Loan về Saigon cứu cấp, Loan may mắn không việc gì. Nàng đã tới hãng bảo-hiêm báo cho ở đó hay để cho xe rời-móc lên kéo xe của anh về.

Đôi mắt bị quấn băng kín, Tú không nhìn thấy gì hết. Mặt anh nhứt nhối khó chịu. Anh đã nói với Loan, giọng chán nản :

— Không khéo anh mù mắt em ạ ! Nếu anh mù, đời anh tàn rồi còn gì.

Loan đã nắm tay anh nói nhỏ, giọng nghẹn ngào :

— Anh đừng có tuyệt vọng. Bác-sĩ nói mắt anh sẽ khỏi. Anh lại nhìn thấy như xưa. Anh đừng nên bi-quan.

Ngưng lời như đề cô nên con xúc-dộng. Loan nói tiếp :

— Mà dù anh có bị mù chẳng nữa, em vẫn yêu anh. Em không thể nào xa anh được, nhất là chính do lỗi nơi em đã làm cho anh bị khổ. Anh cứ yên tâm nằm tĩnh-dưỡng, em sẽ vào thăm anh mỗi sáng.

Nghe Loan an-ủi mình, Tú lĩnh cảm một sự tan vỡ sẽ không thể nào tránh được qua lời nói ngập ngừng của nàng. Anh biết rằng, khi một người đàn-bà an-ủi mình, nhắc nhở tới nỗi tình chung thủy của hai người lại chính là lúc họ muốn xa mình nhất.

Mấy ngày đầu Loan còn năng tới thăm anh, nhưng tới tuần lễ thứ nhì, Tú đã chờ đợi mãi mà không thấy Loan lại. Rồi hôm sau, hôm sau nữa, thời gian cứ thân nhiên trôi qua một cách tàn nhẫn cùng với sự vắng mặt của Loan. Tú băn-khoăn không hiểu tại sao Loan không tới thăm mình. Anh tưởng rồi đây mình sẽ

chết héo mòn trong mong đợi, nhớ nhung vì Loan.

Đột nhiên tiếng cô Lý vang nhẹ một cách êm ái :

— Ông Tú có thư đây này ! Không để cho Tú phải hỏi, cô Lý nói luôn :

— Thư của bà Loan gửi cho ông đó. Ông chịu khó chờ một chút nhé, tôi đi phát thư cho mầy người bệnh khác rồi tôi quay trở lại đọc dùm ông.

Tú nóng bừng người. Một niềm vui khó tả dâng lên, anh thấy mình yêu đời hơn bao giờ hết. Dù Loan không đến nhưng đã có thư cũng được đi.

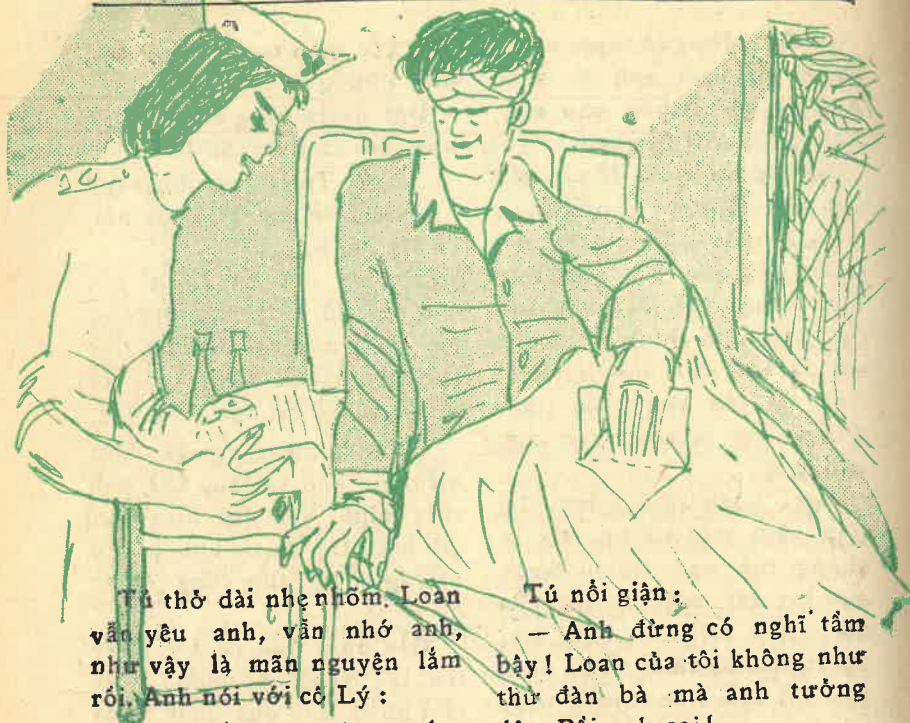
Mấy phút sau cô Lý quay trở lại. Nàng xé phong thư làm nhăm đọc qua một lượt rồi mới chậm rãi đọc.

Anh Tú yêu,

Ít lâu nay em bận quá nên không thể tới thăm anh được, nhưng anh cứ tin rằng lúc nào em cũng tưởng nhớ tới anh, luôn luôn yêu anh như thuở nào.

Chúc anh vui, yêu đời để chóng bình phục.

*Em,
LOAN*



Tú thở dài nhẹ nhõm. Loạn vẫn yêu anh, vẫn nhớ anh, như vậy là mãn nguyện lắm rồi. Anh nói với cô Lý:

— Cô cất đùm phong thư đó vào ngăn kéo đầu giường cho tôi.

Rồi anh nghĩ thầm trong bụng:

— Ta sẽ ấp-ủ lá thư đó mỗi khi ta nhớ tới nàng.

Khi cô Lý ra khỏi phòng rồi, người bạn nằm giường bên nói:

— Du dương quá heng! Em yêu anh, em nhớ anh, nhưng liệu có đúng như vậy không?

Tú nói giần:

— Anh đừng có nghĩ tâm bậy! Loạn của tôi không như thư đàn bà mà anh tưởng đâu. Rồi anh coi!

Ồ, nếu nàng quên tôi, tôi sẽ phát điên mất. Tôi sẽ tự tử nếu mất nàng.

Người bạn tỏ vẻ bi quan:

— Ủ, rồi coi coi!

★

Sáng nay, một buổi sáng đẹp trời, ánh nắng tỏa dịu trong phòng bệnh. Đối với Tú hôm nay là một ngày trọng đại. Y học sẽ làm cho Tú sung sướng hẳn hoan hay sẽ u sầu suốt một

kiếp người. Sáng nay bác-sĩ sẽ tháo băng bịt mắt của Tú.

Khi chiếc băng đã được tháo bỏ, Tú nhìn thấy mờ mờ mọi vật. Bác-sĩ cho hay, chỉ độ một vài hôm nữa anh sẽ nhìn rõ như xưa. Bác sĩ cũng cảm anh không được nhìn một thứ gì lâu quá vì đôi mắt của anh hãy còn yếu lắm, nhất là không được coi thư từ, báo chí.

Tú sung sướng đèn lặng người đi khi ánh sáng đã trở về với anh. Nghe bác sĩ căn dặn anh chỉ gật đầu mà không thốt được nên lời.

Nhìn những khuôn mặt của mây cô điều dưỡng, anh không biết ai là người đã từng chăm sóc cho mình. Dù chưa nhìn được rõ ràng, anh thấy cô nào cũng xinh đẹp cả. Anh thầm nghĩ:

— Cô Lý là cô nào nhỉ?

Nhưng rồi anh cũng được thỏa mãn tính hiếu kỳ của mình, vì chính cô Lý đã đưa anh trở về phòng. Anh lắp bắp nói vài câu cảm ơn nhưng cô Lý chỉ mỉm cười không đáp.

Tới phòng, Tú reo to khi nhìn thấy người bạn cùng buồng:

— Ông bạn, tôi nhìn thấy ông rồi!

Người bạn đang nằm xem báo, vội nhòm dậy hỏi:

— Anh đã lành rồi ư? Tôi chia vui cùng anh nhé!

Tú nắm chặt tay người bạn. Hai bàn tay xiết lại.

Trong khi hai người đàn ông đang mãi chia vui cùng nhau, cô Lý lặng lẽ bước ra ngoài khép cửa lại.

Tú hàn huyên một lúc rồi như chợt nhớ ra một điều gì, anh vội bước về phía bàn ngủ lục lọi. Khi tìm được phong thư, anh vội cầm lên xem. Người bạn thấy thế vội nói:

— Mắt anh hãy còn yếu lắm đừng nên xem vội. Sớm muộn gì coi cũng được mà!

Tú hơi lưỡng lự, anh nhớ tới lời căn dặn của bác-sĩ khi này. Định cất phong thư đi, nhưng sự háo hức trong lòng đã hồi thúc anh phải nở ra coi. Tú chắc lưỡi rồi rút lá thư ra. Tay run run, nhìn tờ giấy, anh thốt kêu lên:

— Trời ơi! Tôi không nhìn thấy gì cả. Tôi chỉ thấy tờ giấy trắng mà thôi. Chắc mắt tôi bị hư mất rồi!

Người bạn cùng phòng nghe Tú kêu giật mình ngồi dậy. Khi nhìn thấy tờ giấy trong tay Tú, ông ta ngạc nhiên vội nói:

— Thì đó là tờ giấy trắng chứ sao nữa!

Tú run run hỏi:

— Thiệt hả? Đúng là tờ giấy trắng à?

— Đúng vậy!

Tú thắc mắc:

— Vậy lá thư của Loan gửi cho tôi đâu?

Trong khi đó cô Lý mở cửa chạy vào vì nghe có tiếng ồn ào trong phòng của Tú. Nhìn thấy Tú cầm tờ giấy trắng cô hiểu ngay câu chuyện. Cô Lý hỏi:

— Ông chỉ thầy là một tờ giấy trắng phải không?

Tú hỏi lại:

— Chỉ là tờ giấy trắng thiệt ư? Vậy tôi đã nhìn rõ lá thư? Thề còn... còn lá thư mà cô đã đọc cho tôi nghe khi trước đâu? Có hay không?

Rút lá thư trong túi áo blouse ra, cô Lý trao cho Tú:

— Bây giờ mắt ông đã lành rồi, ông có thể *thần-nhiên* đọc lá thư này được. Đáng lẽ phải vài hôm nữa, chờ cho mắt khỏi hẳn ông hãy coi, nhưng chuyện đã xảy ra như thế này, ông cứ việc coi, cũng không sao cả.

Tú hơi ngạc-nhiên khi nghe cô Lý nói mình có thể *thần-nhiên* đọc được. Anh run run đỡ lá thư trong tay cô Lý. Những giòng chữ quen thuộc của người yêu hiện rõ trước mắt Anh. Anh đọc nhỏ:

Anh Tú,

Em biết rằng em xử sự như thế này là bất-nhiên nhưng em cũng cần phải viết cho anh hay, chuyện đã xảy đến với anh như vậy, em không biết tính sao hơn.

Anh thử nghĩ xem, em hãy còn trẻ, xinh đẹp mà phải lấy một người chồng mù lòa thì đời em còn có nghĩa lý gì nữa?

Đời người con gái chỉ được vài năm xuân sắc, mà cái sắc đẹp đó không được người chồng biết đến thì cũng ồng cả cái đẹp đó đi.

Mấy lời văn tắt, mong anh hiểu lòng em. Chuyện dĩ-vãng hãy để lui về dĩ-vãng, đừng nhớ tới làm chi.

Người yêu cũ của anh.
LOAN

Tú chậm chạp bước về phía cửa sổ, xé lá thư thành từng miếng nhỏ rồi tung lên trời. Anh mỉm cười chua chát nhìn từng miếng giấy đang nhón nhờ bay theo gió lộng.



ba ngày cho em

chứa nhiệt

mãi anh lên cao nguyên
buồn nơi thành phố nhỏ
em trở về ánh đèn
anh trở về sách vở

thứ hai

xe mỗi giờ lên cao
đời mỗi giờ thêm lạnh
đường dài như ước ao
tương lai còn xa lánh

thứ ba

chiều nay anh cô đơn
bước trong lòng phố gió
thăm, đọc tên Yvonne
như nỗi buồn thơ nhỏ

★ MY-SƠN
(Đại-học Dalat)

mưa
đầu
thu

Lửa Hạ tan dần theo luống
mưa
Mây buông lạnh-lạnh gió sang
mùa;
Sao đêm thoi thóp buồn muôn
thuở!
Lá rụng, Thu về! Anh nhớ
chưa?

Đã mấy Thu rồi! Anh cứ đi..!
Đường quê mờ tắt nấc xanh rì
Ngày bên thếp sừng, đêm liêu
vải
Gió bạt bốn mùa nếp chiến-y!
Mưa buốt núi rừng anh lạnh
không?
Có buồn trông mãi áng mây
Hàn?
Có nhìn khói tỏa mơ hình mẹ?
Có thấy trong hồn ngập nhớ
mong?

Trải mấy phân kỳ thư nhuộm
xanh
Ngồi ôn Thu cũ buổi lâm-hành
Xiu xiu nét chữ lồng trang giấy
Hồn kẻ chờ mong gửi đến Anh.

★ MẠNH-TRANG
(Chung dòng)
Cần-Thơ

TÔI LÀ
ĐÀN BÀ NHƯNG
TÔI BIẾT TRƯỚC
TÔI SẼ



THÀNH
ĐÀN-ÔNG

★ PHƯƠNG-CHI

Dưới đây là lời tự thuật của Robert Allen trước kia là đàn bà, đến 30 tuổi hóa thành đàn ông. Robert Allen hiện nay là nhân viên đài phát thanh London mà nhiều người đã được gặp.

★

— **T**HƯA bà, bà vừa sanh được một bé gái. Đó là lời bà mẹ nói với mẹ tôi, cách đây non 40 năm, ngày mẹ tôi sinh tôi ra đời.

Theo sự chứng nhận của khoa học và do nét người của tôi,

quyết định tôi là gái kìa như rõ ràng nên mẹ tôi đặt tên cho tôi là Joyce, Joyce Allen.

Rồi ngày tôi lên 6 tuổi, ngày cắp sách đến trường làng để học, lúc giờ ra chơi, tôi cảm thấy xúc động đầu tiên vì những lời của bọn học-trò bảo:

— Mày đến đây làm gì với chúng tao! Mày không phải con gái! Mày giả gái! Hãy qua trường con trai mà học.

Chúng nói thế mặc chúng chứ. Còn tôi, tôi cũng mặc váy, để

TÔI LÀ ĐÀN BÀ NHƯNG TÔI BIẾT TRƯỚC

tóc dài. Chỉ có dáng đi của tôi thì khó phân biệt, cũng có thể gái mà cũng có thể trai làm cho bọn ranh con chế nhạo tôi, tách riêng tôi ra và không thèm chơi với tôi.

Lên đến 7 tuổi, tôi không còn vô tư được nữa. Đâu đâu và lúc nào, tôi cũng thấy khổ sở, xem mình như một tên khốn nạn đứng khùng giữa hai giống nữ nam. Người tôi xem ra xấu xa khó coi quá.

Bỗng nhiên tôi trở thành ghét áo quần phụ-nữ. Những đôi bít tất đặc tiền dài lên đến háng mẹ tôi mua cho tôi, bị tôi xé ra từng trăm mảnh.

Mẹ tôi đem những mảnh xé đến cho ba tôi xem, thì người nghiêm-nghị bảo:

— À ra con bé này khó chịu quá! Phải đánh đòn nó mới được.

Thật ra ba má tôi cũng như tôi phân vân mãi về hiện tượng của tôi. Tôi không có sở thích làm con gái với những chiếc váy, những con búp-bê; những món đó làm cho tôi hãi hùng.

Một bạn, nhân ngày sinh-nhật của tôi, dì tôi mang đến cho tôi một con búp-bê bằng sứ rất đẹp. Tôi giận quá, cầm con búp-bê ấy vút vào mặt đi tôi, và khóc

tức-tưởi như đã bị ai hiếp đáp. Việc này đã làm tôi bị phác vào mộng, những cái phác nên thân.

Tôi chỉ thích chơi xe hơi, xe lửa, lính cỡi ngựa. Nhưng không bao giờ tôi được nhận những đồ ấy cả. Bởi thế tôi phải đi ăn cắp của trẻ lối xóm để đem về chơi.

Thỉnh - thoảng được dịp, khi cha tôi đi khỏi, tôi đột nhập vào phòng ông, lấy áo quần của ông ra ướm thử, hết bộ này đến bộ khác, rồi ra đứng trước gương soi nhìn mình, lấy làm thỏa mãn.

Đến năm lên 15 tuổi, tôi cảm thấy một điều gì bối rối dậy lên trong lòng tôi, hôm tôi đi xem một ban vũ với một cô bạn gái rất hiếm của tôi.

Bạn tôi đã nói với tôi:

— Joyce ạ, đệ nhất nam-vũ-sinh kia đẹp đấy chứ, chị có nhận thấy thế không? Đó là người khuôn mẫu của lòng em đấy!

Thật ra tôi chẳng chú ý đến các nam-vũ-sinh. Đến lúc các nữ-vũ-sinh ra biểu-diễn thì tôi say sưa nhìn họ với cái nhìn triu mến.

Đã đến tuổi trăng tròn mà ngực tôi còn dẹp lép. Những

bạn gái của tôi thường hãnh diện về bộ ngực tròn trĩnh của họ. Trái lại tôi thường thấy đau ở đùi và ở chân, những sự đau khác thường trái với các cô gái dậy thì.

Một hôm tôi nói với mẹ tôi:

— Mẹ ạ, mẹ nên tưởng con là con trai thì phải hơn là con gái.

Mẹ tôi nhún vai và trả lời vẫn tắt:

— Con đừng nói bậy!

Một bạn mẹ tôi đưa tôi đến một ông bác-sĩ. Ông ta chẳng khám nghiệm gì tôi cả, ông chỉ nói suông: — Thường thường có những sự chậm trễ trong việc này nở của các cô con gái.

Nhưng từ ngày tôi đi xem vũ đến nay tôi cảm thấy trong tiềm thức của tôi một sự gì nầy nở. Bạn trai không thèm theo tán tỉnh tôi, như đã tán tỉnh những cô bạn của tôi. Còn tôi, thì tôi không say đắm bạn trai, mà trái lại trở nên yêu các cô bạn gái cùng lớp.

Năm tôi lên 19 tuổi, tôi gặp một người đàn-ông đầu tiên để ý đến tôi. Anh ta lớn hơn tôi 15 tuổi. Nhưng đến lúc anh ta muốn hỏi tôi làm vợ là tôi bằng lòng ngay. Tôi lấy chồng để phá

tán sự nghi ngờ của bạn bè, và cũng để cho lòng tôi khỏi hoang mang.

Lễ cưới cử hành vào một đêm buồn của tháng 10 năm 1933. Hôm đó tôi phải đội nón có cắm hoa và mang vớ dài có nịt làm cho người tôi bực bội, khó chịu hết sức.

Đến lúc chồng tôi và tôi đối diện nhau trong phòng hợp cẩn, thì sự việc phũ phàng trải qua 19 năm trời trong đời tôi, bây giờ tôi mới biết rõ. Tôi không phải là một người đàn-bà, mà cũng không phải là đàn ông, mà có thể là một người thuộc giống đực, một người đàn ông chưa được hoàn toàn nẩy nở.

Tôi chẳng biết phải nói làm sao với chồng. Nhưng chồng tôi tỏ ra một người hiểu biết và có học. Chàng lặng lẽ, buồn bã, nhưng không nói gì. Tôi cũng thế. Về sau chúng tôi thỏa thuận với nhau với điều kiện: vì không thành được vợ chàng, tôi là người bạn đường của chàng vậy. Nhưng khốn nỗi, việc nấu ăn, rửa bát, chùi nhà, giặt ủi áo quần, tôi làm hồng hết cả.

Như thế tôi là một con quỉ chứ không phải là một người nội trợ trong gia-đình.

Thế là một chiều chàng bỏ tôi ra đi và hứa với tôi không bao giờ trở lại nữa.

Dáng đi của tôi càng ngày càng mạnh mẽ tỏ ra có vẻ đàn ông hơn. Người nào gặp, thấy tôi cũng xăm xì hỏi nhau: — Đàn ông hay đàn bà thế? Thấy họ xăm xì với nhau về tôi nhiều quá, tôi in những tấm thiệp để trao cho họ với giọng chữ như sau: « Nếu muốn biết tôi ra sao xin viết thư cho tôi với địa chỉ theo đây ».

Tôi sống một cuộc đời ăn hận như thế, với giấy tờ chính thức là đàn bà, nhưng tâm hồn và thể xác của tôi sắp biến thành đàn ông cho đến năm 1939, khi chiến tranh thế-giới thứ II bùng nổ mới kết-cấu.

Tôi rời bỏ thành phố nhỏ này, đăng vào cơ quan Nữ-trợ-tá xã-hội quân đội, để đi đến một nơi khác.

Một hôm tôi trở về thăm mẹ tôi thì gặp một thanh niên, vốn là một tên học trò tinh quái từ lúc nhỏ. Hắn đã biết tôi nên nói lúc nhỏ. Hắn đã biết tôi nên nói nữa: — « Ô kìa, cô ta hay cậu ta lại xuất hiện về trở lại đây. Tôi cá với các anh một trăm đồng, nếu ai nói đúng hẳn là trai hay gái. » Cả bọn trai cười rộ lên

làm tôi xấu hổ đỏ cả mặt. Tôi muốn độn thổ, nếu tôi có phép nhiệm màu như Đậu-nhất-Hồ. Vì không biến đi được nên sự giận dữ trong lòng tôi mỗi phút mỗi bùng lên, tôi liền theo bèn gót tên thanh-niên xác ngõ nọ.

Nghe tiếng bước, hẳn quay trở lại, và hỏi:

— Mày muốn gì?

— Tao muốn mày chứ muốn gì. Tôi vừa nói vừa lao người tôi vào hắn, và đấm hắn một quả đấm vào mặt.

Tôi được thể lúc đầu là vì hắn bất ngờ. Nhưng hắn mạnh hơn tôi. Cả hai chúng tôi ngã xuống đất người này vúi lấy người kia. Sự tức giận gây cho tôi một sức mạnh bất ngờ. Tôi đánh anh chàng ấy tui bụi. Chiếc váy của tôi thốc lên, tôi cũng không hay. Lúc bấy giờ tôi như một con thú dữ, sau cùng tôi dè được lên người hắn và lấy tay chặn cuốn họng hắn. Đến lúc này thì tay chân tôi rã rời, tôi nắm vật ra một bên hắn. Cả hắn và tôi đầu bù, tóc rối, máu chảy nhiều chỗ, đều bất tỉnh cả.

Đến lúc tôi tỉnh lại thì chàng thanh niên kia đã đi đâu mất. Tôi lồm cồm ngồi dậy và lừ

TÔI LÀ ĐÀN BA NHƯNG TÔI BIẾT TRƯỚC

thủ về nhà, mang nhiều vết thương.

Từ bữa đánh lộn ấy, trong người tôi càng thấy khác. Tôi thấy tôi hành động như một người đàn ông Rồi những tháng sau, khi tôi ở Luân-đôn, như có sự huyền diệu gì đã biến đổi tôi thành một người đàn ông thật thụ.

Ba mươi năm trôi, tôi sống một cuộc đời an hạnh, bây giờ tôi rất sung sướng. Tôi viết thư cho một cô bạn cùng làm một đội với tôi và báo tin kia cho cô ta hay. Mấy hôm sau tôi được thư trả lời. Trong thư có câu cô ta hỏi tôi như sau :

— Bao giờ chúng ta sẽ làm lễ thành hôn ?

Sau khi tôi đi khám bác sĩ đề đây giấy chứng nhận sức khỏe

nap vào hồ sơ cho sở làm : dài phát thanh Luân-đôn, bác-sĩ chứng nhận tôi là đàn ông. Và tôi phải đến thị-xã đòi lại giấy khai đề cưới vợ.

Tôi nhớ lại hôm đến văn-phòng người thư ký giữ việc hộ tịch, tôi cảm động biết chừng nào. Người thư-ký cười vui vẻ, hỏi tôi một câu dụ-dăng mà tôi nghe sướng tai quá :

— Thưa ÔNG Allen, ÔNG muốn đặt họ gì đây ?

Đó là một sự bất ngờ tôi không nghĩ đến. Tôi ngỡ-ngần chưa biết lấy họ gì, thì tình cờ mắt tôi rơi vào một tên ký dưới một văn-thư : Robert X...

Tôi liền trả lời :

— Thưa, họ Robert. Tôi tên là Ông Robert Allen ạ !



★ DANH NGÔN

Le premier secret du succès consiste à se tenir toujours prêt.
HENRY FORD

(Bí-quyết đầu tiên của sự thành-công, là phải luôn luôn chuẩn bị sẵn-sàng).

Đời sống vương giả lần lần làm cho ông mê-muội và lại thích xa-hoa, thích sung-sướng, thích rượu ngon, gái đẹp, thích nịnh-thần và ghét người trung-nghĩa.

Bình-Vương tin dùng một nịnh thần lợi hại là Phí-Vô-Cực và tên này đã xúi ông gây nên những tội ác tày trời.

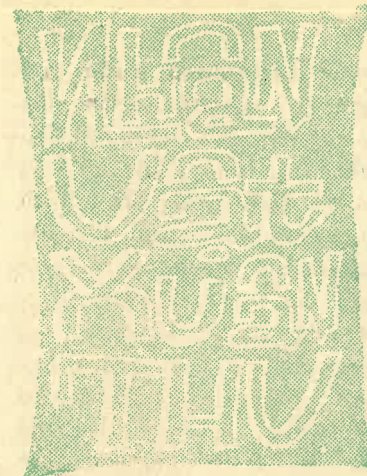
Bình-Vương đã lập Thái-Tử Kiến làm Đông-Cung đề sau này sẽ thay thế cho ông.

Phí-Vô-Cực tâu xin cưới vợ cho Thái-Tử và xin hỏi con gái nước Tần vì nước Tần là nước lớn nhờ cuộc hôn-nhơn này mà hai nước Tần, Sở nương-dựa vào nhau thì trong thiên-hạ còn nước nào sánh kịp ?

Bình-vương y-lầu và sai Vô-Cực qua Tần cầu-hôn. Tần Ai-Công sợ oai nước Sở phải bằng lòng gả Mạnh-Dinh là em gái của mình và cũng là một trang tuyệt-sắc.

Trong khi hộ-tống Mạnh-Dinh về Sở Vô-Cực nảy ra ý-kiến muốn đem Mạnh-Dinh tấn cho Bình-Vương và lựa một thị-nữ có nhan-sắc gả cho Thái-Tử.

Vô-Cực lựa được một người con gái nước Tề trong hàng thị-nữ và nói nhỏ với nàng rằng : « Ta coi mày có tướng quý hiển nên muốn giúp cho



Sở Bình - Vương

★ Thiếu-Son

MỘT kỳ trước tôi đã nói về Sở Linh-Vương với đời sống ngang làng và những ngày tàn-tạ của ông. Người cướp ngai vàng để thay thế cho ông cũng lại bị chiếc ngai vàng làm hư và biến thành một hôn-quân vô-dạ.

Công-tử Khí-Tật được Linh-Vương tin dùng phong làm Thái-Công đề trấn nhậm nước Sở của Linh-Vương và lên làm vua lấy hiệu là Bình-Vương.

mấy làm chánh phi Thái-Tử. Vậy ta bảo sao cứ y kế mà làm không được cái lệnh và cũng không được tiết lộ với ai. Chắc về sau mày sẽ giàu sang vô cùng.»

Tề-nữ cúi đầu làm thỉnh. Vô-Cực về trước một ngày, chạy thẳng vào cung tâu với Bình-Vương rằng cô dâu đã gần về tới nơi. Nhà vua hỏi về tướng mạo thì Vô-Cực tả nhan-sắc của Mạnh-Dinh hết sức tỉ-mỉ và kêu gọi làm cho ông vua háo-sắc bắt thềm nhiều nước miếng, mặt đỏ bừng, nín lặng hồi lâu rồi thở dài mà than rằng: «*Làm chúa cũng sướng đời, nhưng chưa gặp được người tuyệt sắc thì cũng chưa thật sướng*».

Vô-Cực bèn xin đuổi kẻ tả-hữu rồi tâu rằng: «*Chúa-Công đã có lòng tham-luyến thì kẻ hạ-thần xin liệu kế chầu toàn. Tôi thấy trong hàng thị-nữ có người con gái nước Tề hình-dung yêu-diệu, tài mạo đoan-trang có thể thay thế cho Tần-nữ được. Trước hết tôi xin dâng Mạnh-Dinh vào Vương-cung rồi dâng Tề-nữ cho Đông-cung, dặn cả hai bên chớ để lộ bí-mật thì mọi việc đều ổn-*

thỏa» Bình-Vương trước còn ngần-ngại, sợ cưới về làm dâu mà giữ luôn làm vợ là trái đạo nhân-luân. Nhưng Vô-Cực nói êm tai, tình-dục bị kích-thích thì lương-tâm cũng tiêu-tan. Bình-vương xiêu-lòng và âm-mưu của Vô-Cực được thực-hiện đầy-dủ và kín-nhiệm vô cùng. Thái-Tử Kiến không hay và cả triều-thần văn-võ đều không biết. Mạnh-Dinh khi biết việc tráo-trở thì cũng đành cam chịu trước một tình-thế đã an-bài. Và lại, làm vợ vua tại-vị hẳn là hơn làm một bà phu-nhơn của một ông vua tương-lai. Hơn nữa, tương lai có gì là chắc-chắn, nhứt là ở thời đại Xuân-Thu?

Nhưng cảnh tuổi trẻ lại gặp duyên già cũng làm cho Mạnh-Dinh không được hài lòng và khiến cho nàng buồn nhiều, vui ít. Bình-Vương cũng biết rõ tâm lý người đẹp nên càng cố gắng làm cho nàng được thỏa-mãn về tất cả các phương diện để bù đắp vào cái nhược điểm của một ông chồng già.

Nhưng nghe lời xúi dục của Vô-Cực, ông cho Thái-tử Kiến ra trấn đất Thành-Phủ, đuổi bà Thái-Cơ về nước Viễn là quê bà rồi lập

Mạnh-Dinh làm phu-nhơn. Mạnh-Dinh sanh được con trai, ông quý như trân-châu bảo-ngọc nên đặt tên là Trân

★

Phấn-Dương và Ngũ-Xa là hai vị trung-thần của Sở. Hai người này biết rõ những âm-mưu của Phí-Vô-Cực và không tán-thành những việc làm vô-luân phi-nghĩa của Bình-Vương. Chính Ngũ-Xa muốn can Vua không nên đi tới trên con đường tội lỗi. Nhưng Vô-Cực đã xuống tay trước, xúi Bình-Vương cho họ đi theo đề phụ-tá Thái-Tử ở Thành-Phủ.

Trước lúc ra đi Phấn-Dương còn được Vua dụ rằng: «*Cho người lãnh chức Tư-Mã và phải hết lòng thờ Thái-Tử cũng như thờ ta vậy*».

Đề mua-lòng Mạnh-Dinh, Bình-Vương phong cho con nàng làm Thái-tử khi nó được một năm. Ông còn có ý phế Thái-tử Kiến đề lập Trân làm Đông-Cung Thái-tử.

Phí-Vô-Cực cũng sợ Kiến lên làm Vua thì sẽ trả thù nên phao cho ông dương âm-mưu làm phản. Vậy mà Bình-Vương cũng tin lời Vô-Cực đề-nghị chặt bớt vi-cánh của Thái-tử trước đã rồi

sẽ bắt Thái-tử sau. Thái-sư Ngũ-Xa được kêu về trước hết. Vua hỏi: «*Con ta có lòng mưu phản người có rõ hay không?*»

Vốn người trung-trực Ngũ-Xa liền phản công: «*Lấy dâu làm vợ, chúa-công đã lỗi đạo làm cha. Nay nghe lời gièm pha trở lại nghi tình cốt nhục, Chúa Công nở lòng nào như vậy?*»

Bình-Vương mắc cỡ truyền tả hữu bắt giam Ngũ-xa rồi cho người đem mật lệnh cho Phấn-Dương bảo giết Thái-tử thì sẽ được công to, bằng tha Thái-tử sẽ có tội. Phấn-Dương tiếp được mật lệnh liền sai người tâm-phúc bảo Thái-tử trốn đi. Đương lúc ấy Tề-nữ đã sanh được một người con trai đặt tên là Thăng. Thái-tử nghe tin dữ lật đật ngay đêm đó hộ-tống vợ con chạy qua tị nạn ở nước Tống.

Phấn-Dương biết Thái-tử đi rồi liền bảo người ở Thành-Phủ trối mình lại rồi giải về Thành-Đô để chịu tội với vua Sở. Ông tâu: «*Thái-tử đã trốn rồi*».

Bình-Vương cả giận nói: «*Việc này do miệng ta nói ra cho một mình mày nghe, tại sao Thái-tử biết được?*» Phấn-

Dương tâu : « *Sự này là do tội tất cả. Bởi tôi nhớ lời chúa-công dặn khi trước : Phải thờ Thái-Tử như thờ ta. Nên tôi không dám ở hai lòng và đã nói với Thái-Tử. Nay tôi sợ tội thì sự đã rồi.* » Bình-Vương nói : « *Mày đã tự-tình dung tha Thái-Tử sao còn tới yết-kiến ta ?* »

Phấn-Dương đáp : « *Trái mạng Chúa-công là một tội. Sợ chết mà không tới lại thêm một tội nữa là hai. Vả lại Thái-tử chưa rõ mưu phản, giết đi lại được tiếng tốt gì ? Con chúa được sống thì tôi chết cũng may rồi, còn nói gì nữa ?* »

Bình-Vương nghe nói trong dạ ngậm-ngùi. Hồi lâu ông nói : « *Phấn-Dương tuy vị mạng, nhưng trung trực đáng khen.* » Ông bèn tha tội và cho phục nguyên chức Tư-Mã.

Bình-Vương tha Phấn-Dương nhưng không tha chết cho Ngũ-xa được vì ông này đã dám nói vào mặt cái tội loạn-luân của nhà vua. Nhưng Phí-Vô-Cực nhắc cho Bình-Vương nhớ rằng Ngũ-Xa còn có hai người ở xa và đều là những trang hào-kiệt phải dụ về mà giết đi thì mới tránh được

hậu-hoạn. Bình-Vương bèn cho giải Ngũ-Xa tới bảo viết thư gọi con về thì sẽ được tha tội và sẽ trọng-dụng cả 3 cha con vì nghĩ tới công lao của gia-đình họ Ngũ. Ngũ-Xa biết rõ dụng ý của Bình-Vương nhưng không dám cãi quân - mạng. Nhưng trước khi biên thư ông nói trước : « *Con tưởng tội là Thượng hiếu-hạnh và thật-thà, nghe tôi gọi ắt về ngay. Nhưng con thứ tôi là thằng Ngũ-Viên, thông-minh hơn anh sợ nó chẳng chịu về đâu.* » Nói rồi ông bèn quì gối trước điện viết thư theo ý-kiến của nhà vua rồi đưa lên cho Bình-Vương. Bình-Vương coi rồi truyền cho người cầm thư qua Thành-Phủ rước anh em họ Ngũ. Sứ-giả gặp Ngũ-Thượng trước, làm bộ vui mừng nói ý vua muốn tha cha và phong-chức cho con nên đem thư của Ngũ-Xa ra gọi họ về triều. Ngũ-Thượng tin thật, đọc thư thấy rõ ràng bút tích của cha liền vào nhà trong vui mừng mà khoe với Ngũ-Viên.

Ngũ-Viên tự là Tử-Tư, tài trí hơn anh và lại rành khoa bói toán, đọc thư rồi bèn nói : « *Cha khỏi tội chết cũng đã may rồi,*

con có công gì mà lại nghĩ tới. Chẳng qua Sở-Vương biết thân phụ có lòng trung với nước, lỡ bắt giam rồi, sợ anh em ta trả thù cho nên dụ chúng ta về triều để giết đi luôn thề. »

Liên sau khi đó Tử-Tư bói một quẻ và tán rằng : « *Quẻ này rất xấu, ám chỉ những việc vua khi tôi, cha khi con, đi thì phải chết, đầu được phong hầu.* » Tử-Tư nói thêm :

« *Anh em ta ở ngoài thì vua Sở còn sợ, chắc không dám giết cha. Như anh làm mà về chắc khiến thân phụ mau chết.* »

Nhưng Ngũ Thượng năng nằng đòi về để được thấy mặt cha đầu có phải chết cũng cam lòng. Chàng nói với em :

« *Như anh đây, tài mạo sức hèn nên về Sở để theo cha cho trọn hiếu. Còn em cứ đi qua nước khác để lo việc báo thù. Ai có chí này, kẻ ở người đi chia tay đôi ngã !* »

Ngũ-Viên lạy anh bốn lạy. Ngũ-Thượng nước mắt tuôn rơi, lên ngồi xe với sứ giả về triều. Ngũ-Thượng vừa vào yết-kiến Sở-Vương thì lập tức được nhà vua truyền giam lại. Ngũ-Xa thấy Ngũ-Thượng về một mình bèn

than rằng : « *Ta đã biết Ngũ-Viên không về.* »

Vô-Cực tâu xin cho quân-sĩ bắt gấp Ngũ-Viên đem về. Nhưng viên tướng sai đi không bắt nổi Ngũ-Viên. Đoàn quân truy nã vừa đuổi tới thì Ngũ-Viên bắn chết người ngự xe của viên tướng chỉ-huy làm anh chàng lật đật xuống xe chạy trốn. Ngũ-Viên nói với : « *Ta vẫn muốn bắn chết mày, nhưng còn cho mày về nói lại với Sở-Vương muốn còn dòng giống thì chớ giết cha anh ta. Nếu không thì ta thề chém đầu vua Sở mới hả cơn giận của ta.* »

Bình-Vương được tin không bắt được Tử-Tư liền truyền cho Vô-Cực bắt hai cha con Ngũ-Xa đem ra giữa chợ chém đầu. Trước giờ bị chém, Ngũ-Thượng không tiếc lời xỉ mắng Vô-Cực. Ngũ-Xa ngăn cản mà nói rằng : « *Rời đây kẻ nịnh người trung, tự có công-luận, mày mắng chửi làm gì ? Nhưng thằng Viên không tới đây thì nước Sở này về sau cũng khó yên được với nó.* »

Vừa nói xong thì gươm đã kề cổ hai cha con. Ai ngờ thấy cũng

phải thương tâm. Dân nước Sở đều tỏ lòng công-phần.

★

Chuyện Sở Bình-Vương còn dài lắm nhưng không cần phải nói thêm. Ông đi sâu vào con đường tội-lỗi trong khi Ngũ-Tử-Tư vẫn nuôi chí báo-thù ở ngoại-quốc. Nhưng rui Bình-Công lại chết trước khi Tử-Tư đem quân về đề hỏi tội kẻ đã giết cha, anh của mình.

Nhưng đó là chuyện về sau. Sở Bình-Vương loạn-luân và vô-đạo đó là chuyện hôm nay.

Mạnh-Tử đã nói: « *Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, oai-vô bất năng khuất, thứ chi vị đại tượng phu.* »

Như vậy là ông đã nhìn nhận rằng con người rất yếu hèn không cưỡng nổi sự giàu sang, sự nghèo hèn và sự uy hiếp của võ-lực. Làm Vua khỏi sợ nghèo hèn nhưng đã được giàu sang và lại thêm oai-vô hơn hết thầy mọi người làm sao mà khỏi sa ngã được? Bởi vậy ta cũng không cần bàn thêm về ảnh-hưởng tai-hại của chiếc gai vàng.

Người có thể giết người được

nhưng ít khi phạm vào tội loạn-luân vì đó là việc làm của thú-vật. Khi Sở Bình-Vương mở miệng than rằng : « *Làm chúa cũng đã sướng đời, hiềm vì chưa gặp người tuyệt-sắc* ». Ta không có gì chê trách ông vì người thường còn háo sắc hưởng chi là một ông vua đã quen thú dâm-dục, ăn đồ bỏ và đầy đủ oai-quyền.

Khi nghe tả nhan sắc con dâu của mình mà nói ra câu đó là đã có tà-tâm và phạm một trọng-tội về tinh-thần. Nhưng khi Vô-Cực đề-nghị lấy con dâu thì ông vội dặt mình vì biết rằng như thế là trái đạo nhân-luân. Không có nịnh-thần độc vô thì ông đã tránh được điều sa-ngã.

Nhưng thật ra nó cũng gài đúng chỗ ngựa của ông thì ông mới làm bậy. Và khi đã làm được việc đó rồi thì còn việc gì mà ông không làm được?

Có điều là ông muốn rằng sự bí-mật không bao giờ được phanh-phui vì ông biết rõ đó là điều đề-tiện nhất của loài ngoài.

Ngũ-Xa chết là vì đã nói tới việc làm đề-tiện của ông,

Phấn Dương khỏi chết là vì đã không nói tới việc đó và đã dùng những lý-lẽ khác để biện hộ cho mình. Thật ra thì vì lệnh chúa mà tha chết cho Thái-Tử Kiến mới là có tội. Chữ Ngũ-Xa chỉ ngay thẳng can vua chứ đã làm gì nên tội. Ông chỉ có tội là nói tới một bí-mật tối-ky của nhà vua.

Phàm những kẻ vô-đạo dám làm những chuyện vô-đạo nhưng không dám nghe người ta nói tới những chuyện đó của mình.

Ai nói tới thì phải chết khi kẻ vô-đạo đó là một ông vua.

Nhưng không muốn người ta nói với mình mà cấm làm sao được người ta nói lên mình? Cấm làm sao được người ta

âm-thầm nguyên rủa mình và chỉ chờ dịp trừ mình như trừ một con ác-thú?

Ngũ-Xa quá ngay-thẳng mà phải chết nhưng ông biết rằng Ngũ-Viên, con ông, sẽ không chịu bỏ qua mối thâm-thù.

Ông không vui sướng mà ông còn lo-sợ vì dầu không còn tình-nghĩa gì với nhà vua ông vẫn thương yêu nước Sở và nhân-dân nước Sở.

Ông lo rằng con ông sẽ tàn-phá nước Sở để trả thù hôn-quân.

Mối lo-sợ của ông rất đúng vì Tử-Tư sẽ đem quân ngoại-quốc về làm khổ quê-hương và chỉ được đánh lên xác chết của Bình-Vương. Chuyện đó sẽ nói ở kỳ sau.

● ★



★ SỢ TÓC BẠC

Bà Hai, 40 tuổi, đêm nào ngủ cũng lo sợ tóc bạc. Lo thét thành ra đêm thứ mười bà ngủ dậy thấy tóc bạc trắng toát trên đầu!



ĐẢO PHÚ-QUI

★ THU-NHI

ĐẢO Phú-Quý!

Đảo Phú-Quý!

Thật ra danh từ này mới phổ biến sâu rộng từ mấy năm nay, chứ về trước, người dân Bình-Thuận thường gọi đó là Hòn, người Pháp ghi trong bản đồ là Poulou-Cécir de mer.

Đảo này cách thành phố Phan-thiết chừng 22 hải lý (mỗi hải lý 5km555) nằm về phía đông. Diện tích vào khoảng 12 500km². Người ta chưa đo đạc để xác định con số chính thức 2 chiều của

đảo theo đường cánh chim, chỉ biết rằng chiều dài gần gấp đôi chiều rộng. Trừ những người đi vì công vụ, ít có ai ra viếng hải đảo. Dân số ở đây ước độ 8.000 người. Gần 1.300 nóc nhà mà phần nhiều là nhà ngói, vách tường làm bằng những phiến đá non hoặc xi-măng đúc. Dân chúng ở đây dù nghèo nàn, họ cũng dành dụm tiền để cất một căn nhà gạch nho nhỏ, ở cho quang đảng và tránh những cơn gió lộng từ biển thổi vào đỡ phải tróc nóc, hư phen như nhà tranh vách lá.

Trong thời tiền chiến, đảo được chia làm nhiều làng, người điều khiển toàn đảo gọi là ông Tổng.

Hiện nay đảo chia làm 3 xã có tất cả 10 làng thuộc quận Tuy-Phong. Người «Trưởng đảo» không gọi là bang tá như 5, 10 năm về trước mà là Trưởng-ban công-tác hành chánh.

Theo lời những cụ già cho tôi biết thì nguồn gốc dân ở đây thuộc tỉnh Quảng Ngãi và Phú Yên. Với giọng nói cứng cứng, nặng hơn Phú Yên, lại lai tiếng dân tộc Chàm, các cụ luân phiên kể:

Lâu lắm rồi, không còn nhớ rõ vào năm nào, có một đoàn ghe ở cù lao Ré thuộc tỉnh Quảng Ngãi ra khơi đánh cá. Họ ham thích vì đánh được nhiều cá chuồng, một loại cá thường bay bay trên mặt nước như chim, nhưng lại ở cách bờ hàng trăm cây số ngàn.

Một hôm ra khơi đánh cá, gặp bão thỉnh linh thuyền phải linh đình ngoài biển cả, rồi những cơn gió mạnh bạt thuyền vào một hòn đảo trông có vẻ hoang vu. Nhóm ngư phủ mang đồ đạc lên bờ tạm

nghe..

Ngày hôm sau, trời quang đảng, họ mừng quá vớt lại một số khoai bắp bị ướt, rồi lên thuyền tìm phương về quê quán.

Mấy tháng sau, nhân mùa biển êm, họ lần mò tìm lại chôn cũ. Đền nơi, họ ngạc nhiên vì thấy một khóm khoai bắp tốt tươi, trái to, củ lớn. Họ biết rằng nơi đây họ có thể sống được dễ dàng vì đất tốt, trồng trọt được mà cá lại nhiều.

Thê là họ trở về đưa bà con, gia đình ra đảo ở. Rồi những ngư phủ nghèo thuộc Phú Yên, Bình Định cũng theo ra.

Nhưng.. họ không ở yên được, vì đi sâu vào đảo, họ gặp một số người Chàm, có lẽ ra đây ăn náo vì những cuộc Nam tiến của Chúa Nguyễn (Nguyễn phúc Tấn — Nguyễn phúc Chu) nên khi thấy nhóm người Việt lần ra đảo vắng, họ mặc tình hiệp đáp; do đó dù muốn yên thân để làm ăn, nhóm ngư phủ vẫn bị người Chàm gây hân, giết chóc rất tàn nhẫn. Không chịu đựng

được nữa, họ đoàn kết lại để chống trả.

Thê rồi máu càng ngày càng lan trên hải đảo, hận thù càng chát chứa, cho đến một đêm sau hồi xô xát, nhóm dân Chàm bị bao vây và chết thiêu trong ngọn lửa rực trời. Một số ít còn sống sót lẫn lút đến vùng núi, rẫy, không gây chiến nữa, và lâu dần bị đồng hóa.

Từ đó đến nay tà áo dài của các cô gái Chàm vắng bật trên hải đảo. Còn chăng... vài ngôi mộ cỏ, vài bóng ma Hời ẩn hiện giữa đêm khuya, trên vùng đất, bị hỏa thiêu ngày nào...

Sáng hôm sau, chúng tôi đi sâu vào xóm làng để tìm hiểu sự sinh hoạt thường ngày của dân chúng.

Ở đây có 2 nghề chính là đánh cá và làm rẫy.

Trời êm, họ chèo thuyền ra khơi câu cá độ 5, 3 hôm mới về. Cá câu được, nếu không gặp ngày về thì họ xẻ phơi ngay ngoài biển. Mùa biển êm, cá to và nhiều lắm, họ phải phơi khô để đem vào đất liền bán.

Tháng nào mưa, gió, họ kéo nhau lên rẫy, trồng khoai, bắp,

đậu. Lúa rất hiếm nên phải mua thêm gạo ở Phan-Thiết, và chỉ có những gia đình khá giả mới ăn cơm, ngoài ra họ ăn bắp giã, khoai ghé.

Ở đây, trời êm, cá dùng không hết nhưng khi biển động thì khó mà tìm mua được cá tươi; phải ăn cá khô, thịt, trứng...

Khô một nôi là heo, bò ngoài này thì nhiều, nhưng ít khi làm bán thường ở ngoài chợ. Muốn ăn phải chung tiền mua về làm thịt rồi chia đều phần với nhau.

Ở đây, không những thiếu than củi mà thiếu cả cỏ tươi cho bò ăn, nên dù bò nuôi khá nhiều, mà phần nhiều đều ốm yếu, vì phải ăn lá dứa gai và lá đại ven đường.

Chúng tôi ghé bước vào một ngôi nhà cũ kỹ, thầy chúng tôi bà cụ vui vẻ chào hỏi, bà xách chiếc chiếu ra trải trên bộ ván và bày lên trên một bình nước với mấy cái ly.

Được biết trước là đồng bào ở đây rất hiếu khách, nhưng cũng rất bực mình với những ai hững-hờ như kiêu ngạo, nên chúng tôi hỏi thăm thân-mật.

Nhìn vào góc nhà thầy một cô bé ngồi làm vòng, tôi lần lần đến làm quen.

— Em giỏi quá! biết đan vòng lâu, mau rồi?

— Dạ, ngoài này ai cũng biết đan vòng, tập ngay từ 7, 8 tuổi...

— Em bày cho chị tềch với nhé!

Cô bé nhìn tôi nghi ngờ, nhưng rồi cũng sang tay; ngồi mỉm cười khi tôi ghép lộn môi...

— Thôi! xe đèn rồi kia, xin mời ra về, đừng ở lại phá, chộc mắt công người ta tháo!

Nghe các bạn gọi trước sân tôi vội cáo từ để rồi còn đi đến những nơi khác...

★

Ngoài này, những đêm trăng sáng các cô thiếu nữ thường tụ tập để kéo sợi, dệt vải rồi hát hò rất vui. Thật đúng cảnh:

*Sáng trăng trải chiếu hai hàng
Bên anh đọc sách, bên nàng
quay tơ.*

Và đúng cảnh ngày xưa là... đọc sách thánh hiền, vì phần

đồng họ học Hán-tự ngay từ nhỏ.

Họ không quan tâm đến Việt-ngữ lắm, người nào học tới bậc tiểu học là khá lắm rồi (hiện giờ có 1 vài thiếu niên được cha mẹ cho vào Phan-Thiết ở, để theo ban Trung-học.)

Hình ảnh cổ kính nơi đây vẫn còn. Những người lớn, khi đến nhóm họp, cúng lễ họ đều mặc quốc phục, đàn ông đội khăn đóng chỉnh tề. Ngày thường họ mặc đồ bà ba, trên đầu ưa quấn một khăn lông; thường mang gùi chứ ít xách, gánh. Các cô thiếu nữ thì thành đèn dây, không tìm ra tiệm uốn tóc đã đành, chứ các ông cũng... không tìm được tiệm hớt tóc nào cả. Muốn cắt sửa mái tóc cho đẹp thì xin mời về lại lục địa, bằng không thì ngồi yên đây, để thanh niên đảo hớt tóc giùm cho. Ngay cả cắt nhà, họ cũng tụ tập đến cắt giúp công. Ít khi tiền mượn thợ.

Đồng bào nơi đây gặp dân lục địa ra, dù không quen họ cũng chào hỏi. Họ rất tiết kiệm tiền bạc đối với họ, nhưng lại

rộng rãi dôi với khách. Cũng nhờ tánh tiết kiệm nên chẳng mấy nhà gặp phải cảnh túng bần.

Chúng tôi gặp một vài nhà mở cửa, mà chẳng có người coi ngó, sau khi hỏi một cô bạn ở đảo cùng đi, tôi mới biết ở đây, không phải :

Đời thái bình cửa thường bỏ ngõ
theo lời cụ Nguyễn-Công-Trứ mà là bình yên thật; không nghe tiếng súng trận, không có trộm cướp viếng nhà, không có thiếu niên lưu manh xác lác...

Tánh tình họ thật thà chất phát, nhưng thanh niên rất gan dạ, nóng tính và hiếu chiến nên thường có những vụ đánh lộn bằng dao, mác, gậy...

Tục lệ cưới gả ở đây cũng hay hay. Sau khi 2 người cảm mến nhau thì cha mẹ người con trai cũng cậy nhờ mai mối đến xin cưới.

Đền ngày tốt, bên làm tiệc đãi bà con bạn bè. Người đền dự tiệc để chung vui, mừng cô dâu chú rể đẹp đôi chứ không có lệ mang xách theo bánh,

rượu như nhiều miền thôn quê, hoặc đem tiền bạc, quà tặng như vài nơi khác. Sau khi cưới, cô dâu vẫn ở lại nhà cha mẹ ruột để đỡ đần công việc, trong khi ấy lui tới nhà chồng cho quen, rồi mới về làm dâu, độ vài ba tháng sau ngày cưới.

Tình dân đảo cũng đậm đà thắm thiết, nên mỗi khi chàng vào đất liền làm ăn để kiếm thêm tiền về nuôi gia-đình thì nàng than thở :

*« Anh bước xuống ghe
Quạt che tay ngoắc
Đọt thất lèo ba
Anh ra đi muôn dặm quan hà,
Anh vào lục địa... nơi quê
nhà em đợi trông ! »*

Tuy buồn, nhưng vì sinh kế phải ra đi, trước khi thuyên nhỏ neo, chàng còn căn dặn :

*« Anh bước xuống ghe
Quạt che tay ngoắc
Đọt thất bướm lờ
Anh ra đi để lại đôi lờ
Tâm em ghi nhớ, những...
lời anh khuyên ! »*

(còn tiếp)

NHỮNG
MÂU - THUẦN



trong
ĐOẠN TRƯỜNG TÂN THANH

★ SPATHA PHAN-KIM-HUE

Đã từ lâu, lâu lắm, ngay lúc tôi còn bần khổn giữa những quyền sách ngoại ngữ thông-dụng và các cờ ngữ Hy-bá-Lai, La-tinh chan chứa văn hóa khai tâm của nền văn minh Đja-Trung Hải và chõng sách Luận - ngữ, Minh-tâm mà lúc bé tôi-cổ gắng học qua, tôi đã có một nhận xét với nhiều cảm nghĩ khó chịu mà ngày nay còn ở tôi. Hôm nay nhơn đọc bài của tác giả Thái-Anh, những nhận xét ấy sống lại nơi tôi.

Một số lớn, lớn lắm, những người hôm nay khi nghiên cứu một vấn đề đã qua thường mắc phải hai lỗi lầm đáng trách :

1. — Một phần lấy con mắt người Tây-phương để nhìn và lấy tâm hồn người Á - đông để xét suy những điều đã xảy ra hay đang xảy ra tại nước nhà. Vì lẽ ấy, không tránh khỏi những mâu thuẫn trong lời phê bình hay trong chương trình hành động.

2. — Phần khác, không nhìn vấn đề qua một cặp kính hoàn toàn Âu Tây nhưng bị khuyết điếm khác là nhìn những điều xảy ra từ mấy thế kỷ trước, từ nền văn - minh cô đọng trong những lễ lối, phong tục không thay đổi hằng mấy ngàn năm, bằng cặp mắt và tâm tình kẻ hậu bán thế kỷ thứ XX. Như vậy, làm sau hiểu dạng những điều, nếu tế nhị một chút, đã am tường.

Những người trên đây là ngọn đuốc đầy nhiệt huyết soi sáng vào những khía cạnh ẩn mình trong bóng tối u-uất của tâm hồn để mọi người soi chung. Tôi rất phục và mong đọc nhiều ở những cây viết trên đây để học hỏi và suy xét.

Nhưng nếu đã suy nghĩ về vấn đề vừa nêu, ít ra cần phải đưa ra vài nhận xét. Giá trị không ở chỗ sai hay đúng, mà ở chỗ có công vạch một lối cho mọi người cùng bước vào để nghiên cứu. Tác giả Thái-Anh đã chỉ cho tôi một đường mới, tôi xin bước theo với tất cả chân tình của một người có ít nhiều hiểu biết và tha thiết với kho tàng văn-hóa nước nhà.



Thoạt tiên xin đồng ý tác giả Thái-Anh về gia thế nàng Kiều qua hai câu :

.... *Viên ngoại họ Vương
Gia tư nghĩ cũng thường thường
bực trung.*

Gia đình nàng Kiều hẳn thuộc bực trung lưu thời và có lẽ đang hồi suy sụp, sự suy sụp được che đậy theo tâm lý những người giàu có ở hầu hết thế hệ xưa và phần lớn thế hệ đương thời. Nếu không « bực trung » ở cái vỏ bề ngoài thì làm sao không đủ tiền, ít ra của cất giấu để chuộc Viên ngoại khi bị vạ thăng bán Tơ ?

Nhưng tác giả lại đưa ra một mâu thuẫn dẫn chứng bằng :

*Êm đềm trướng rủ màn che
nào là :*

*Thâm nghiêm kín cổng cao tường
Cạn giếng lá thắm giắt đường
chim xanh*

Tác giả bảo « Vậy nhà Kiều tất phải to lớn khang trang ». Tôi xin tác giả đừng quá khắc khe với lối dùng chữ và « trí tưởng tượng » của Nguyễn-Du. Thật ra hai câu trên không có nghĩa là nhà Kiều giàu có lắm hay to lớn

đồ sộ mà chỉ nói về cuộc đời Kiều từ bé đến lớn sống êm ấm trong gia đình họ Vương, cuộc sống Nguyễn-Du vạch cho chúng ta thấy nó êm đềm, nhàn hạ như thế nào đối với Kiều đề đến đoạn luân lạc giang hồ, khi hoa đã rã rời hương nhụy mà người đọc phải cảm thương số phận cô Kiều.

Hai câu sau cũng cùng một dụng ý thôi hay nói rõ hơn đề chỉ đối với cô Kiều, cô gái thời xưa, trong gia đình trung lưu, nào dễ gì đề Kim Trọng gặp gỡ.

Ba câu trên không mâu thuẫn gì cả, trái lại ý nghĩa rất thâm thúy và nhờ đó nối liền vào các câu trước và sau một cách tài tình. Chính nhờ những « mắc xích » như vậy, quyền « Đoạn trường tân thanh mới » thành tuyệt phẩm được.

Tác giả lại vạch một mâu thuẫn thứ nhì : Nhà Kiều hoang vắng khi Kim-Trọng trở lại :

*Vội sang vườn Thúy dò la,
Nhìn phong cảnh cũ nay đã
khác xưa*

*Đầy vườn cỏ mọc lau thưa
Song trắng quạnh quẽ vách
mưa rã rời.*

Không biết tác giả Thái Anh

có lần nào bị đau khổ chưa, nhứt là về tình yêu, nếu có hẳn tác giả không thắc mắc về điếm trên đây. Chẳng phải là đoạn tả cảnh mà chính là cảnh lồng vào trong tâm hồn Kim-Trọng. Cảnh đây chính là cảnh tình và như vậy, chẳng trách chi Nguyễn-Du viết bốn câu trên không bằng đôi mắt và tâm tình kẻ bàng quan mà chính người trong cuộc, chính kẻ đang đau khổ, Kim Trọng.

Thắc mắc thứ ba, thắc mắc mà phần đông kẻ mài đũa quần ở ghế nhà trường thắc mắc là : sự thay đổi quá nhanh chóng khung cảnh mà Kim Kiều hội ngộ và lúc chàng Kim, mấy ngày sau, quay lại chỗ cũ tìm bóng Kiều.

Hôm hội ngộ, cảnh rất nên thơ :

*« Dưới giếng nước chảy trong
veo.*

*Bên cầu tơ liễu bóng chiều
thướt tha »
Và « Hai Kiều e lệ nép mình
dưới hoa »*

Lúc Kim-Trọng trở lại thì :
*Một vùng cỏ mọc xanh rì
Nước ngâm trong vắt thấy gì
nữa đâu.*

Cảnh làm sao thay đổi lạ như vậy được ! Tôi đồng ý với Thái-Anh. Nhưng xin tác giả đừng quên đây là cảnh tâm lý, cảnh chủ quan. Vì có hình ảnh Kiều, bối cảnh trở nên đẹp để lạ thường. Lúc trở lại, thì cũng chính cảnh ấy, nhưng kẻ tương tự nhìn quanh quần chỉ thấy màu xanh và sự nhớ lại hôm trước hội ngộ. Kiều bên giồng suối, dưới bóng liễu, vội nhìn xem nước bạc kia còn giữ hình bóng Kiều không ? Nước hững hờ chẳng đáp lại lòng Kim-Trọng, dù có nhìn mãi cũng chỉ thấy :

*Nước ngâm trong vắt thấy gì
nữa đâu*

Chẳng khác nào câu thơ của một quân vương đa tình nhưng thâm tình :

*Đập cờ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi.*

Một thắc mắc nữa có phần mới mẻ là kỹ nữ Đạm-Tiên nổi tiếng tài sắc một thời mà đến khi chết chẳng có ma công tử nào chịu đem chôn để đến nỗi một khách phương xa nghe tiếng Đạm-Tiên, tìm đến mua vui nhưng gặp Đạm-Tiên lạnh lẽo

vô tri giác, thì đành sắm sửa đem chôn, mà chôn thì lại :

*Vùi nông một nắm mặc dầu
cỏ hoa.*

Tác giả ngạc nhiên sao người đẹp như vậy, dù kỹ nữ, lúc chết vương tôn đa tình không chịu chôn ? Thật có gì lạ đâu ! Yêu hoa lúc hoa còn hương nhụy, đến lúc hoa lìa cành ví như thân xác mỹ miều kia đang chờ ngày thối rữa thử hỏi kẻ mua vui còn nghĩ gì đến ? Mà có lạ gì, ngay trong kẻ sống cạnh chúng ta, nhiều kẻ bảnh bao, chải chuốt, có mấy kẻ chẳng hát bài «tàu mà» khi biết người yêu của mình đang lén mua những trái xoài chua, tầm ruột, dâu miền dưới để nhâm nhi suốt ngày. Tình đời là vậy, Tác giả không nghĩ vậy sao ?

Còn chữ «vùi nông», Thái-Anh cho là đã «chung tình đến thế mà lại vùi nông»? «Vùi nông» ám chỉ cuộc đời vui trong tiếng cười, say trong chung rượu, mê mãi bao ngày trong giấc mộng lâu xanh rồi đến lúc chết thì buồn thế ấy. Thật đúng là :

*Sống làm vợ khắp người ta
Chết xuống âm phủ làm ma
không chông.*

Một thắc mắc nữa là Thái-Anh định lúc gặp nhau để ước hẹn là mùa hè mà sau tác giả viết :

*Lặng nghe lời nói như ru
Chiều xuân dễ khiến, nét thu
ngại ngùng.*

Và Thái-Anh viết «Tại sao «chiều xuân» nhỉ». Xin thưa rằng «chiều» đây không phải là buổi chiều, cũng như «nét thu», chữ tác giả Thái-Anh không thắc mắc không phải là đường nét của mùa thu mà đề chỉ tâm tình Kiều lúc nghe Kim-Trọng nhỏ nhẹ cặn tỏ lòng mình.

Đoạn dưới cũng vậy, «Đêm xuân» trong câu :

*Đêm xuân một giấc mơ màng
Đuốc hoa để đó mặc nàng nằm
trơ.*

Không phải là «đêm» của mùa xuân như Thái-Anh hiểu mà đề chỉ đêm tân hôn, đêm người con gái bước vào ngưỡng cửa đàn bà.

Đoạn kể, Thái-Anh lại có một thắc mắc đáng tiếc là cho rằng «Tôi chưa thấy tình nào bi đát

hơn cảnh người con phải sa chớ vào chốn lâu xanh để lấy tiền về chuộc mạng cha già. Ấy thế mà ông ta lại mở tiệc tiễn hành đưa theo đến mười dặm trường thành. Quyền lực nào tàn nhẫn đến thế !»

Thái-Anh đã làm rồi ! Lúc bán mình Kiều nào biết mình phải gặp tay buôn người Mã-giám-Sinh, lúc theo về nhà «chồng» cũng nào hay là về Lầu xanh !

Đoạn kết, tác giả viết «Khi về với Tú Bà, nàng được cấp tốc đưa qua lầu Ngưng-bích để bắt đầu cuộc đời gia-truân. Tú Bà một tay buôn phấn bán hương, một tay tính toán thiệt hơn, bà luôn luôn nhắm cái lợi trước mắt; ấy thế mà đến cả tháng sau bà ta mới dạy cho nghề tiếp khách» và sau khi viết bốn câu thơ, Thái-Anh viết : «Thật Tú Bà là một tay lăm cầm». Tôi không hiểu Thái-Anh lăm-cầm hay Tú Bà lăm cầm ? Thay vì phê bình đoạn trên xin nhắc tác giả, với thiện ý là tác giả quên nhiều đoạn và nhiều ý, tôi không dám nói là tác giả Thái-Anh không đọc hết quyển Đoạn trường Tân-Thanh, nhưng chắc chắn là tác giả đọc đã lâu rồi nên không

nhớ rõ đề đến nỗi viết câu trên đây!

Thắc mắc tiếp theo, Thái-Anh đưa ra, tôi xin chịu vậy!

Đến thắc mắc có phần khôi hài:

*«Lâm Truy đường bộ thánh chầy
Mà đường hải đạo sang ngay
thì gần.»*

Thái-Anh viết «chắc chàng họ Thúc này sợ nước lắm thì phải». Có lẽ như vậy ấy vì Thúc kỳ Tam vốn sợ đàn bà ở nhà thì dưới nước có Bà Thủy, không sợ sao được!

Thắc mắc tiếp về thời gian Thúy-Kiều bị luân lạc là mười lăm năm mà nếu tính theo hai đoạn thơ ở hai chỗ trong tác phẩm thì hơn mười lăm năm:

« Chốc đã mười mấy năm trời »

và

*« Trong năm năm nữa gặp
nhau... »*

Theo ý tôi nghĩ, những chữ «mười mấy», «năm năm nữa» không có ý chỉ một khoảng thời gian trừu tượng chính xác, chỉ là cách nói ám chừng thôi, chẳng hạn như câu:

*Vai năm tấc rộng thân mười
thước cao*

Hần lúc ấy Tố-Như chẳng nhọc công tính toán làm chi!

Thắc mắc kể đáng chú ý mà Thái-Anh cho là «thật là bí hiểm»:

*« Một cung gió tui mưa sầu
Bốn đây rõ máu năm đầu
ngón tay »*

Thái-Anh viết «Bí hiểm vì có một loại đàn bắt buộc nhạc công phải xử dụng đến năm đầu ngón tay (tôi không nói xử dụng 5 ngón tay)». Chữ «năm» đáng lẽ là bốn, như nếu viết «bốn» thì đã có chữ «bốn» ở đầu câu rồi. Viết năm là vì lẽ ấy. Chẳng qua là muốn tránh điệp ngữ vô ích và vụng về thôi. Còn Thái-Anh ngạc nhiên vì chẳng hiểu có một loại nhạc khí nào bó buộc chơi 5 đầu ngón tay, nếu Thái-Anh biết rằng có một loại nhạc khí thông dụng chơi cả mười đầu ngón tay thì tác giả sẽ cho là bí hiểm biết bao!

Thắc mắc cuối cùng, có lẽ Thái-Anh cho là quan trọng nên đề cuối bài. Đó là ông Thái-Anh sau khi nói mình «đồng ý với

quan niệm của giáo sư», Thái-Anh viết tiếp «và chỉ có điều (lần đầu tiên xuất hiện một hành động) đó cũng tổ cáo Sở Khanh cũng chỉ là mộ. gã sở khanh mà thôi».

Thật đáng tội nghiệp cho Sở Khanh, nếu Sở Khanh có thiện ý cứu vớt Kiều. Tuy rằng thiện ý không biện minh cho phương tiện, nhưng nếu rũ Kiều, một cô gái lành rơi vào lầu xanh, trốn bỏ lầu xanh thì nào phải là hành động sở khanh. Sở Khanh là khi nào quyến rũ một thiếu nữ rồi sau khi bướm chán ong chê, bỏ rơi mới là sở khanh chứ. Chắc Ông Thái-Anh

cũng đồng ý như vậy, bằng không chẳng lẽ ông có một tự điển riêng về từ ngữ sao?

Tôi không dẫn đo khi viết bài này vì phê bình là giúp nhau tiến bộ về hoàn thiện. Chỉ cho nhau một đường võ múa sai không có nghĩa là hạ nhục nhau. Cái học rộng mênh mang, con thuyền không người giúp làm sao qua được. Ông Thái-Anh đã giúp tôi một cái nhìn mới, nhìn vào thắc mắc mới mẻ ở ông và tôi xin thân ái có lời giải thích thô thiển trên đây mong nó không đến nỗi vô ích.



★ ĐÁP BẠN BỐN PHƯƠNG

Thưa Chị, sáng nay em thấy trên cổ áo sơ-mi của chồng em có dấu môi son. Em hỏi, thì chồng em bảo là đêm qua ngồi ăn tiệc ở nhà người bạn, bị vô-ý làm dính cà-chua đấy.

Em không tin nhưng không biết hỏi thế nào để biết sự thật? Nhờ chị mách giùm.

ĐÁP : *Hỏi ông : Cà-chua đấy là ai ?*

tâm loạn

Mưa rơi trên vai
Bùn vấy chân đêm nay
Đi trong cô đơn
Cười vang trong đêm trường

Năm xưa yêu ai
Mà tìm em không hay
Nên trong tương lai
Giờ đây ghi u hoài

Xa xôi bên nay
Trời em đi lang thang
Thăm hoà năm xưa
Mà thương anh vô vàng

Thư anh bên kia
Trời Âu xa lác lờ
Thăm em bên nay
Trời Nam ôi mịt mờ

Em nghe trong tim
Còn vang câu mến thương
Như bên quê hương
Ngày nao anh lên đường

Năm xưa yêu ai
Giờ đây tìm chưa phai
Nhưng sao lâu ghê
Người đi chưa quay về

Ra đi xa xôi
Thề không quên nhớ thương
Nhưng trong yêu đương
Thì thôi: « Không chung đời »

Mưa ơi rơi đi
Hồn ta đang mơ nghe
Âm thanh thiên nhiên
Mà ta mua không tiền

Trăng đêm ba mươi
Còn giam nơi cung Nga
Trăm năm tri âm
Tìm đâu ra chẳng là

Tương lai đen thui
Chìm trong hoa đôi mươi
Sao ta luôn vui
Mà sao không ngậm ngùi

Đêm nay tâm tư
Niềm thương dâng lên cao
Chi trên đôi môi
Lời thơ không khi nào...

★ THANH-HUYỀN-CHI

truyện cũ

★ DƯƠNG-MINH-LOAN
(Saigon)

Đã bốn năm rồi xa cách nhau
Bốn năm mềm úa những cung sầu
Bốn năm yêu dấu không phai nhạt
Như thề hôm nào chưa đốn đau

Vẫn thấy ai về trong giấc mơ
Trong làn tóc rối lệ vương mờ
Trong bao kỷ niệm tôi còn nhớ
Trong trái tim này trong ý thơ

Bao truyện hồng tươi đã mất rồi
Nên lòng chỉ biết có buồn thôi
Nên lòng chỉ ước ao thanh thản
Như những vầng mây êm ái trôi

Từng dư âm nhỏ bỗng thành tơ
Nguyện ước còn đâu để đợi chờ
Nguyện ước còn đâu cho hy vọng
Tôi nhìn tôi sao xuyên ngàn ngơ

CHỐNG LẠI ẢNH HƯỞNG CỦA CHẾ ĐỘ-CUBA

*
Thieu-Son

LIÊN
MINH
ĐỂ
TIẾN BỘ
Ở
NAM - MỸ

CHI một chút xíu nữa là hòn đảo Cuba đã gây ra chiến tranh nguyên-tử. Điều đó tất cả thế giới đều công nhận. Người Mỹ viện vào thuyết Monroe « Mỹ-châu của người Mỹ » không bằng lòng cho một hòn đảo nhỏ ở cạnh nách mình vượt khỏi ảnh hưởng của mình mà biến thành một chư hầu của Nga.

Nhưng mặc dầu Nga đã nhượng bộ, chế độ Cộng-sản cũng vẫn cứ được củng cố ở Cuba, cả hai ông bá chủ đều đồng tình xin Liên-Hiệp-Quốc thông qua vấn đề. Nga đã thiết lập một đường hàng không nối liền Moscou với La Havana. Mỹ chẳng những công khai tuyên bố không ủng hộ bọn lưu vong mà còn ngăn cản không cho họ « làm bậy ».

CHỐNG LẠI ẢNH HƯỞNG CỦA CHẾ ĐỘ CUBA

Thế là thế nào ?

Thế là Mỹ tạm thời chịu đựng một tình trạng bất khả kháng chứ không phải là Mỹ đã thông qua vấn-đề. Cuba vẫn là một mọt nhọt có thể lây qua nhiều chỗ khác trong cơ thể. Mặc dầu chưa phá được nó thì cũng phải kiếm cách ngăn chặn không cho nó lan tràn. Đó là mục đích của chương trình « Liên-minh để tiến bộ » mà Tổng-Thống Kennedy đã phát-động từ hai năm nay.

Liên-minh gồm lối 20 nước ở Trung và Nam Mỹ gọi chung là Mỹ-Châu La-Tinh. Chánh-phủ Huê-kỳ bỏ ra 20 tỷ Mỹ-kim, mỗi năm xài 1 tỷ và xài trong 20 năm để thi-hành những cải cách thiết-yếu cho nhân-dân những xứ này được no ấm, sung-túc, tự-do thoát khỏi sự bóc-lột của bọn phong-kiến, độc-tài và tư-bản. Chính Tổng-Thống Kennedy đã nói: *Phải thực hiện những cải-cách cần thiết, kể cả sự cải-cách điền-địa và thuế-khoá. Nếu không thì đại đa số người dân Nam-Mỹ không được dự phần vào sự thịnh-vượng càng ngày càng tăng, cuộc Liên-minh của chúng ta, cuộc cách-mạng của chúng ta, cái mộng*

của chúng ta sẽ thất-bại.

Ta nên chú-ý tới những danh từ: « cải-cách điền-địa », « cách-mạng », « đa-số nhân-dân » là những danh-từ hết sức táo-bạo lọt ra ở cửa miệng một ông Tổng-Thống Huê-kỳ. Ông đã thấy rõ căn bệnh của những nước ở Trung và Nam-Mỹ mà những sự bất-công đã được phô-bày một cách quá lộ-liếu. Chánh-quyền hầu hết nằm trong tay bọn độc tài quân-phiệt hay phong-kiến. Họ cấu-kết với bọn cường-hào ác-bá và bọn tư-bản ngoại-quốc để chia sớt với nhau tất cả những tài-nguyên trong nước. Họ bắt đa số nhân-dân làm tôi mọi cho họ và họ cũng không cần biết những tôi mọi đó làm-than cơ-cực như thế nào.

Chính Cuba nằm dưới ách thống-trị của nhà độc-tài Batista cũng đã từng là một điển-hình cho những chế-độ nói trên.

Nhân dân Cuba đau-khổ và bất-bình nên mới ủng-hộ Castro lật đổ Batista và gây nên sóng gió ở Châu Mỹ.

Xe trước lật thì xe sau phải tránh. Làm sao những người nghèo đói được ấm no, những người đau khổ được sung-sướng

thì họ không còn lý do hướng về Cuba mà trông đợi những gì họ khao-khát.

Tại sao đề cho Cộng-sản có độc-quyền làm cách-mạng khi mà ta cũng có thể làm cách-mạng được với những ưu-thế của ta?

20 tỷ Mỹ-kim là một số tiền khổng-lồ và cũng là một khí giới sắc bén để thực hiện công-lý xã-hội và cải thiện đời sống cho dân nghèo.

★

Nhưng hai năm đã trôi qua mà tình-hình cũng chưa thấy sáng sủa. Tổng - Thống Kennedy kỳ cho mỗi năm mức sống của người dân phải tăng 2,50% nhưng chưa nước nào đạt được mục-phiêu đó. Trái lại, 5 nước giữ nguyên mức cũ và 7 nước lại nghèo hơn. Tiền bỏ ra thay vì để thi-hành những chương-trình cải cách lại dùng để ủng-hộ những chánh-phủ bất-đôn.

Năm ngoái, bọn quân-phiệt phải gây một cuộc đảo-chánh ở Argentine sau một cuộc tuyên-cử mà họ cho là quá tự-do.

Tháng 3 năm nay cũng mấy ông quân - phiệt đảo - chánh ở Guatemala để phá một cuộc đầu - phiếu vì họ sợ rằng cựu Tổng-Thống Arevalo sẽ đắc-cử.

Ông này chỉ có khuynh-hướng tự-do chứ chưa phải là người thiên-tả.

Trước đó ở Pérou cũng xảy ra một vụ tương-tự.

Tóm lại sau 2 năm của *Liên-Minh đề tiến bộ* người ta đã thấy có thêm được 3 chế-độ độc-tài quân-phiệt, còn 3 chế-độ quân-phiệt độc - tài cũ vẫn ở yên, không có gì thay đổi.

Tiền ở quỹ viện-trợ của Liên-minh bị tiêu xài vào những vụ chánh-biến nói trên không phải là ít. Ông Teodoro Moscoso, giám-đốc Liên Minh, tuyên bố: «Rất cần đề cứu vớt những nước đó. Nhưng việc ấy phải chấm dứt». Nhưng cứu-vớt những chế độ độc-tài quân-phiệt đâu phải là việc làm của *Liên-minh đề tiến bộ*?

★

Muốn tiến bộ thì phải làm cách-mạng hay ít nào cũng phải thi-hành những cải-cách cần-thiết theo đúng với chủ-trương của Tổng-Thống Kennedy. Mà ở các nước Nam-Mỹ bọn thiểu-số cầm-quyền và những công-ty tư bản Huê-kỳ đều chống với tất cả mọi cải-cách.

Năm kia, ông Stevenson qua thăm Chili. Ông hỏi những nhà

cầm-quyền nước đó sao chưa thi-hành cải-cách điền-địa. Họ nói: « Phải truất - hữu bọn đại điền-chủ ». Ông cho rằng biện-pháp đó không hại. Nhưng họ lại nói: « Muốn truất - hữu bọn này thì trước hết phải truất hữu những công-ty hầm-mỏ của Huê-kỳ. »

Nhưng tới đó ông Stevenson liền bàn qua chuyện khác.

Ở Pérou một Công - ty Bắc-Mỹ đã phát động một cuộc nội-chiến để đuổi những người thổ dân da đỏ ra khỏi những ruộng đất mà họ đã làm chủ từ 3 thế-kỷ nay.

Thật ra muốn thi-hành những cải-cách điền-địa không phải là chuyện dễ. Trước hết là phải có sức hậu-thuần của nhân-dân lao - động, của thợ-thuyền và nông - dân. Tổng-Thống Froudizi muốn dựa vào quần - chúng lao - động thân Peron thì ông liền bị đuổi ra khỏi nước. Ông Haya de la Torre muốn dựa vào 7 triệu người da đỏ ở Pérou ông cũng bị chung số phận. Ở Brésil, ở Guatemala và tất cả những đâu có cải-cách là có quân-đội nổi lên để phá

hoại và những quân-đội đó đều được điều - động do mạng - lệnh của các cấp chỉ-huy và được sự ủng-hộ của Liên-Minh đề tiến-bộ.

★

Ông Douglas, một vị thẩm phán của Tòa-Án tối-cao, một nhân - vật tiến - bộ hiếm có ở Huê-kỳ đã tuyên - bố: « Chúng ta có đủ khoan - hồng để cho phép dân ta và tiền viện trợ của ta xây - dựng những xã-hội theo chủ-nghĩa xã-hội hay không? Danh-từ *cách - mạng* có thể là một danh - từ đáng kính đối với chúng ta hay là chúng ta cho nó là độc quyền của Cộng-sản? »

Chính Tổng - Thống Kennedy cũng nói:

« Một ngày không xa chúng ta buộc lòng phải thấy rằng những kẻ thù của chúng ta không nhất thiết phải là những kẻ thù của họ và những ý kiến về tiến bộ sẽ không còn một ý nghĩa gì đối với họ cả. »

Họ đây là những người dân đói khổ ở Nam-Mỹ, những người mà vị Tổng-Thống trẻ trung của Huê-Kỳ thật lòng thương xót và

thật sự muốn cho họ được no ấm, sung túc và tự-do. Ông muốn cho họ thoát khỏi sự bóc lột của bọn cường hào, ác bá, bọn độc tài quân phiệt và bọn tư-bản thiếu lương tâm.

Nhưng ông mắc kẹt trong một thế bí vì giữa ông và đám dân đầu khờ vẫn phải qua sự trung gian của những hạng người nói trên.

Với những hạng này không thể có sự liên minh để tiến-bộ.

Liên-minh để thoát bộ thì đúng hơn.

Tổng-Thống Kennedy cảnh cáo rằng một ngày không xa đám nhân dân đói khổ ở Nam-Mỹ sẽ coi thù thành bạn và sẽ noi gương Cuba để làm cuộc cách-mạng của họ.

Một người đã nhìn xa thấy rộng như thế không phải là người thường, mặc dầu ông vẫn bị lâm vào thế bí.



★ ĐỒNG NGHIỆP

Ông chủ bảo người thư ký :

— Anh đi lấy giấy đánh máy cái thư gửi cho cái thằng cha bị-bọm, tồi tệ, vô liêm sỉ ấy cho tôi.

Người thư ký đi lấy giấy đặt vào bàn máy đánh chữ xong rồi hỏi ông chủ :

— Thưa ông, mở đầu đánh gửi cho ai ạ ?

— Anh đánh : Kính gửi quý đồng nghiệp.

CÓ NGƯỜI

tuổi trẻ hôm nay

★ TUỆ MAI

Em !

Ta biết em sâu

Đêm nay, đêm trước...

E rằng còn đến những đêm sau

Chỗ em đứng : ngã năm hay ngã bảy ?

Đường em đi : tới đấy hay về đâu ?

Em !

Ta biết em sâu

Người em nhỏ...

Đã lớn lên trong thời khói lửa

Đã kinh hoàng thấy bao đờ vỡ

Bạn bè em...

Kẻ sống hoài nghi, buồn ủy mị

Kẻ tìm những thú cuồng điên

Chung quanh em,

Người ta lạc lõng đi tìm...

Chung quanh em,

Người ta bừa bãi, mất niềm tin !

Mất ưu-tư em nhỏ

Nhìn thấp, ngó cao

Trông bốn phương... Trời ơi ! Phương nào ?

Cho em gửi niềm tin mãnh liệt

Cho em trao tình yêu thắm thiết

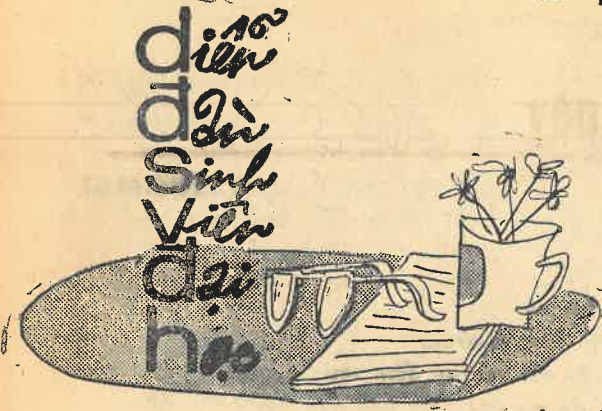
Của tuổi vào đời...

Nhựa sống mọng làn môi

Ngời ánh mắt

Của tuổi đầy cảm tình chân thật

Sẵn sàng nhận nhiều, cho tất



MẸ hình ảnh linh thiêng cao quý đã in sâu vào lòng con, tình mẹ yêu con vô bờ bến, mẹ đã hy sinh cả cuộc đời mẹ cũng vì con, người con gái bé nhỏ của mẹ, mẹ đã yêu chiều con từ lúc con mới ra chào đời cho đến ngày con khôn lớn. Đôi mắt dịu hiền đầy thương mến mẹ nhìn con xanh xao trên giường bệnh, mẹ đã khóc hết nước mắt vì con khi con đứng bên bờ trần thế. Những đêm khuya khi con trở mình thức giấc đã có mẹ bên cạnh, con sung sướng ôm lấy mẹ và con thầm cảm ơn thượng đế đã ban cho con người mẹ thân yêu. Mẹ từ đầu đến với con, có phải từ kiếp trước con cũng là con của mẹ. Quê hương miền cát trắng với những hàng

dừa xanh tấp ven bờ, những ngôi nhà bé nhỏ sau lũy tre xanh, nơi ấy mẹ đã trải qua những ngày thơ ngây đến lúc mẹ là người thiếu nữ duyên dáng nơi thôn làng và mẹ

sẽ ở mãi nơi ấy đến tuổi chiều xế bóng. Các con chỉ là hình ảnh ngày xưa của mẹ đã lùi vào dĩ vãng. Mẹ sung sướng nhìn con tha thướt trong chiếc áo dài trắng màu trinh bạch đang ôm sách đến trường, những người con xây mộng ước cho tương-lai.

Làm sao con quên được quê mẹ, nơi ấy mẹ đã ban cho con một tình thương bao la như biển đại dương, êm dịu như giòng suối chảy ven cầu lén qua mạch đất để mang lại nước trong lành cho dân làng.

Khi con còn bé thơ, những đêm trăng sáng đình làng mở hội, con tung tăng theo mẹ, con sung sướng nhìn trăng sáng, ánh trăng tròn tỏa ánh sáng dịu dàng xuống trần gian. Trăng xuyên qua cành lá, trăng nằm



dài trên bãi cát, trắng theo từng nhịp bước con đi trên đồi cát trắng. Trăng vỡ ra trăm ngàn mảnh khi sóng tấp vào bờ, con sung sướng quá, con chạy vội xuống nước để tắm trăng, con nằm lăn trên bờ cát, mẹ đến ôm con vào lòng và bảo con mẹ sung sướng quá. Tình mẹ yêu con dào dạt như sóng triều dâng bên bờ đại dương, mẹ hôn con và hỏi:

— Con gái yêu của mẹ, con mong ước gì nơi tương-lai.

Lúc ấy hai tiếng tương lai đối với con sao nó xa lạ quá, con chưa bao giờ nghĩ đến; vì ngày thơ ngây vẫn còn với con, nụ cười còn đọng trên môi tưởng không bao giờ mất hẳn, làm sao con nghĩ được khi con là cô bé ngây thơ đang nằm trong lòng

mẹ đang theo mẹ đến đình làng. Con nhìn ra biển thấy bóng chị hằng đang nô đùa trên sóng bạc, con tươi cười nói:

— Con không là gì cả, con sẽ tan biến mất cũng như trăng không còn nô đùa trên sóng bạc khi bình minh ló dạng.

Từ nơi nào con đã đến với mẹ? — Từ hư vô con đã đến với mẹ để rồi hiện hữu nơi trần gian này trong một khoảng thời gian ngắn ngủi con sẽ tan biến vào hư vô, con sẽ là một con số không giữa vũ-trụ bao la này.

Bên mái nhà tranh nghèo con nhìn khói lam chiều vương lên như mang theo tình yêu triu mến của mẹ, mẹ đã ban tình yêu cho các con dù các con ở tận

phương nào. Tình yêu mẹ, yêu mái tranh nghèo sau lũy tre xanh, yêu đời cát trắng với nắng gió miền duyên hải, hình ảnh quê mẹ in sâu vào tiềm thức con cũng như tình mẹ yêu con vô bờ bến.

Quê mẹ nghèo nhưng đẹp nên thơ, ngày vui có ít, ngày sầu thăm lại nhiều, đã đem lại ưu phiền cho biết bao người dân quê mộc mạc. Họ sống một cuộc đời bình dị với tâm hồn cởi mở tràn đầy lòng thương yêu. Họ không mơ ước một cuộc đời giàu sang nhộn nhịp nơi phố phường, họ cầu mong một cuộc đời bình dị nơi thôn làng để giữ gìn năm xương tìn của người thân yêu tôn kính. Nhưng có lẽ trời không yêu những con người nơi miền duyên hải, trời bắt phải chịu nhọc nhằn khổ đau.

Quê mẹ miền duyên hải nên dân làng chuyên sống nghề chài lưới, họ đem tấm thân ra dầm mưa giải nắng để vớt lên những con cá trắng bạc cốt mang lại sự no ấm cho gia đình và nuôi các con khôn lớn giữa tình yêu đậm đà của quê hương như hương vị mặn của nước biển bao la.

Những hôm trời vần vũ mưa to gió lớn suốt ngày đêm, không ngại gian nguy với chiếc thuyền con, họ đi ra tận biển khơi, họ thấy gì trong đêm tối, muôn ngàn sóng bạc nơi đại dương có phải là một tương lai mờ mịt?

Có một ngày những người ra đi không bao giờ trở lại, không bao giờ mang niềm vui về cho gia đình, đại dương là mồ của họ, ai có thể tìm-đâu ra năm xương tìn! — Mưa gió suốt đêm, có những người thiếu phụ và các con thơ mở cửa ra nhìn đêm tối, nhưng họ thấy gì ngoài



đại dương bao la, một màu đen tối không một ánh đèn đề mang lại một hy vọng dù mong manh. Họ lo sợ cho số phận những người thân yêu đang bồng bềnh ngoài biển cả. Gió lạnh đêm khuya, sóng lớn, mưa to ngập trời những người chồng người cha có giữ được tính mệnh hay không? Một cơn sóng vô tình có thể cướp mất và vùi sâu vào lòng biển rộng. Những người sống trên sóng nước có bao giờ bảo toàn được tính mệnh, cuộc đời dễ tan vỡ như những chiếc bong bóng nước đẹp lộng lẫy huy hoàng để rồi tan biến trong không gian.

Quê mẹ với tình yêu thăm thiết đậm đà với những nỗi vui buồn của người dân lành, con đã sống giữa mảnh đất thân yêu ấy và lớn lên giữa tình yêu chân thành. Con mong ước còn bé nhỏ mãi để được mẹ nâng niu chiều chuộng.

Thời gian qua con lớn lên, sống xa quê hương, giữa đường đời bao la cố tìm một hướng đi cho ngày mai, con phải tranh

đấu với đời dù bao nhiêu gian khổ chờ đón con ở giữa đường. Con cảm thấy đời là đau khổ, con không làm sao tìm lại được tình yêu dịu hiền và triu mến của mẹ và của những người trong thôn làng. Những ngày thơ ngây, những niềm vui tràn khoé mắt không bao giờ còn nữa bây giờ chỉ còn những u sầu và những cam go trước cuộc đời.

Dù lạc lõng nơi phương trời nào, con vẫn nhớ đến mẹ đến quê mẹ, tình thương yêu dâng lên tràn đầy tâm hồn con, đọng khối lại trong tim con và vĩnh viễn với thời gian. Khi nào con không còn ở trên trần thế, con sẽ về nơi quê mẹ để nhìn lại mái nhà thân yêu và con sẽ nằm im trong lòng đất nơi quê nhà để mỗi tối ngồi trên đời cát nhìn ra đại dương bao la nghe sóng vỗ rì rào và nhìn từng ánh sao rơi. Con sẽ thấy tâm hồn con rộng mở và hòa đồng với vũ trụ bao la.



HÀN MẶC TỬ

★ Ái-Mỹ BÙU-ĐÁO

(Tiếp theo P.T. 104)

ĐỒNG thời, tôi cũng muốn nhắc đến một học-giả khác (anh rề của Trần-tái-Phùng) ái mộ thơ Hàn-Mặc-Tử và lần đầu tiên đã đem thơ Hàn-Mặc-Tử ra bình-giảng tại lớp Việt-văn Trường Trung học Khải-Định và Trường Đồng-Khánh Huế : ấy là cố Vô-đình-Thúy, giáo sư văn-chương, một nhà sư-phạm có tiếng của đất thần kinh hồi tiền-chiến.

Theo dấu giáo-sư Thúy, sau này Hoài-Thanh, Hoài-Chân, rồi đến Trần-thanh-Mại mới đề cập, trích dẫn, phê-bình thơ Hàn-Mặc-Tử, nhưng với những mục đích khác, những quan-niệm khác:

không mấy xác đáng, trung-thực đối với một thiên-tài chân chính.

★

Tôi cũng muốn nhắc thêm về một số bạn bè khác của Hàn-Mặc-Tử hoặc một số nghệ-sĩ đương thời — đồng thời với thi-sĩ — đã yêu thích thơ Hàn-Mặc-Tử, hoạt động văn-nghệ cùng chàng, hoặc tìm cảm-hứng trong thi-văn Hàn-Mặc-Tử.

Trước hết, có Bích-Khê, tác-giả những vần thơ rùng rợn, đau thương, tê dại :

Thơ không tên siết là thơ vô nghĩa lý

HÀN MẶC TỬ

một phần do thị-hiếu riêng, một phần cũng do ảnh hưởng một chứng bệnh nan y sau này đưa tác giả tới Bệnh-viện bài lao Huế.

Tập thơ ĐẸP của Bích Khê, tôi đã được đọc bản thảo đầu tiên cùng Hàn-Mặc-Tử ngay tại nhà cố Bửu-Dông, anh rề Hàn-Mặc-Tử, đường Khải-Định cũ (thị-xã Qui-nhơn), lúc Hàn-Mặc-Tử đang ở dưỡng bệnh tại đó và nhằm thời kỳ bệnh-tình chàng có phần thuyên giảm.

Cái ước vọng của Bích-Khê là tung ra " một quả bom " trên thi đàn Việt-nam, với tập thơ ĐẸP nói trên gồm hơn 200 bài — nếu tôi không nhầm — mà tác giả muốn được xuất bản dưới một hình-thức độc đáo, ấn-loát tối-tân, có những họa-bản phụ-đính đặc sắc, để có thể sấp ngang hàng với những cuốn thơ âu mỹ, sánh vai với những Baudelaire, những Valéry, những Mallarmé, những Oscar Wilde.

Về sau, tôi không rõ thi-phẩm này sẽ phận ra thế nào ? Tội nghiệp cho hương hồn thi-sĩ nếu tập ĐẸP đã là nạn nhân của chiến tranh, của thời cuộc. Duy tôi chỉ nhớ vào khoảng năm 1940, Trọng Miên đã xuất bản được một tập thơ của Bích-Khê dưới nhan đề

« TINH HUYẾT », do ĐÔNG PHƯƠNG phát hành tại Saigon, in khá đẹp, nhưng vì tình-thế không cho phép, lúc bấy giờ chỉ in ra có hạn, trên thứ giấy thường, không có phụ bản minh họa. Tôi còn nhớ rõ : sau khi cuốn thơ TINH HUYẾT ra đời, Hàn-Mặc-Tử đã hỏi tôi với một vẻ băn khoăn lộ ra trên gương mặt : « Hình như có bài báo nào «chôn» Bích Khê dữ lắm phải không anh ? ». Quả thật, hồi ấy một vài bài nông nổi, mệnh danh là «phê-bình văn-nghệ» đăng trên tuần báo TIÊU THUYẾT THỨ NĂM hay TIN VĂN (Hà-nội) đã công-kích thơ Bích Khê kịch-liệt. — Thấy tôi gật đầu ái ngại, Hàn-Mặc-Tử cau mày, chắt lưỡi, buồn bã như chính mình bị xúc phạm bởi thể-nhân vô tình, bạc bẽo... Không thể nào không thăm cảm mến Hàn-Mặc-Tử ở thái độ ý nhị, thâm trầm như trên của chàng đối với bạn đương.

Khiêm-tốn hơn, nhu mì hơn, có các tập thơ nhỏ "XÁC THU" và "MAU HUYỀN DIỆU", của Hoàng Diệp (Nguyễn Anh) một bạn đồng nghiệp cũ của Hàn-Mặc-Tử tại Sở Đạc Điền Qui-nhơn. Thi sĩ này, bình sinh hiền hậu, dễ dãi. Với lối thơ nửa mới

nửa cũ, Hoàng Diệp than thở tình đời bằng những vần thắm đượm màu sắc u buồn của lá vàng rơi, hoặc ý tưởng băng khuâng, ám ảnh bởi thế giới vô hình.



Bên cạnh Hàn Mặc Tử, và cùng đi song song trên đường phục vụ Thiên-chúa-giáo, còn có Bùi Tuân, một ký giả say mê nghề viết báo từ lúc thiếu thời, trong khi nghề này khó nuôi sống con người cầm bút. Trọ bút tập san văn chương "LỜI THĂM" của các Trường Đông La-San (Huế, Qui-nhon, Saigon) Bùi Tuân cũng là một bạn thân của Hàn-Mặc-Tử. Sau này, Bùi-Tuân biên-soạn nhiều tác-phẩm công-phu, giá-trị về văn-học cũng như về tôn-giáo: RA ĐỜI, CHÍNH SÁCH ĐỐI NGOẠI CỦA TÒA THÁNH VATICAN v.v... Sau 1954, nhà văn đã trở thành chính-khách.

● Trong dòng thơ nhạc...

Theo dấu Hàn-Mặc-Tử — nhà thơ tha-thiết yêu trăng và ca ngợi Trăng-muôn-đời — thi-sĩ Lam-Giang, người Bình-Định, thông Nho-học, đã cho ra tập thơ nhan

đề « DƯỚI CẦU GIANG TÔ », cô-kính dưới hình-thức Đường-thi và cô-thi, táo bạo với những ý tứ, hình ảnh, rung cảm mới mẻ của một nhà tân-học.

Trong nhóm bằng hữu của Hàn Mặc-Tử, cũng nên nhắc qua các tác-phẩm phảng phất tình trăng, ý mộng :

— TRĂNG MA LẦU VIỆT của Quách Tấn (tiểu thuyết đượm sắc thái « Liêu Trai chí dị »).

— TRĂNG XANH HUYỀN HOẶC tiểu-thuyết rừng rợn của Trọng-Miên.

— PHONG LAN, KHÍ HẬU MỚI truyện ngắn trữ tình, tùy bút triết-lý của Lê-Đình-Ngân, bằng bạc ánh trăng huyền ảo của Qui-nhon, nơi hàm xúc khí thiêng, đã kích thích un đúc tài năng của bao văn-nghệ-sĩ từng sống tại trung tâm duyên-hải tỉnh Bình-Định : Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên, Xuân Khai, Trinh-Tiên, Tố-Trai... và sau này, Vũ-Đình-Liên (lúc thi-sĩ Bắc-Hà theo Nha Giám-Đốc Thương-Chính Hà-Nội tập-trung về lánh nạn oanh-tạc tại Qui-nhon, 1944) với mấy vần thơ đầu tiên của thi-sĩ sau hơn 10 năm « tác-tị » :

Ta năm chưa thành giãc,
Giăng đi đã hết giờ;
Đầu non vàng phơi phơi,
Ánh chiều hay rán mai ?

Vở kịch thơ " MỸ Ê, THĂM-SỬ MỘT VƯƠNG PHI " của Vũ-Đình-Liên sáng-tác tại Qui-nhon — chưa hề xuất bản — đã được đem diễn tập tại sân khấu rạp chớp bóng Morin, Qui-nhon vào khoảng mùa thu 1944. Kịch này làm sống lại thiên tình-sử bi đát của một vương phi Cai-thành ôm mối hờn vong quốc. Không biết về sau, trong cơn loạn lạc, tác-phẩm trên đã gặp những biến-cổ nào ?

Và Trịnh-Đường, thú-y-sĩ, một nhà thơ trẻ tuổi đầy nhựa sống, nuôi mộng làm cách-mạng, ham thích đời sống hải hồ :

Nặng khối sầu kinh địa
Giang hồ khắp đó đây
Ngàn đừa khuấy bước lữ
Ngâm thơ chàng hôm nay...

Trăng tà, song cửa, mây sương trắng;
Gió muện đưa vào, lạnh gối chần;
Mắt ướt, lòng sôi, đầu choáng váng;
Men nồng, cạn chén, mấy tri-âm ?

Hai mươi lăm tuổi, già mơ ước,
Năm đẹp đầu tìm dáng cố-nhân ?
Thời loạn, thân trai chưa sự nghiệp
Năm khan... ngày hết, giục tàn năm...

May mắn hơn Bích-Kê, thơ Hàn-Mặc-Tử đã được ngồi bút linh diệu của họa-sĩ Phạm-Tú — một nghệ-sĩ người Bắc — minh họa thành những bức tranh tuyệt mỹ, nói lên linh động màu sắc mông lung của trời xanh thăm, ngàn khơi gió lộng, và cũng diễn đạt tâm hồn của một người thơ cô quạnh sống giữa thung lũng mây nước muôn trùng :

Tôi vẫn còn đây hay ở đâu ?
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu ?

Trung thành với người bạn quá cố, Trọng-Miên, quản-lý nhà xuất bản ĐÔNG-PHƯƠNG — do Lê-Hữu-Phương, một nghệ-sĩ người Nam, chủ-trương — đã ấn hành một tập thi - tuyển " THƠ HÀN-MẶC-TỬ " rất mỹ-thuật ; bản quý in trên giấy tốt, độ 500 cuốn, với những phụ-bản ấn-họa tô màu của Phạm-Tú, mà bạn yêu thơ có lẽ còn có thể tìm xem tại Thư-Viện Quốc-Gia Sài-gòn.

Trang bìa hình dung thi-sĩ đau thương :

*Bây giờ tôi đạt tôi điên
Chấp tay tôi lay cả miền không gian...*

Xa hơn, về sau, họa-sĩ Phạm-Đặng-Trí của đất cổ - đô — về phái cấp tiến—cũng yêu thơ Hàn-Mặc-Tử, và có lẽ tâm - hồn đã cảm xúc sâu xa những ý đẹp thâm trầm huyền bí trong thơ Hàn-Mặc-Tử, họa-sĩ đã sáng tạo những bức tranh lụa đượm màu thần - bí : “BỐC ĐỒNG” (với hoa lửa cõi siêu hình) “NGƯỜI SUỐI BẠC” tả một người con gái đẹp, nằm lả lướt bên dòng suối trắng ngần :

Một mai tôi chết bên khe ngọc tuyên...

Ấy là tôi chưa nói đến một số nhạc-phẩm sáng-tác theo nhạc-pháp quốc-tế của vài nhạc-sĩ Việt-Nam thế hệ hiện đại, đã soạn bằng cách phổ-nhạc vào thơ Hàn-Mặc-Tử để phổ-biến trong giới mộ điệu những nét đẹp muôn hình của một áng thơ bất hủ : “AVE MARIA” ...

★

Ngừng lại đây, tại tôi còn vắng vắng nghe và trí còn mường tượng bóng dáng Hàn-Mặc-Tử, một buổi chiều nắng xế, tại căn nhà hiu vắng đường Khả-Định, Qui-nhon của ngày xưa, thi-sĩ ngồi dựa trong chiếc ghế bành

mây, ngửa mặt lên trần nhà, mắt chìm vào thình không, đã ngâm lên cho Trần-Thanh-Địch và tôi nghe mấy vần thơ chàng mới soạn và lấy làm đặc ý :

Ca cầm ca... tơ đờn vọng dang ra...

Giọng ngâm nào nùng, thê-thiết, ấm và âm hưởng ngân dài chuyền vọng, thấm đượm vào đáy sâu cõi lòng thánh giả, khiến ai nghe Hàn-Mặc-Tử ngâm thơ một lần, không thể nào quên được. Rất tiếc, giả thử hồi ấy chúng tôi có phương tiện sử-dụng máy thu âm vào băng điện (magnétophone) hẳn chúng tôi đã ghi lại và in được vào đĩa nhựa để cho đời thường thức tiếng ngâm vô huyền của người thơ muôn thuở.

● ★



— Xin lỗi ông! Tôi bỏ quên cặp kiếng ở đây!



tiếng nói
của
Quý và Trudi
thế hệ



Bạn thân mến,

Hôm nay tôi vui sướng được giới thiệu với các bạn :

★ **Bạn Nguyễn-thị-Ngọc-Lan**, 18 tuổi, trường Trung-học Mỹ-tho. Bạn nói những lý do khiến bạn có ý nghĩ thoát ly gia đình. Bạn dám nói một sự thật đau đớn, chua chát, nhưng là một sự thật mà các quý-vị Phụ-Huynh nên lưu ý đến.

★ **Bạn Điền Sơn**, 24 tuổi, thông-dịch-viên cơ quan MAAG của Mỹ, đưa ra một đề tài thiết thực, chứng minh tình trạng một số thanh niên đang sống theo đà « hiện sinh », không cần biết ngày mai.

★ **Bạn Phù-Viên**, Sinh-viên Đại-học Khoa-học Sài-gòn, đã-kích lóp « người đi trước » và phủ nhận quá khứ, muốn tự gánh lấy đời sống một mình để tiến về tương-lai.

★ **Bạn Lam-vỹ-Hùng**, 18 tuổi, học sinh Trung-học Sài-gòn, tả đúng tâm lý của lứa đôi mười, ra ngoài thì rất bề bối, về nhà lại ngoan ngoãn, vì thế nên phần đông cha mẹ không hiểu được con, không kiểm soát được hành vi của con, những hành vi xấu xa...

đề được

sống thác

loạn

★ NGUYỄN THỊ NGỌC-LAN
(Trung-học Mỹ-tho)

TÔI đã nuôi ý nghĩ thoát ly từ năm tôi mới học đệ lục trường Trung-học. Tôi đã chán sống trong cái gia đình đầy thành kiến và cái khuôn khổ lễ nghi chật hẹp đó đã ràng buộc tôi nhiều lắm rồi. Tôi hấp thụ trọn vẹn làn sóng lãng-mạn của thời đại đồ xô tới. Tôi thích tân nhạc cải cách và ước-vọng làm ca-sĩ, thích xi-nê và cũng mong được đóng phim, mỗi cái tôi thích là tôi nuôi hy-vọng sẽ trở thành danh tài, được mọi người biết tên tuổi. Mà tôi thích tất cả, thích cái lương tình ái lãng-nhãng, thích nhảy, thích đọc tiểu thuyết kiếm-hiệp tình-cảm. Đời

sống vật-chất của tôi thì không nói được, lúc thì tôi cắt tóc ngắn, lúc thì để dài quá nửa lưng rồi bông lên, mặc quần bông ống túm, áo rằn hờ cò, thích giao thiệp với con trai, thường bỏ học dẫn tình nhân đi dạo hoặc đi xem xi-nê. Nói tóm lại, tôi là một tâm hồn thác loạn, thích nếp sống thác loạn hơn là nếp sống con nhà gia-giáo. Mà tôi thì rất nghiêm khắc, cho tôi đi học với mục đích là kiếm việc làm hơn là để hiểu biết, người ràng buộc tôi trong mọi vấn đề: ăn mặc, giao tiếp và đời sống tinh-thần nữa. Người cảm đoán ngay cả chuyện giải trí như đàn

hát, đánh cầu, đánh banh, v.v... Má tôi ngày nào cũng la rầy đánh đập tôi nhưng tôi không sửa đổi, càng đánh bao nhiêu thì tôi càng mong thoát ly khỏi gia đình để được sống thác loạn cho thỏa mãn tình cảm bông bột của tôi. Sở dĩ tôi chưa chịu thoát ly sớm là vì tôi lo ngại ra đi không có tiền xài mà không có việc làm thì làm sao mà sống, liệu mấy tháng tình nhân và mấy đứa bạn có nuôi tôi mãi không. Dù sống thác loạn và giao du thân mật với bọn chúng, tôi vẫn còn một ít lý trí để nhận định rằng tụi nó không tốt mấy. Biết vậy mà tôi vẫn không từ nó và vẫn sống thác loạn vì tôi thiếu hẳn tình thương gia đình, tôi sống trong sự khô khan và lạnh nhạt của người cha, những người anh, có khi cả mấy ngày mà không ai nói đến ai, mỗi ngày gia đình chỉ hợp mặt hai lần, đó là lúc mâm - cơm dọn lên, thế mà cả nhà đều lặng lẽ ăn, đến nỗi nghe cả tiếng đĩa chén khua vào nhau và tiếng nhai đồ ăn, ăn xong thì xuống, không ai nói đến ai nữa lời. Duy người mẹ là thương yêu nhiều, nhưng vì bận rộn ngoài đời để tìm sự sống cho gia đình, không còn đủ thì giờ mà khuyên răn dạy - dỗ tôi đến khi tôi hư hỏng thì dùng uy-quyền áp bức tôi. Uy-quyền không dạy-dỗ, không lôi cuốn tôi trở về nếp sống bình thường mà

chỉ có sự mềm mỏng, tình yêu thương chân thành mới mong cải hóa con người tôi được. Tôi sống nhiều cho tình cảm thế mà bắt tôi giam mình trong khuôn khổ chật hẹp và tẻ nhạt của gia đình thì làm sao sống nổi. Tôi thoát ly! Nhất định lần này phải thoát ly để đi theo sở thích riêng của mình. Thoát ra khỏi cái ngục, tôi hoàn-toàn tự-do càng lặn xả vào cuộc sống thác - loạn hơn. Tôi tìm nhiều tình-nhân để thỏa-mãn tình yêu thương lãng-mạn mà tôi thiếu-thốn. Tôi để cho tình-cảm ủy-mị lôi cuốn tôi vào con đường trụy lạc hơn một năm, cho đến hôm nay tôi khám phá ra rằng thứ tình ái lãng - nhãng giả dối không làm cho lòng tôi ấm lại, chỉ tạm bợ trong nhất thời. Tôi vẫn khao khát tình thương chân thật của người mẹ, người cha, người anh.

Tôi cương-quyết trở về với gia đình, hầu-hạ mẹ cha trong sớm chiều và mong mờ xẻ nguyên do sự lạnh-nhạt hờ hững trong gia đình tôi năm qua, hầu hàn gắn lại tình thương yêu trong gia đình. Tôi sẽ ngoan ngoãn ép mình trong khuôn khổ, sống nếp sống của người thực nữ trong gia đình bản bực. Tôi dẹp hết mọi mong muốn và cố gắng tìm lại tình thương gia đình trong sự tha thứ của cha mẹ và anh tôi.

● ★

S
Ó
N
G
V
I
Ộ

★ Diên-Sơn
(MAAC Saigon)



KHÔNG nhớ hôm nay là lần túng quần thứ mấy trăm trong đời hần nhỉ? Mà hần đâu phải là phùng túi cơm giá áo, không biết hái ra tiền. Tuy năm nay mới 24 tuổi, nhưng hần rất rành đời. Ngày hai buổi hần vẫn làm tại một sở lớn nợ với chức vụ quan trọng, hần mở miệng ra nghe cũng toàn tiếng Tây tiếng Mỹ, bóng bẩy văn hoa lắm, lương tháng vẫn xấp xỉ mười ngàn chứ! Thế mà với số lương bự ấy hần vẫn xem chả thấm vào đâu cả, sự tiêu pha của hần ví như một cái hố sâu mà không

thề lấp bằng được với đồng ượng.

Nhiều lúc hần nghĩ rằng sự kiếm ra tiền của hần cũng có hạng lắm chứ, thế mà tại sao chả có dư được đồng nào mà trong khi đó quanh hần có rất nhiều người chỉ lãnh lương tháng lối hai ngàn mà cả gia đình họ vẫn sống ung dung sung túc, sau mỗi bữa cơm họ vẫn có vài trái chuối tráng miệng. Nhưng có lẽ suy nghĩ thế để chò vui mà thôi chứ tính nào tạt này, hần vẫn thân-nhiên tiếp-

TIẾNG NÓI CỦA GÁI VÀ TRAI THẾ HỀ

tục cuộc đời tiêu xài thao túng đề ròi mỗi tháng ít nhất là một tuần lễ hần phải cúi gằm mặt xuống đất, chân nặng nề miễn cưỡng bước vào quán cơm xã-hội để tạm bừa qua ngày.

Ngỡ rằng sau đây hần phải giác ngộ, tu chỉnh lại cuộc sống chứ, nhưng sau khi lãnh lương, cầm xấp bạc dày cộm trong tay hần lại thường trực suốt đêm ở quán này, nhà hàng nợ, hần gọi ầm ĩ cả lên với những món ăn, đồ nhậu hào hạng.

Trong những buổi ăn linh-dinh như vậy hần lại tuyên-bố rằng : « Ôi ! những ngày qua sao mà bi cực đến thế, thẹn thùng khi bước vào quán cơm xã-hội, cơm khô rất cở nuốt chẳng muốn vào, đau khổ cho thân xác quá, nay phải « thế này » mới lại sức, mới bù được những gì thiếu hụt ngày qua ». Thế rồi chai Whisky này đến chai Cognac khác được mở liên tiếp để hần cùng mấy thằng bạn nhậu nhẹt. Mà oái ăm thay mấy đứa bạn kia toàn là đồ đá cá lặn dưng, trời không đánh thì thánh cũng vật, cứ đầu tháng thì chúng lại tấp nập tìm đến thăm hần, dùng lời ngon tiếng ngọt đưa đường chỉ lối cho hần đi chỗ này ngã

nọ, đến khi hần tái diễn tấn tuồng « cơm xã-hội » thì chả thấy có con ma vào mò đến căn gác trọ nhỏ hẹp của hần.

Cũng có một vài người khuyên hần hãy xa lánh tụi ăn hại kia và dứt khoát ngay tình trạng nguy ngập của cuộc sống bừa bãi ấy nhưng hần lại gàn dở. nói rằng hần cũng là dân thầy chú, đi đâu thì có xe Huê-kỳ đón đưa tận chỗ, phòng việc cũng có máy lạnh như ai, chứ đâu là hạng tầm thường « răng đen mã tấu » để cho người khác lên mặt đàn anh dạy đời.

Hần không muốn ai xen vào cuộc đời tư của hần. Hần cho rằng mấy thằng bạn kia rất thích hợp với hần vì chúng cũng có giông máu nghệ-sĩ như hần. Còn cuộc sống tiêu xài sung sướng của hần sao lại phải « tộp » lại, tại sao phải ràng buộc mọi ước muốn, làm khổ bản thân mà thôi.

Hần lại xỏ ra những câu triết lý là đời người chỉ sống tối đa là trăm tuổi, mà mười lăm trẻ, năm mươi già không kè thì thời oanh liệt chỉ còn có vồn vẹn ba mươi lăm năm, ôi! đời là ngắn ngủi quá, nếu không chơi thì thiệt hại ấy ai bù, nghề chơi

cũng lắm công phu chớ phải ai cũng có thể vỗ ngực bảo rằng ta là tay chơi được sao? Con cá sống trong ao hồ sông bể phải bơi lội khắp nơi để biết chỗ nào sâu, nơi nào cạn; con người mà không ngang dọc đó đây để tận hưởng hết những lạc thú với tuổi xuân xanh hoa gấm thì không thể biết thế nào là cuộc sống trọn vẹn mọi thứ vui say phải từng trải chán chê để đến khi nhắm mắt xuôi tay khỏi vương niềm luyến tiếc. Cũng như có câu rằng:

« Sống trên dương gian không
ăn thịt chó
Chết xuống âm phủ biết có
hay không? »

Hắn khen rằng cô nhân nói đúng lắm, vì dưới Diêm-Đài làm gì có phòng trà, tửu điểm để vui say thì bây giờ hắn hãy hưởng thụ trọn vẹn 35 năm trên dương thế cho đầy đủ, đừng để một ngày nào trôi qua trong sự vô nghĩa, rỗng không.

Đề dành tiền mà làm gì? Chết có đem theo được không? Hắn nhất định không thêm ky-cốp, hắn bảo rằng chẳng hạn như hắn dành dụm được 10 ngàn mà nhờ tới nay hắn trúng gió chết thẳng cẳng, ngày mai bà chủ nhà

sẽ lẹ lẹ lấy mất trước khi la inh ỏi đề hàng xóm đến chứng kiến cái thây ma của hắn. Như thế có phải là đồ điên, đồ dại không? Làm ra mà không hưởng để kè khác « đỡ nhẹ » cái công lao khó nhọc của hắn.

Hắn lại nói thêm rằng sau đó dù có cảm giận, muốn sống lại để nhậu nhẹt, tiêu xài thỏa thích thì cũng không được vì cái linh hồn yếu ớt của hắn không thể đỡ nổi thây xác hắn đứng dậy thì làm sao hắn lê chân vào tửu-điểm trà đình?

Hắn muốn sống thế nào để sau khi hắn chết người ta có nhiều giai thoại về hắn, họ sẽ bảo rằng hắn là một văn nhân thi sĩ độc đáo, vì quả thật hắn cũng có làm thơ, viết báo nên nuôi nhiều ước vọng.

Ồi! nghe hắn thuyết một hồi như vậy, từ đó đến nay chả ai buồn đá động đến hắn nữa, để cho hắn sống trọn vẹn với đời hắn, vẫn đi làm, vẫn lãnh lương lớn, và vẫn sống mãi trong cuộc vui trác táng, trận cười thâu đêm.

Ngoài lương ở sở ra, hằng tháng hắn còn kiếm lai rai được mấy ngàn tiền nhuận bút của hắn, như thế hắn lại có đầy đủ phương tiện để cuồng say men

rượu, ngắm bóng mỹ nhân chập chờn trong đáy cốc, thả linh hồn chơi vui theo sóng nhạc triền-miền.

Hắn đã sống trọn vẹn theo ý muốn, theo sự nhận xét thiên cận của hắn. Hắn không thêm lưu ý đến ngày mai vì hắn ngờ vực rằng biết hắn có sống được đến ngày mai không cho nên hắn vui say cho trót đêm nay, và cứ như

thế mãi.

Chuyện hắn còn dài lắm, có lẽ không thể kể hết được. Hắn là đệ tử trung thành của thuyết HIỆN-SINH nên sống giành, sống dứt từng giây phút không nghĩ đến ngày mai vì như đã nói trên, chữ ngày mai từ lâu đã thành vô nghĩa đối với hắn.



Ở CUỐI CON ĐƯỜNG

★ PHÙ-VIÊN

(Đại-học Khoa-Học Saigon)

CÓ khi nào sau giờ học bạn trở về với những suy tư, những thắc mắc, những lo âu về cuộc đời? — Tôi tin rằng có. Vì tôi đã hơn một lần như vậy.

Những con đường viên cây nhiều bóng mát có cho bạn một hình ảnh nào không; hình ảnh của sự che chở, của tình thương, của âu yếm?

Bạn có khi nào đứng giữa chỗ nối tiếp của hai con đường?

Sau lưng bạn, con đường viên cây với những cành lá, giao nhau như tàn lộng ngày xưa lúc quan Trạng về làng. Trước mặt bạn, con đường trơn-trợt, bốc hơi dưới ánh nắng mặt trời; con đường của bạn, của tôi, của những con-người-hôm-nay.

Chắc bạn cùng nghĩ với tôi rằng: khi bước chân qua vùng ánh sáng đó, chúng ta chỉ còn có chúng ta, đơn độc với con

đường dài tâm tấp, không bóng mát, không đầm tựa.

Có khi nào bạn quay lại nhìn về phía sau để hối tiếc con đường có những tàn lộng; có những tiếng rì rào, có những chiếc lá me già rắc lối đi?

Có khi nào bạn thấy cần cái bóng mát ấy không?

Tôi tin rằng không.

Chúng ta là những con-người-hôm-nay, những con người khi đặt chân qua biên giới của hai con đường đều nghĩ:

«Đã đến lúc chúng ta phải TRÁCH NHIỆM lấy cuộc đời chúng ta; đến lúc chúng ta phải ý thức chúng ta ĐANG LÀM cái gì và LÀM để làm gì!»

Bóng mát mà chúng ta cần, không phải là cái bóng mát của hàng cây viền đại-lộ, mà là cái bóng mát ở cuối con đường kia, con đường dốc nắng, con đường chúng ta chỉ mới đặt chân vào.

Những-người-đi-trước chúng ta, không còn ở trước mặt chúng ta nữa, mà tủi hổ chưa, họ đang ở SAU lưng chúng ta, ở trong bóng mát của hàng cây thẳng lối, ở trong những hình ảnh vàng son của quá-khứ.

Những người ấy đang tự nhận (?) trách nhiệm dẫn dắt (!)

chúng ta.

Không dám phủ-nhận sự dẫn dắt đầy kinh nghiệm của những-người-đi-trước, nhưng có thể hay không, chúng ta đặt lại vấn đề giá trị của sự dẫn dắt ấy?

Những-người-đi-trước, hầu hết, bây giờ đang có một địa vị vững chắc trong xã hội, đôi khi cả trong lịch sử nữa, không tàn nhẫn, nhưng phải nhận rằng họ đang sống bằng quá khứ, mượn quá khứ để làm bình phong cho hiện tại; để che dấu cái bất lực — không thể chối cãi — của họ. Hơn nữa, họ cách xa chúng ta một khoảng thời gian khá dài, cho nên, dù có nhiều thiện chí đến mấy, họ cũng không thể SỐNG bằng cuộc sống của chúng ta, NGHĨ bằng những ý nghĩ của chúng ta.

Có khi nào bạn nghĩ rằng, những con người đó đã từng ngồi yên lặng, nhằm thuộc những bài thơ của một Lamartine, một Alfred de Musset ướm át và lãng mạn. Trong khi ngoài kia, sau lưng thành phố của họ, có những thân người ngã gục, có những con mắt nhắm nghiền nhưng miệng còn gào hai tiếng tự do, hai tiếng sau cùng của cuộc đời họ!

Bạn có khi nào nghĩ rằng, những con người đi trước ấy, đang ở trong bóng mát hôm nay, lại có can đảm khuyên chúng ta noi gương họ không?

Chắc bạn có cùng một câu trả lời với tôi.

Hỡi những con người đang sống bằng quá khứ! Chúng tôi tặng cho đó, cái bóng mát mà trong ấy các người đã sống. Nhưng phải can đảm mà nhận rằng: lúc mà các người đang sống bằng những hình ảnh vàng

son (dù là những hình ảnh vay mượn ở những bàn tay khác, ở những khối óc khác) chính là lúc mà thể xác, tinh-thần các người tê-liệt.

«Chúng tôi cần bóng mát, cần sự che chở yêu thương. Nhưng cái bóng mát ấy, cái yêu thương ấy, ở đằng kia kia, ở trước mặt chúng tôi, ở cuối con đường dốc nắng, chứ không phải sau lưng chúng tôi.»

Hãy nhận đó như một lời thề.



những
thằng trai
«thời đại»

★ LAM-VỸ-HÙNG

HỌ là những thằng trai lứa tuổi vừa mười tám hai mươi. Cái tuổi được người ta «biểu» cho những danh từ thật kêu: «tuổi đang vươn lên», «tuổi đầy nhựa sống», «những người

trai thế hệ», «những thằng trai thời đại» v.v... Nhưng than ôi! họ lại là những thằng trai được khóc ba tiếng chào đời giữa những người nhà quê suốt đời lam lũ với mảnh vườn cà, ruộng

lúa, nướng khoai, với đôi bò, chiếc cày... Với những người chắt phác, an phận ấy, làm gì có thời giờ nhàn rỗi, làm sao có những tư-tưởng của thời đại mới đề gọi họ bằng những danh-từ sống động ấy? — Vâng, đó là những danh từ của các cậu học-sinh ở tỉnh thành đã tự xưng với nhau như thế. Tuy phải sinh ra ở những miền quê hẻo lánh xa xôi, nhưng được may mắn nhà khá giả hoặc đủ ăn, cha mẹ họ cho họ lên thành thị theo đòi bút nghiên.

Lúc mới ra thị thành họ đều sợ sệt, e-lệ khôn khác nào các cô dâu mới về nhà chồng. Cái gì đối với họ cũng mới lạ, tân-thời, cái gì cũng làm cho họ chóa mắt cả. Trái lại ngày nay với những năm hấp thụ được những « cái tân tiến của lớp người thời đại », họ không còn như những con chim non mới lia cánh mẹ nữa. Họ đều là « những thằng trai thời đại » đúng với danh từ của nó. Quần áo cũng như cách xã giao hàng ngày của họ đều theo nhịp tân tiến của lớp người thời đại. Lúc đầu họ sợ những hạng người như họ lắm. Nhưng thời gian đã giáo dục họ, họ cảm

thấy thích thú và hợp với tính khí ngang tàng của tuổi trẻ. Cao bồi miền Texas trên màn ảnh. Chăm học mà làm gì khi những câu đạo đức quá khô khan và nhạt nhèo với lối giáo dục theo họ không chút kinh nghiệm của mấy ông thầy còn đang tuổi xuân-tình (23-24). Lối giáo dục họ đọc được trong sách thì mềm dẻo, kiên nhẫn, dịu ngọt, còn lối giáo dục của mấy ông thầy này (thiều số) thì khác: chỉ bảo học sinh không được thì đâm ra chưởi bới, mắng nhiếc thậm tệ trước mặt các cô nữ-sinh, hơn nữa còn đuổi không cho học. Nhưng các thầy đuổi họ nào cha mẹ có biết con mình bị đuổi, cứ đinh ninh rằng con mình chăm chỉ và hàng tháng gửi đủ số tiền chu cấp cho con. Thế là họ tìm trường khác xin học. Nếu bị đuổi họ sẽ đi trường khác nữa. Mặc dầu họ không lĩnh hội về học vấn là bao nhiêu, nhưng mỗi tháng đóng đủ tiền học phí là được.

Đàng khác các bạn bè xấu rủ rỉ bên tai với những lối sống đua đòi theo đợt sống mới, theo thuyết hiện sinh của J. P. Sartre... Với lớp người thời đại, trai đã vậy, gái đâu có chịu thua. Ai

ngăn cản họ khi đi học, khi giao thiệp với nhau. Phần đông cha mẹ đâu có hay biết gì. Thế là họ tự do được gặp gỡ, tự do giao-thiệp, tự do ăn nói, với bao nhiêu thứ tự do... tự do và tự do... các phương tiện sẵn có tha hồ vui hưởng: khát có tiệm giải khát, vui đùa, xây mộng tương lai... có bờ biển, núi đồi, nhà trọ, giải trí có xi-nê, tiếu thuyết, đánh nhau có phe đảng. Với những gương sống động thực tế có các minh tinh, tài tử danh tiếng. Những cuộc tình duyên sôi nổi, thơ mộng của các danh-nhân, những vụ ly-dị của thế giới kịch ảnh. Trai gái học chung, quen nhau, gặp nhau hàng ngày, hẹn nhau. Thế rồi những chiều nghỉ học họ đưa nhau tìm nơi thanh vắng để « tìm hiểu » nhau, thỏ lộ tâm tình với nhau.

Một khi chưa chinh phục được nhau, thì họ ao ước, theo đuổi. Đến lúc đã hoàn toàn thuộc về mình thì hiểu nhau, biết tính xấu của nhau đâm ra chán ghét, tìm cách tránh nhau.

Con người ai không có tật xấu « nhân vô thập toàn ». Người ta nói khi thấy đôi trai gái ngồi bên nhau im lặng hàng giờ trong các quán giải khát, trong rạp ciné là họ đã quen nhau lâu rồi, họ đã bắt đầu chán nhau rồi đấy. Phải, họ đã tìm thấy những lỗi lầm, những tính tình, đòi sống không hợp nhau. Họ đã

nói với nhau quá nhiều rồi, giờ đây không còn gì phải nói nữa. Họ im lặng đề theo đuổi ý tưởng, lý luận của mỗi người.

Những vụ tự tử vì bị phụ bạc của các cô gái bạc phước đối với những thằng trai thời đại cũng có thương tiếc một phần nào. Nhưng phần khác họ cũng không tiếc gì mấy. Vì họ có những lý luận của họ. Họ nghĩ những cô khác sẽ nghe được những sở trường chinh phục của họ do những cô đã vướng phải bầy tình yêu thỏ thẻ nói lại.

Nhưng cũng có nhiều lúc ngồi một mình hay nằm đêm suy nghĩ các hành động của mình, họ đâm ra hối hận và chán ngán vì sau những phút vui đùa chỉ còn lại những cái ê-chề, ăn năn. Nhưng rồi cũng như nước chảy đầu vịt, những ý nghĩ đó là những ngọn gió thổi qua trong một chiếc lát thời đề rồi sẽ tan biến ngay. Họ sẽ thay thế vào đó những ý nghĩ, những in-ư mô sẽ tiếp diễn ngày hôm sau. Trong đầu óc họ là một thế-giới máy móc, một thế giới hỗn loạn, đầy những chông chất chán ngán, bất mãn. Khi một tà áo hồng thoáng qua, trí óc họ đầy những ý tưởng ngông cuồng, đôi khi liều-lĩnh.

Nhưng trái lại, về nhà dưới con mắt nghiêm khắc của song thân, họ lại là những con cừ non, hiền lành ngoan!



TAO ĐÀN BẠCH-NGA

★ **NGUYỄN-THU-MINH**
và **TRẦN - TUẤN - KIẾT**

THẢO LUẬN 1

CHỦ NHẬT 15-4-63

DỰ THẢO : *Phương-Đài, Trần-tuấn-Kiệt, Nguyễn-Thu-Minh; Lâm-vị-Thủy, Nguyễn-Vỹ.*

SAU nhiều lần trao đổi những nhận xét khách quan về tình trạng rất hỗn loạn của thi-ca Việt-Nam hiện tại, tất cả chúng tôi đều đồng ý phải có một lập trường, một tiêu chuẩn vững chắc về thơ. Sự đòi chiều các quan điểm của chúng tôi, một số nhà thơ của thế hệ trẻ, đã đưa đến một quyết định chung : tham gia vào công cuộc xây dựng của Tao-đàn Bạch-Nga. Thi phẩm *Hoang-Vu* của Nguyễn-Vỹ ra đời vào tháng 11, 1962, làm tiêu chuẩn cho trường thơ Bạch-Nga. Khởi điểm từ thời tiền chiến, liên tục tới ngày nay trên một căn bản càng ngày càng vững chãi, phổ quát, với một xu hướng càng thích hợp, và những khả năng sáng tạo trên

một lĩnh vực rộng rãi mà thơ Bạch-Nga đã đạt tới. Chúng tôi đã tìm nơi đây một lối thoát cho thơ Việt - Nam hiện đại.

Trước khi ấn hành bản Tuyên - ngôn của Tao - đàn Bạch-Nga trong mùa thu tới, chúng tôi xin mượn tạp chí *Phổ-Thông* để ghi lại đại-cương những cuộc thảo luận của nhóm chúng tôi, để hầu làm tài-liệu.

Trên quan điểm của Tao-đàn Bạch-Nga, chúng tôi cũng sẽ lần lượt thảo luận về tất cả các loại thơ hiện nay, về tính-chất thi-ca của thế-hệ mới, dưới mọi khía cạnh.

Và chúng tôi chỉ thảo luận thân mật riêng trong nhóm Tao-đàn Bạch-Nga mà thôi. Vừa để tìm hiểu thơ Bạch-Nga, vừa để đặt cho chúng tôi một trật tự giữa mọi khuynh-hướng.

Mở đầu cuộc thảo luận hôm nay chị Phương-Đài đề nghị anh Nguyễn Vỹ cho biết về ý nghĩa của hai chữ « *Bạch-Nga* », nhất là vì sao có danh từ Bạch-Nga dùng tượng trưng cho trường thơ này.

Đây chúng tôi xin ghi chép tóm tắt :

● Nguyễn-Vỹ : Chúng ta thường thấy loài thủy-diều mà tiếng Pháp gọi là « *Le Cygne* » tự điển Tàu chép là Thiên - Nga. Trong tự - điển Đào-Duy-Anh cũng thấy chép là Thiên-Nga theo tự điển Tàu. Nhưng nhóm Nguyễn-Vỹ — Trương-Từ ở Hà-nội năm 1936 không chịu ý nghĩa và danh từ đó.

Lý do : — người Tàu gọi Thiên Nga (loài Ngỗng Trời) cốt ý để phân biệt với con NGA cùng một loại, mà người Pháp gọi là « *L'oisie* ». Nhưng con Ngỗng cũng bay được như con Ngỗng Trời, thì gọi riêng con *Cygne* là Thiên Nga sao được, danh từ ấy tất nhiên là ép gượng và không xác nghĩa.

Và lại, trong lúc Trương Từ và Nguyễn - Vỹ muốn mượn con *Cygne* làm tượng trưng cho lời thơ mới của mình thì hai chữ *Thiên-Nga* lại càng không thích hợp.

Vì thế khi Nguyễn Vỹ đưa ra danh từ *Bạch-Nga*, thì Trương Từ tán thành ngay. Chữ *Nga* chỉ chung tất cả các loại Ngỗng, có Ngỗng trắng, đen,

xám, Ngỗng Bắc Âu, Ấn-độ, Bắc Mỹ v.v... Riêng danh từ *Bạch Nga* chỉ con *Cygne*, toàn trắng, để phân biệt với con *Hắc Nga* (*Cygne noir*), lông toàn đen. Đó là ngữ - nguyên hai chữ *Bạch Nga*.

Về ý nghĩa văn - nghệ, thi ca, theo người Latin và Hy Lạp thời thượng-cổ, con *Bạch Nga* là tượng trưng cho *Thơ và Nhạc thuần túy, tinh-khiết, uyển chuyển, đầy diễm lệ*.

Pindare, thi sĩ trữ-tình Hy Lạp, 521—441 trước J.C, nổi danh về cách dụng - ngữ táo bạo, và lời thơ ngân lên nhạc điệu mới lạ thời bấy giờ, ý thơ thanh cao, thuần túy, đã được gọi là con *Bạch Nga ở Dircé*. (Le *Cygne de Dircé*) Virgile, thi sĩ La-tinh, 71—19 trước J.C. mà trải qua bao nhiêu thế kỷ người ta còn thương thức say mê lời thơ ca ngợi thiên-nhiên, cảm thông với vũ trụ, câu thơ tinh vi, lời thơ sáng suốt, ý thơ mông mênh, nhạc thơ du-dương êm ái, đã được gọi là con *Bạch Nga của xứ Mantoue*. Fénelon, nhà văn của Pháp, giữa thế kỷ 17, đầu thế kỷ 18, (1651—1715) không bao giờ làm thơ,

nhưng câu văn đầy cảm khái, êm-đẹp, trong suốt, ý văn dồi dào, tư-tưởng thuần túy, vượt qua thời đại của ông và đã dọn trước con đường cho thế kỷ 18 với lời văn bóng bẩy, mà mạnh-mẽ, tiên-bộ. Người ta cũng gọi Fénelon là con *Bạch Nga của xứ Cambrai*.

Nói chung, trong văn nghệ, *Bạch-Nga tượng trưng cho Thi-Văn-Nhạc thuần túy, tinh khiết như màu trắng của nó, uyển-chuyển như dáng điệu của nó*.

Đêm Trung-Thu năm Bính-Tý (30-9-1936) trên một gát trọ nhỏ hẹp ở Khâm-Thiên, ngoại ô Hà-nội, nhóm Nguyễn Vỹ — Trương Tửu, và sau có thêm vào Mộng Sơn, đã thành lập *tao-đàn Bạch Nga*, lấy con *Bạch Nga* làm tượng trưng cho một trường thơ có tính chất và nghệ thuật khác với lời thơ đang thịnh hành lúc bấy giờ. Đây là 2 đặc điểm của *Thơ Bạch-Nga*.

1. — *Thơ Bạch-Nga* là *thơ thuần túy* (poésie pure) không nhất thiết « vị nghệ thuật », « vị nhân sinh » hay « vị » một yêu tố nào khác, có tính chất giả tạo.

Thuần - túy là chuộng sự tự-nhiên cảm xúc mà phát xuất, từ tâm hồn thi nhân, như giòng suối trong vắt, từ nguồn chảy ra, mạch nguồn tinh khiết. Từ những tình cảm thiết tha, thâm kín trong nội tâm, chuyển qua các phù trầm của số kiếp con người, của toàn thể nhân - loại và vươn lên thanh cao huyền-bí của vũ - trụ. *Thơ Bạch Nga* không đặc biệt chú-ý đến Duy Tâm hay Duy Vật, không xu-hướng sáng-tác theo một loại riêng nào, trữ - tình hay hùng tráng, hoặc Siêu-Thực, Tượng Trưng hay Siêu hình .. *Thơ Bạch Nga*, phản - ảnh những suy-tư và những cảm-xúc khắp các chân trời, từ thực-tê nhân sinh, đến hiện-tượng-giới khơi rộng tâm - thức con người, mang theo định-mệnh, tiền-tội viễn-tượng sâu thẳm của *Thơ*, một hồn thơ, một chất thơ, vi tinh thể của thơ, song-song với sự hướng thượng của loài người, và vô cùng vô biên của Vũ-trụ.

Hiện tượng của *Thơ Bạch Nga*, có thể là từ một giọt sương rơi trên một vì sao chêt, từ tiếng sáo vi vu trong đêm

khuya đèn tiêng kinh động không khiêu của ác - mộng nguyên tử. Từ con người của con người, qua con người của xã-hội, đến con người của vũ-trụ, và con người đối diện với hư vô, con người bắt được mép bờ chênh - vênh của vô cùng vô tận.

Thơ Bạch-Nga là mây, là gió, là ánh-sáng và bóng tối mọi nơi, là tiếng rên rỉ đau xót của muôn loài, là nhịp thở hối hộp phập phồng của trần gian, là *Thơ* của Người hòa-hợp với *Thơ* của Thượng-đê. Tất cả trên đây là đặc-diểm thứ nhất của *Thơ Bạch-Nga*.

2. — *Nhạc điệu trong Thơ Bạch-Nga*.

Có những tiết điệu còn rung mãi trong lòng đời. *Thơ do rung cảm mà có, vì rung cảm mà còn*, nên trong *thơ tự nhiên* có nhạc-tính. Nên chú ý nhạc tính của *Thơ*, cũng như trong nhạc có *thơ* vậy. *Thơ* còn tạo ra nhạc ngữ, *thơ* hòa với nhạc, như mây bay gió đẩy. Văng vẳng âm thanh của trời đất giao hòa. Hai diểm trên đây là hai yếu-tố chính của *Thơ Bạch-Nga*.

Lâm-vị-Thủy : — Nếu tôi không lầm thì điểm một là tiêu chuẩn, xu hướng của thơ Bạch-Nga. Điểm hai là hình thức của nó...

Nguyễn-Vỹ : Đúng thế, nhưng đây chỉ là tóm tắt đại cương, một dịp khác chúng ta sẽ phân tách các chi tiết từ nội dung đến hình thức, để xác nhận tiêu chuẩn của thơ Bạch-Nga...

Nguyễn-Thu-Minh : — Về lịch sử phong-trào thơ Bạch-

Nga ?

Nguyễn-Vỹ : — Cũng đề một dịp khác, nay đã tối rồi.

Trần-tuần-Kiệt ngâm một bài thơ của Minh-Đức (Paris) một bài của Thanh Nhung (Tokyo) và một bài của Đào-Thanh-Khiết (Manille). Toàn thể Tao-đàn trao đổi nhận xét sôi nổi về ba nữ sĩ và thi-sĩ này trong Tao-đàn Bạch-Nga ở Hải-ngoại.

Bê-mạc : 7 giờ tối.



THẢO LUẬN 2

CHỦ NHẬT 5-5-63

DỰ-THẢO : *Phương-Đài, Trần-tuần-Kiệt, Nguyễn-Thu-Minh, Lâm-vị-Thủy, Trần-thanh-Đạm, Nguyễn-Vỹ*



Chủ tọa : Muốn cuộc thảo-luận có trật tự, toàn thể anh chị em Tao-đàn đồng ý nên cử một chủ-tọa. Anh Nguyễn-Vỹ đề-nghị chị Phương-Đài. Toàn-thể đồng-ý chị Phương-Đài chủ-tọa, và đề-nghị phê bình vài tập Thơ mới xuất bản. Trần-tuần-Kiệt lấy quyền « Mưa Nguồn » của Bùi-Giáng ra ngâm vài ba bài

mà Sa-giang cho là hay nhất. Trao đổi nhận xét về khuynh hướng Siêu-hình của thơ Bùi-Giáng.

Trần-tuần-Kiệt : Muốn tìm hiểu thơ Bùi-Giáng, chúng ta phải cần đọc lại tập thơ *Lửa Thiêng* của Huy Cận, tập *Gởi Hương Cho gió* của Xuân-Điệu, đạt được triết học Trục Giác và Siêu hình từ Hình Nhi Thượng của Không-Giáo, Lão Trang, hay Phật, ta còn tìm đọc qua các tác phẩm của Gérard de Nerval, của thần-thoại Hy-lạp và cả một chân trời bát ngát của triết học Đức, trở lại với Nguyễn Du khoảng ngoài trong tư-tưởng siêu hình vân... vân... thời tập thơ Mưa Nguồn mới được.. cảm thông..

Lâm-Vị-Thủy : đồng ý đôi bài thật hay lạ, nhưng rất tiếc có nhiều bài khó hiểu.

— Tiếp đến phê bình vài bài thơ trong những thi tập mới xuất bản.

5 giờ, Lâm-vị-Thủy yêu cầu anh Nguyễn-Vỹ tiếp tục trình bày về tiêu-chuẩn và hình thức của thơ Bạch-Nga.

Nguyễn-Vỹ : Về xu hướng của thơ Bạch-Nga, chúng ta

nên trở lại thời tiền chiến, nhất là khoảng 1932 — 1937 bấy giờ hai phong trào « Thơ cũ » và « Thơ mới » đang xôn-xao... Có điều tôi sẽ nói sau, trong một dịp khác, là đồng thời ở Nhật-Bản và ở Indonesia cũng đã nảy ra phong trào « Thơ Mới » tương tự như ở Việt-Nam và cũng là do ảnh hưởng của thơ Tây-Phương. Ở Indonesia. Thơ mới mệnh danh là « Thế hệ 1925 » chịu ảnh hưởng của thi ca Hollandia. Thơ Mới của Nhật gọi là *Tenshi* thì bắt nguồn ở thơ Anh và thơ Đức. Riêng ở Việt-Nam các thi-sĩ làm « Thơ Mới » hồi tiền chiến đều ở lớp thanh niên trí thức đã được đào tạo khá đầy đủ nơi học đường Pháp. Họ được thấm nhuần nhiều nhất thi ca lãng mạn và trữ tình Pháp của thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, từ André Chénier, La martine, Musset đến Verlaine, Rimbaud, Baudelaire. Ảnh hưởng của Paul Fort, Eluard, Aragon, chưa có mây, hay là có thể nói, chưa có gì.

Vì thế hầu hết các loại « Thơ Mới » Việt-Nam thời

tiền chiến, nói đúng là trong khoảng 1932-1937, đều có tính chất trữ tình và lãng mạn như tôi vừa mới nói. Đồng thời, *Thơ Cổ*, vẫn còn được thịnh hành với chất cổ điển theo truyền thống của nó.

Hai phong trào cũ mới đi song-song với nhau, mỗi bên theo khuynh hướng tự-nhiên của mình, chứ thật ra không có sự chông đỗi nào-nhiệt như ở Pháp giữa Thê-kỳ XIX, hay gây-gắt như ở Indonesia đầu Thê-kỳ XX. Giữa lúc đó, năm 1936, lần đầu tiên người ta nói đến *Thơ Mới*, làm xôn-xao cả lớp *Thơ Mới*, lần thê-hệ *Thơ Cổ*. Bởi cái bản chất của *Thơ Bạch-Nga* là thuần-túy cho nên nó không chia rẽ Đông Tây, không phân biệt *Mới*, *Cũ*, không đeo một chiếc bài riêng biệt của bè phái nào, về hình thức cũng như tinh-thần mà nó chủ trương và bảo-vệ. *Thơ Bạch-Nga* đưa ra ý-thức-hệ về sự trường tồn vĩnh-viễn của *Thơ*. Trong thi-ca người ta thường hay phân-loại, theo thời gian tính, đặt trong khoảng không gian nào đó.

Thơ không phải như thế. Có những hồn thơ cách nhau ngàn năm vẫn gặp gỡ nhau, nói chung một tiếng thơ. Chẳng hạn một bài thơ dâm tình của *Sapho*, nữ thi-sĩ Hy-lạp 3.000 năm trước J.C. và một bài thơ lãng-mạn, tả chân, siêu thực của *Hồ-Xuân-Hương* ở Việt-Nam. 1800 năm sau J.C. vẫn cùng chung một cảm hứng. Một vài ý thơ của Paul Eluard đã có trong Nguyễn Du, của nữ-sĩ Phù tang Yosano Akiko đã có trong nhà thơ Ba-tư Omar Khayyam, của *Hàn Mặc-Tử* trong Dante, trong Edgar-Poe, trong Baudelaire, của Charles d'Orléans trong Lý-Thái-Bạch v.v..

Bởi *Thơ* có tính-chất vĩnh-viễn, và thuần túy, trong như ngọc thạch, sáng như sao, dù đau thương, dù vui, buồn, oán, giận cũng bộc lên một sự thành-thật cảm hứng, nên tạo đàn *Bạch-Nga* chủ trương *thơ* không có tính cách nương theo thời-đại, thời gian uyên-náo, phù phiếm, hoặc với thời thê mà biến chuyển. *Thơ* không là cái áo mặc của con người thê hệ hôm nay hay ngày mai, mà là tiếng nói

tinh khiết của con người trong xã hội nhân gian, con người trước thiên nhiên của sự vật. Khoảng 1932-1937, một số đông thi-sĩ Việt-Nam đua nhau làm *thơ Trữ tình* (poésie lyrique), một vài thi sĩ tách ra làm *thơ tượng-trưng* (poésie symbolique) một thi sĩ khác thí nghiệm *thơ hùng-tráng* (poésie épique). Tất cả đều chịu ảnh hưởng nhiều hay ít của *thơ Tây phương*.

Thơ Bạch-Nga cũng không tránh được ảnh hưởng tự-nhiên ấy, nhưng vẫn chủ trương *thơ thuần túy, không hòa mình vào cuộc tiến triển của các môn phái quav cuồng trong khuôn khổ giả tạo mà chính họ tự bao vây họ cho đến lúc cùng cạn, không lối thoát, mất cả cảm hứng.*

Trần-Tuấn-Kiệt : Xin nói rõ về hình thức *thơ Bạch-Nga* khác với loại *thơ* kia.

Nguyễn-Vỹ : cũng như về xu hướng *thơ Bạch-Nga* phủ-nhận quan-niệm thời-gian và phân loại. Về hình-thức *Thơ Bạch-Nga* cũng không phân-biệt *Thơ cũ* *Thơ mới*. Nó bắt nguồn từ hai chữ rộng ra đến

12 chữ, và lần đầu tiên nó áp-dụng lối gieo vần mới như *thơ Tây phương*, và còn đời dào hơn. Về điểm sau này rất quan-trọng, chúng ta phải dành một buổi thảo-luận riêng.

Trần-Thanh-Đạm : Anh cho một hai thí dụ trong thi phẩm *Hoàng-Vu* cho rõ thêm.

Nguyễn-Vỹ : Tôi xin đưa ra vài bài, chẳng hạn như *Tiếng sáo đêm khuya, Đêm giao thừa tẩm biên, Cảm ơn ngài, Gửi Trương Tửu v.v...*

Phương-Đài : *Thơ* như thế, về hình thức được dồi dào khoáng đạt, rộng rãi lắm. Nó gây được phân khởi cho các nhà *Thơ* hiện tại và sắp tới của thê-hệ trẻ.

Nguyễn-Vỹ : « *Thơ Mới* » thời tiền chiến như của *Thê Lữ, Xuân Diệu, Hàn-Mặc-Tử v.v...* được thịnh hành nhất chỉ có lời 8 CHỮ mà thôi, cho nên lời gieo vần cũng bị tù-túng, không thể phóng đạt được.

Trần Tuấn Kiệt : Bàn đến *thơ Xuân Diệu*, ta phải bàn trên một bình diện khác hơn loại *thơ Bạch-Nga*, chúng ta sẽ đề cập đến sau.

Trở lại thơ Bạch-Nga, chúng ta khó tìm trong ngôn-ngữ của thi ca, nhạc-điệu và tính chất đặc-biệt như bài *sương rơi*, với lời thơ 2 chữ. Những giọt sương cứ rơi-rớt nhạt-thưa, trảm-trảm, hiu-hắt, như những giọt nước mắt đau thương của lòng người cô phụ... hay.. của trời buồn gieo giữa tim người. Nhưng về thơ 12 chữ, riêng tôi thấy có vẻ nặng-nề một chút.

Nguyễn-Vỹ : Chúng ta sẽ tiếp-tục thảo luận về các thể thơ Bạch-Nga từ 2 đến 12 chữ trong một cuộc thảo luận sau, mới có thì giờ thảo triết vấn-đề.

Trước khi bề mặt, Trần-Tuân-Kiệt ngâm một bài thơ vừa sáng-tác, bài « *Huyền-Diệu* » trong tập thơ sắp xuất-bản, xin trích ra đây :

*Em hát trong rừng sao
Tôi ngủ dưới cội đào
Chợt mùa đông tuyết phủ
Biết tìm em phương nào !*

Tiếp theo đó ngâm mấy bài của Phương-Đài và Trần-thanh-Đạm. Cuộc trao đổi nhận xét về ba bài thơ rất hào

hứng trong vòng thân mật, kéo dài mãi đến 8 giờ.

Kỳ sau :

Thảo-luận 3 và 4 :

Tuệ-Mai, Công-tôn-nữ Hỷ-Khương, Thu-Nhi, Phương-Đài, Lâm-vị-Thủy, Trần-thanh-Đạm, Trần-Tuân-Kiệt, Nguyễn-Thu-Minh, Nguyễn-Vỹ:

*** Về hình-thức và niêm luật của Thơ Bạch-Nga.**

Ghi chép : Nguyễn-Thu-Minh và Trần-Tuân-Kiệt



— *Mày học-hành như thế hả ?
Đồ mất đây, im cái miệng đi,
không tao tát cho mấy cái bậy
giờ !*

chim lồng



T H U - N H I (Phan - thiết)

(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)

* *Com chim đẹp nhìn trời cao thăm thăm.*

Mây rán hồng chiều lạng-lẽ buông trôi

Rồi vỗ-cánh định bay về tổ ấm

Tim bày con bé bỏng chốn xa-xôi.

* *Nhưng ác nghiệt ! Chiếc lồng son đỏ thăm*

Giam cánh, chân đề mẩu-tử chia-phôi

Chim nhảy-nhót kêu-gào tha-thiết lắm :

« Thả tôi về ! Tôi nuôi dưỡng con tôi ! »

* *Nhưng... chỉ nghe gió vọng từ xa vắng*

Như đáp lời : « Chim phải sống đơn-côi

Đừng trông mong những chiều tà nhạt nắng

Tha mời về âu-yếm mớm trên môi ».

* *Chim vật-vã... lồng xót-xa... lo-lắng..*

Mặt lã dần bên mấy hạt cơm ôi

Tiếng rên-rỉ vẫn cần nghe vắng-vắng :

* *« Thả tôi về ! tôi ấp-ô con tôi ! ».*

còn gì cho nhau

L Â M - V I - T H ù Y

(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)

★

Trời mưa làm buồn khu phố nhỏ

★

Tàu sẽ xuôi hay ngược chiều nay

★

Còi xa bật khóc lên rồi đó

★

Em về đi, mình xa nhau đây.

★

Những ngón tay gầy thừa kỷ niệm

★

Anh cho em cho quê hương này

★

Nửa đời anh đẩy anh tìm kiếm

★

Ôi nghìn thu nào chưa mây bay.

★

Anh nghĩ hồn anh là bọt bèo

★

Vấn đơn côi và mãi mang sầu

★

Lần xưa đã lỗi lầm như thế

★

Em có bao giờ em biết đâu...



bây - giờ

NGUYỄN - THU - MINH

(Trong Tao-dàn Bạch-Nga)

★

Em là gái Châu Âu

★

Anh là trai Châu Á

★

Tuy mặt ngoài còn lạ

★

Trong đã hiểu thăm nhau

★

Qua tình thương nghĩa sống

★

Qua sóng lúa mênh-mông

★

Thì em ơi chớ ngại

★

Gì đâu mà không lại

★

Nắm tay nhau giao hòa

★

Chúng ta cùng nhìn ra

Đồng cỏ cao giọng hát

Ôi, bài ca hoan lạc

Ăn niềm vui bát ngát

Đẹp tựa ánh bình minh

Người người vui thái-bình

Chào mừng kỷ-nguyên-mới

Khoa-học đang tiến tới

Bảo-vệ cho con-người

Sống trong cảnh vui tươi

Dựng xây trên công-lý

Đầy đủ Chân, Thiện, Mỹ.

●
Em là gái Châu Âu

Anh là trai Châu Á

Từ nay hết xa lạ

Nắm tay nhau giao hòa

Dưới bầu trời đầy hoa !

Mình ơi! Mình ơi!
Mình ơi! Mình ơi!
Mình ơi! Mình ơi!
Mình ơi! Mình ơi!

Thần đồng

Là
Si!

— **CON** nít mà đã tài giỏi hơn người lớn, 4, 5 tuổi mà làm thơ đã hay, đánh đàn đã giỏi, sao gọi là **Thần-đồng**, hả **Mình**? **Thần-đồng** nghĩa thật là gì?

— **Thần đồng**, là ông thần bằng đồng.

— **Thôi**, tui khỏi chơi với bồ đi bồ! Tui hỏi thật mà bồ cứ ngạo tui hoài!

Ông **Tú** tủm-tủm cười, nắm trên võng, đưa qua đưa lại. Bà **Tú** ngồi ghé gần đấy, tay cầm tờ báo nhưng không đọc. Bà cũng cười, hỏi tiếp:

— **Mình** không giảng cho em nghe, phải hôn? Em không chịu **Thần-đồng** là ông thần bằng đồng đâu. **Mình** giảng nghĩa khác cơ.

— **Thần** là thần, **đồng** là nhi-đồng. **Kẻ** nhi-đồng mà đã có thiên tài xuất phát quá

sớm và siêu việt tài giỏi như **Thần**.

— **Mình** giảng cho em về một cái gì thì **Mình** phải cho vài ba thí-dụ chớ bộ.

— Thí dụ như **Blaise Pascal** nhà đại học-giả Pháp, (thế kỷ XVII) hồi 11 tuổi đã viết một quyển sách khoa-học nghiên cứu về âm-thanh « **Traité des sons** » và 12 tuổi đã tự tìm ra một mình lời giải đáp câu thứ 32 trong quyển **Toán I** của **Euclide**.

Nhà Đại-triết-học Anh **John Stuart Mill** (Thế kỷ XIX) đã học tiếng Hy-Lạp hồi 3 tuổi và viết sách « **Kinh-tế-học** » hồi 11 tuổi, Nhà sử-gia nổi tiếng của Anh **Macaulay**, đã viết bộ **Lịch-sử** thế-giới hồi 7 tuổi, 10 tuổi, thi sĩ Joseph **Léopardi** đã làm thơ Hy-lạp y như điệu thơ của **Homère**. Nhạc sĩ **Mozart** hồi 4 tuổi đã có ngón dương cầm tuyệt diệu, 8 tuổi đã làm kinh ngạc các nhạc sư lừng danh thế giới. Thi hào Pháp **Victor Hugo**, đã làm thơ hồi 8 tuổi. Thi-sĩ Việt-Nam **Lê quý Đôn** làm thơ Đường luật hồi 9 tuổi. **Mạc-dĩnh-Chi** danh sĩ đời Trần đã đối đáp làu-lầu các điền tích

trong văn sách hồi 10 tuổi, cũng như **Robert Strum** cậu thiếu niên Mỹ, năm 1957, đã đối đáp trôi chảy tất cả những câu hỏi kinh khủng trong mục « **Quitte ou double** » của đài vô-tuyến truyền hình Mỹ, và được thưởng 80 triệu Mỹ-kim. **Robert Strum** hồi 3 tuổi đã đọc được báo **New York Times**, 6 tuổi đã tự học lấy các môn toán **Algèbre**, **trigonométrie** và **calcul intégral**!

— **Trời** ơi, 6 tuổi mà đã học **Algèbre** và **trigonométrie** rồi sao **Mình**? Em, hồi 6 tuổi, mới học đánh vần **bê-u-bu sắc bứ**, **vê-u-vu sắc vứ**.

— Vậy người ta mới là thần đồng.

Bà **Tú** cười:

— Còn em là thần đất-sét phải không, **Mình**?

— Em chưa đến nổi đất-sét đâu! 18 tuổi em đậu **Trung-học** đệ nhất cấp, thì cũng được vào hạng **Thần-chi**! Còn hơn anh hồi 6 tuổi hãy còn ở trường và đi bắt chường chường trên bờ suối, đã biết chữ a chữ b gì đâu. Anh thuộc về hạng **Thần** lợ-nghe ở đất nổi.

— **Thôi** đi, **Mình** làm bộ hoài.

Sao em nghe người ta nói hồi 8 tuổi mình đã làm thơ?

— Thơ « con cóc trong hang con cóc nhảy ra » thì cần gì đợi đến 8 tuổi mới làm được. Đầu được như cô bé **Gedrun Jacobsson**, người **Suède** (Thụy điển) 10 tuổi đã làm Thơ hay. Đó mới là thần đồng.

— Thí dụ? Mình có nhớ một bài nào của cô ấy không?

— Thí dụ, bài « cái bê »:
*Bê như con rắn vĩ đại
 Đẻ trứng Sao trên bãi cát trắng tinh,
 Kia một bê Sao long lanh
 Xuất hiện từ lòng đại dương
 muôn thuở!*

Em hiểu không?

— Thơ người lớn mà như thế thì em cho là cùi, nhưng con gái 10 tuổi mà viết ra được mấy câu thơ đó kìa cũng đáng là Thần đồng.

— Đây là anh không kể cô bé **Minou Drouet** của Pháp, hồi 8 tuổi cũng có xuất bản một tập Thơ, nhưng đây còn là một nghi vấn, người ta nghi cho mẹ cô là tác giả. Nhưng kể về Thơ và âm nhạc, hay hội-họa, tìm ra thần-dồng không phải là hiếm. Ở nước nào cũng có nhiều hay

ít các đứa trẻ hiện-tượng ấy (enfants-phénomènes).

*...Pour les âmes bien nées,
 La valeur n'attend pas le nombre
 des années.*

Hai câu thơ ấy trong *le Cid* nhiều người đã biết rồi. Nhưng về môn Toán và Khoa-học, là những môn học rất khó cho cả người lớn, thế mà có những đứa trẻ nít phi-thường đã thông hiểu Toán từ hồi miệng còn thơm mùi sữa mẹ. Chúng ta đã nhắc đến **Blaise Pascal**, nhưng còn chuyện chú bé Ấn-Độ, **Srini Ramanujan**, mới thật là độc đáo. Chuyện này mới nói ra không ai tin, nhưng sự thật ngày nay các nhà thông thái trên Thế-giới, các vị Bác-học trứ danh, đều phải công nhận Srini Ramanujan quả thật là một vị Thần-dồng độc nhất vô-nhị của Thế-kỷ XX.

— Mình kể cho em nghe chuyện Srini... Srana gì đó đi.

— **Srini Ramanujan** là một đứa bé nhà nghèo, đến 14 tuổi mà chưa được đi học, chưa biết chữ A chữ B. Một hôm ngẫu-nhiên nó nhặt được trên một hè phố ở Calcutta một quyển sách của ai đánh rơi. Đó là quyển

«**Mathematics Formulary for Engineers**» một tập công-thức toán, để cho các kỹ-sư dùng. Nó đem về nhà, một mình ngồi lặn mò tự học được tiếng Anh qua các trang sách kia, và 4 năm sau, khi Srini được 18 tuổi, cậu ta hiểu hết cả những công thức toán trong sách. Do đó, Srini tự tìm ra các công thức khác về Toán đại-học và trở thành một khối-óc phi thường về Toán. Giáo-sư Hardy đã chứng nhận rõ-ràng điều đó và nói quả quyết rằng nếu Srini **Ramanujan** đừng chết sớm thì anh ta sẽ không kém **Einstein**. Rất tiếc Vị Thần-dồng Ấn-độ bị chết yểu trong lúc thiên-tài đang nảy nở...

— Ủng quá, Mình nhỉ

— Hiện nay còn nhiều Thần-dồng về Toán và khoa-học, nhất là ở Âu-Mỹ.

— Mình kể hết ra đi.

— Ở Barking, gần London, có cô **Henriette Rhodes**, con một nhà kỹ-nghệ lớn của Anh quốc, mới 12 tuổi đã giỏi Toán hơn cả các Giáo-sư Toán đại-học. Ở Đại-học Harvard của Mỹ có cậu **FRED SAFIER**, mới có 12 tuổi, đã làm Giáo-sư Hóa-học

dạy cho các sinh viên hầu hết là trên 22 tuổi! Hiện giờ, chính phủ Mỹ đang đề cho Fred Safier nghiên cứu về Nguyên-tử-học, đề cậu sẽ trở thành một nhà bác học Nguyên-tử tài giỏi nhất trên thế giới. Nga cũng có một Thần-dồng, **NORBERT WIENER**, 11 tuổi vào Đại-học, 14 tuổi đậu cử-nhan, 18 tuổi đậu tiến-sĩ Khoa-học. Cậu đã chế tạo ra cái máy tự-động dịch Anh-ngữ ra Nga-ngữ.

Về môn cờ tướng cũng có Thần-dồng. Nhà vô-địch cờ tướng của Nga là **SOUVOROV** vừa rồi đã phải chịu thua một cậu bé 5 tuổi, **ERNEST KIM**, ở tỉnh Tachkent. Hai người cầm-cự với nhau liên-tiếp 25 ván đều huê. Đến ván thứ 26, Souvorov thua, đành nhường chức vô-địch cho đứa bé 5 tuổi.

— Mình ơi, khoa-học có thể giảng-giải hiện-tượng Thần-dồng được không?

— Các nhà bác-học đã nghiên cứu đến vấn đề này. Nhà di-truyền học Mỹ, **LUIS TERMAN**, trong quyển *Genetics of Genius (Stanford University)* xuất bản năm 1959, đã đề cập đến vấn đề Thần-dồng một cách rất khoa-học. Ông nhận thấy rằng từ năm 1910

số Thần-đồng xuất hiện càng ngày càng nhiều trên khắp thế giới, cùng một lúc trí óc của loài người cũng phát triển mỗi ngày mỗi mạnh. Ông có mở tại Đại-học Stanford những lớp học đặc biệt cho các trẻ thần-đồng. Kết quả thật là không ngờ: hầu hết các em 13 tuổi đều thi đỗ tú-tài toàn phần.

Một nhà bác-học khác, Bác-sĩ **Sydney Pressey** ở Đại-học Ohio, cũng đang sắp đặt một chương-trình giáo-dục riêng cho các trẻ thần-đồng. Theo ông thì có thể mỗi năm đào tạo ra **300.000** thần-đồng! Ở Anh, *«Thần-đồng học-đường»* ở Mill-field, tỉnh Somersetshire đã khai giảng từ năm 1955. Hiệu-trưởng là ông **J.O. Meyer** đã bắt học trò theo đúng điều-kiện như sau đây: **18** tuổi phải nói được **10** thứ tiếng ngoại-quốc, và đã học hết chương-trình khoa-học đại-học. Ở trường này, mỗi giáo-sư phụ-trách chuyên dạy cho **6** học-sinh.

Tháng **11** năm **1957**, một cậu học trò tên là **John Knee**, **6** tuổi, đến xin nhập học. Trò nói ngay với ông hiệu-trưởng:

— Khộng còn một trường nào

có thể dạy thêm cho tôi được một môn học nào nữa cả.

Hiện nay **John Knee** đã **12** tuổi, đang nghiên-cứu về Khoa Nguyên-tử-lực.

— Làm sao có những trẻ thần-đồng thông-minh quá sức tưởng tượng thế, hả Minh?

— Năm **1954** tại *Hội-nghị Nguyên-tử-lực ở Genève*, nhà bác-học Anh, **Ernest Rock Carling** đã làm cho cả cử-tọa ngạc nhiên khi ông trình bày một cảnh hoa cầm-nhung trắng, được chiếu phóng-xạ nguyên-tử, bỗng dựng cảnh hoa màu trắng biến thành màu đỏ. Sự biến đổi tế bào ấy gọi *Mutation*. **Carling** kết luận rằng: « người ta có thể hy vọng sự biến cải nguyên-tử trong các tế-bào con-nít sẽ có thể thu hoạch được phần nào một hậu quả kỳ diệu: sự sản-xuất thần-đồng ».

Bà Tú cười:

— Chuyện bên Âu Mỹ có khác. Họ định dùng nguyên tử lực để sản-xuất ra thần-đồng, thành một *«Kỹ-nghệ Thần-đồng»* với mức sản-xuất mỗi năm là **300.000** nhà bác-học tỹ-hon! Thế-kỹ nguyên-tử thật lắm chuyện lạ! Minh nhỉ!

— Ủ. Nhưng thần-đồng nhân tạo làm sao bằng được một Hạng-Thác.. hay một Phù-đồng thiên-vương!

— Hạng-Thác nào hả Minh?

— Em không nhớ chuyện đức Khổng-Tử đi xe chu du nước Tàu, bị một cậu bé ngồi giữa đường, không chịu tránh? Khổng-Tử hỏi, Hạng Thác đáp: « Xe tránh người, chứ người đâu có tránh xe ». Rồi Hạng Thác hỏi nhiều câu, Đức Khổng-Tử bí, trả lời không được, vội vàng đánh xe chạy mất. Ngài phải thốt lên: « Hậu sinh khả úy! Hậu sinh khả úy! »

— Còn Phù-đồng Thiên-vương là ông vua xứ nào? Mấy tuổi?

— Trời ơi! bỏ quên hết Lịch sử Việt-Nam rồi sao, bồ?

— Quên chút chút thôi mà! Bồ nói chuyện ông vua đó cho em nghe đi.

— Đời Hùng Vương thứ 6, nước

ta có giặc Ân đến đánh, quân ta thua chạy hết. Bỗng dựng có cậu bé 3 tuổi đang nằm vồng bú mẹ, tự nhiên nói được, bảo muốn đi đánh giặc. Vua được tin lạ, liền cho đem gươm và ngựa đến. Tức thì chú bé 3 tuổi nhảy vọt lên lưng ngựa, cầm gươm phi ra chiến trường, đánh tan hết giặc. Xong giặc, thần-đồng chiến tranh của xứ An-nam liền cỡi ngựa bay lên trời. Vua Hùng-Vương hoảng-hồn, lập đền thờ Ngài, và phong chức ngài là Phù-đồng Thiên-vương.

— À, chuyện đó em biết rồi. Em có học từ lớp đệ thất. Em cứ tưởng Minh nói chuyện Phù-đồng thiên vương là Vua nước Nhật-bồn chứ.

— Chuyện Việt-nam mà em tưởng chuyện Nhật-bồn?

— Tui đâu phải Thần-đồng, bồ!

★ *Diệu-Huyền*



K.N. số 252 BYT/QCDP/18-10-62



Tuần

DÀN CHUNG
LỊCH SỬ
XÃ HỘI HIỆN ĐẠI

CHÀNG TRAI
NƯỚC VIỆT

1910-
1960

* Nguyễn-Vỹ

(Tiếp theo P.T. 104)

VÀ O khoảng nửa tháng sau lễ Truy-điệu cụ Phan-Chu-Trinh, học trò bàn tán xôn-xao về việc mấy ông Giáo-sư An-Nam bỗng dựng hăng-hái tập ca cải-lương. Thật là một điều mới lạ. Mấy ông Đốc, (Đốc - học, lúc bấy giờ chưa gọi là Giáo - sư) thuộc vào giới thượng lưu trí - thức trong thành - phố, từ trước đến giờ vẫn có một nếp sống trưởng-giá, đêm nào cũng tụ-hội nhau lại đề cờ-bạc, xô tam-hường, hoặc đánh tồ-tôm, tài-bàn, sao bây giờ các ông lại tự nhiên rủ nhau học ca cải-lương? Mỗi đêm bắt đầu vào khoảng 7 giờ người ta thấy quý

ông Đốc tụ-hợp tại nhà một thầy «Trợ - giáo», (ngày nay gọi là Giáo-viên) để học đờn và học hát những bản *Hành-vân, Lưu-thủy, Tứ-đại-oán, Nam-ai, Nam-bình* v.v... của một tuồng cải-lương tựa là *Gia-Long phục-quốc*. Hăng hái nhất trong việc tập hát này là ông Đốc Tr., giáo-sư Lý-Hóa, một ông Giáo có nét mặt nghiêm khắc và được học trò sợ nhất. Thật không có gì buồn cười bằng một ông Giáo - sư dữ-tợn nhất trường, tập đóng vai đứ ở trong tuồng cải-lương, nhưng vẫn mặc đồ Tây sang trọng, đeo cà-vạt, tay cầm cái chổi cau mà hát theo điệu «Khổng-Minh» :

TUẦN CHÀNG TRAI NƯỚC VIỆT

Sáng dậy sớm quét nhà,
Quét nhà, gánh nước, nấu cơm.

Ra cái thân ở mướn,
Phải nghe lời thầy,

Miễn cho người yêu chuộng thì
thôi,

Miễn cho người yêu chuộng thì
thôi...

Mấy tối liên tiếp, Tuần cứ đến nhà thầy Trợ L., đứng thập-thò ngoài cửa để xem ông Đốc Tr. tập đóng vai đứ ở và hát bài cải-lương trên kia. Trò không nhin cười được, liền cười rồ lên và bị ông Đốc Tr. chộ mặt. Sáng hôm sau vào lớp, đến giờ Vật-lý-học, Tuần bị ông Đốc Tr. gọi lên bảng trả bài, trả lời vấp một chữ là bị ông Tr. cho «zéro» liền và đuổi xuống chỗ.

Dần dần một tháng sau, học trò cả trường đều biết rằng theo lệnh Triều-đình và Tòa Khâm-sứ Huế «Tết» mồng 5 tháng 5 âm-lịch năm ấy sẽ bị bãi bỏ và thay thế bằng «Lễ Quốc-Khánh» 2-tháng 5 «An-nam», là ngày Vua Gia-Long đã toàn thắng Tây-Son, lên ngôi Hoàng-đế và sáng-lập ra Triều Nguyễn. Đó là «Lễ Quốc Khánh» đầu tiên của nước «An-Nam» và được cử rất long-trọng

ở hai xứ Trung-Kỳ và Bắc-Kỳ. (Xin nhớ rằng lễ Quốc-Khánh chính thức ở toàn cõi Đông Dương dưới quyền đô-hộ của Pháp là lễ «Chánh-Trung» 14 tháng 7, mà thường dân vẫn gọi là «Cách-tốt ruy-dê»).

Lần đầu tiên nước An-nam được phép tổ chức ngày lễ Quốc-Khánh mồng 2 tháng 5, cũng gọi là ngày lễ «*Gia-Long phục quốc*» và hình như Quan-sứ đã giao phó công việc tổ chức cho các ông Đốc An-nam ở trường, cho nên mấy ông này sốt sắng lo ngày đêm làm sao cho ngày lễ được long trọng đề được quan Sứ khen. Theo chương trình thì có hai cuộc vui lớn nhất trong đêm mồng 1 tháng 5 : học trò rước đèn, và các ông Đốc (giáo sư) cùng các thầy trong tỉnh hát cải lương. Tuồng cải lương do một anh soạn tuồng chuyên môn tên là anh Tám, vừa dàn cảnh vừa điều khiển các diễn viên toàn là mấy ông Đốc và mấy Thầy.

Đúng 7 giờ tối, toàn thể học trò trường Nhà-nước, đều phải tụ hợp đông đủ tại sân Công quán, (nhà hội của các quan An-nam), và được giao cho mỗi

trò một cây đèn « bánh-ú ». Tất cả đều sắp hàng tư trước cổng ngõ ra đại lộ. Đúng 8 giờ đám rước đèn bắt đầu khởi hành. Hai người « lính tập » — ngày nay là lính Bảo an, — thồi kèn, đi trước một toán lính tập 12 người sắp hàng hai, mặc lễ phục kaki trắng, vai mang súng cầm lưỡi lê. Rồi đến học trò cầm đèn. Toàn thể học trò đều được lệnh của ông Địa-réc-tơ phải tham dự đông đủ cuộc rước đèn. Trò Tuấn và một nhóm độ vài ba chục trò, đã định với nhau là lên ở ngoài để coi, nhất định trốn việc cầm đèn. Không dè số đèn còn dư, mà kiểm điểm số học trò thì thiếu. Thấy thế ông Đốc T. chạy đi kiểm lữ học trò lười biếng, lén lút trong đám đông dân chúng. Trò Tuấn núp sau lưng một người đàn ông, bị ông Đốc Tr. trông thấy, nắm tay lôi ra, đánh cho một tát tay, rồi bắt cầm một cây đèn bánh ú và đứng sắp hàng vào đám rước. Tất cả các trò lười biếng trốn tránh đều lần lượt bị chộp mặt hết và cũng bị đánh bạt tay như Tuấn.

Đi tiền-phong đám rước đèn của học trò, trước cả lính kèn, là một trò cầm cây cờ Pháp, lá

cờ thật lớn, mới tinh, ba màu xanh-trắng-đỏ nổi bật lên rực rỡ dưới ánh đèn và ánh đuốc của mấy người lính cận-vệ đi hai bên.

Tuy nói là ngày lễ « Quốc-Khánh An-Nam », nhưng không có cờ An-Nam, (nền vàng, với một rêu xanh-trắng-đỏ ở góc phía trái), mà chỉ có mỗi một lá cờ Pháp rộng lớn bay phất-phới trên hàng đầu đám rước. Dĩ-nhiên hai bên hàng phố của người Việt và người Tàu đều treo cờ Pháp. Đám rước đèn đi từ Công-quán, ngang qua đường phố chính, thẳng xuống Tòa Sứ, cách xa gần một cây số. Có thể nói rằng toàn thể dân-chúng thành-phố, chừng bốn ngàn người (4000), đều có mặt ở đây. Họ đứng chen-chút hai bên đường phố để xem đám rước đèn, trầm-trồ khen-ngợi. Tất cả đều nô-nức hân-hoan, cả học-trò, giáo-sư, trợ-giáo, thầy Thông, thầy Phán, binh lính, cai đội, và dân-chúng, đàn bà, đàn ông, con trai, con gái.

Chỉ có hai người không đi dự cuộc vui công-cộng ấy. Thầy Đồng-sĩ-Bình, thông-phán tòa sứ, người Huế, và ông Đốc Bính, giáo-sư Quốc-văn, người Bắc. Họ không thêm đi.

Nhà ông Đốc Bính ở ngay trước Công-quán, là nơi khởi điểm của tất cả các cuộc vui chơi náo-nhiệt.

Tất cả các nhà cùng một giã, đến vài chục căn đều mở cửa, treo cờ tam-tài, người đứng đông-đảo hân-hoan, xem quang cảnh tung-bùng của dạ-hội « Quốc-Khánh », Tuấn đề ý thấy duy có mỗi căn nhà của ông Đốc Bính là đóng cửa kín mít và không treo cờ. Thầy Phán Đồng-sĩ-Bình thì đêm ấy nằm nhà làm thơ « cách-mạng » và thắp đèn hương trên bàn thờ cụ Phan-chu-Trinh, cúng Cụ. Ngay chiều hôm ấy, ba bốn đứa học trò rủ Tuấn đến thăm thầy. Thầy bảo, với nét mặt hăm-hăm giận-dữ:

— Vua Gia-Long là một kẻ bán nước. Hắn đem Tây về lấy nước An-Nam. Hắn rước voi về dày mồ. Tây họ khôn, họ thấy cụ Phan-bội-Châu và cụ Phan-chu-Trinh về tuyên truyền cách-mạng, họ sợ quỳnh cho nên họ bày ra lễ « Quốc-Khánh An-Nam » để vỗ về dân An-Nam, để lừa gạt dân An-Nam và để tăng uy-tín của giòng vua triều Nguyễn. Các anh em học trò có hiểu không ?

Sự thật thì học trò đâu có hiểu sâu xa như vậy. Tuấn cũng như tất cả thanh niên đồng lứa, hãy còn khờ dại, tuy đầu óc đã được tiêm nhiễm tư tưởng Cách

mạng của hai cụ Phan, nhưng đâu có sáng suốt nghĩ ra những chuyện quốc-sự thâm thúy như thế. Nghe thầy Đồng-sĩ-Bình giảng giải, một số bạn bè của Tuấn và Tuấn mới hiểu rõ ý nghĩa của mai chùa chát của lễ Quốc-Khánh An-Nam. Nhưng hiểu là một việc, mà cầm đèn bánh ú đi trong đám rước là một việc khác. Chưa chi mấy trò đã bị mỗi trò một tát tay rồi đó, thấy không ?

Bị bắt buộc đi rước đèn và bị lôi cuốn trong đám đông người liên hoan nồng nhiệt, mấy đứa bạn của Tuấn và Tuấn không thể tách ra ngoài lễ được và cũng phải ra mặt hăng hái như muôn người.

Đám rước đến trước cổng Tòa-sứ, thì Tuấn thấy trong Tòa đèn sáng trưng hơn mọi đêm, và tất cả các quan Tây đều có mặt chung quanh quan Công-sứ. Có cả ông Địa-réc-tơ và các giáo-sư Pháp, với những nét mặt hân hoan và nụ cười hãnh diện. Học trò cầm đèn, sắp hàng thẳng lối tiến vào sân Tòa sứ, cờ Pháp rộng lớn bay phất-phơ trên hàng đầu. Rồi theo lệnh của ông Đốc trưởng hướng dẫn và đã tập dượt mấy đêm trước, đám học trò cầm đèn bánh ú chia ra hàng ngũ đứng sắp thành hai chữ Q. K. (Quốc-Khánh).

Cũng theo huấn lệnh đã dặn trước, ông Đốc T. thổi một tiếng còi sấp-lê, thì toàn thê học trò đều hô lên mấy tiếng Tây : *Vive la France ! Vive l'An-Nam !* (Pháp - quốc Vạn - tuế ! An-Nam Vạn - tuế !)

Vài chục ông Tây bà Đầm đứng chễm-chệ trên bao lơn Tòa sứ nhìn xuống võ tay. Ba ông Quan An-nam, quan Tổng đốc, quan Bố-chánh, quan Lĩnh-binh, đeo thẻ ngà tròn ten trước ngực, đứng né một bên quan Tây, cũng gật đầu cười; võ tay. Nét mặt ông nào cũng vui tươi hoan hỉ.

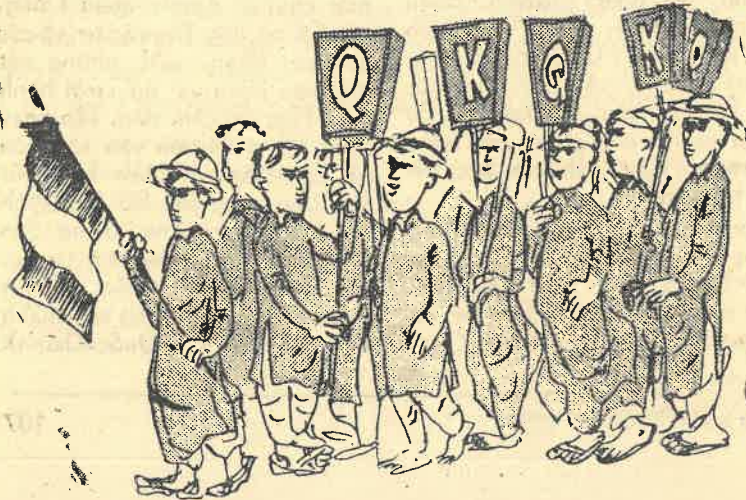
Xong rồi, theo tiếng sấp-lê của ông Đốc T., đám rước đèn sấp hàng-ngũ lại như cũ, kéo ra về, đi vòng ra dọc theo bờ biển, dưới rặng thùy-dương, đến xóm Lò-bò quẹo vô thành-phố, đi thẳng lên Trường và giải-tán ngay trước cổng trường, cách Công-quán

chừng một trăm thước.

Đến đây, không còn ai bắt buộc nữa, tha hồ tụi học-trò cầm đèn múa nhẩy lung tung, cười ầm-ĩ như quỳ phá nhà chay. Mấy đứa bạn của Tuấn và Tuấn hè nhau đập phá nát tan mấy cây đèn «bánh-ủ», có sơn hai chữ «Quốc-Khánh» trên mỗi cây đèn. Bọn này còn chạy đi dứt những cây đèn trong tay các trò khác để đập nát và đốt cháy hết trên mấy năm mả đá trước cổng trường. Trò Quỳnh háng hái nhất, la lớn lên : «Đốt cháy hết đi, tụi bay!» Trò Tuấn cũng bắt chước la : «Rước voi dày mỡ! Đốt! Đốt! Đốt!..» Trò Trần là người được lựa chọn cầm cờ tam-tài đi tiền-phong, sợ cháy cờ, lật đặt vác cờ chạy một mạch về Công-quán.

Tất cả cũng kéo về Công-quán để còn xem hát cải-lương.

(còn nữa)



SÁCH BÁO MỚI

★ Tạp-san Khoa-Học Kỹ-Thuật

Số đặc biệt : Bệnh Dịch-Hạch, với những bài : Bệnh Dịch-Hạch (Peste) của B.S. Trần-văn-Du, Dịch Chuột của Nguyễn-công-Huân, Kỹ-sư Canh-nông. Bệnh Peste của B.S. Nguyễn-dình-Hào. Nhớ chuyện dịch hạch xưa của B.S. Hoàng-Mộng-Lương. Giá 6đ.

★ Bài giải đề Thi mẫu

Tứ tài Ban A-B-C-D. do bộ Q.G.G.D. ban hành. Nhà sách Khai-Trí xuất bản — Giá 30\$.

★ Cánh Mimosa ngày cũ

Thơ của Kiều-mộng-Thu

Do tác-giả xuất-bản. Số 3 đường Hàm-Nghi, Tây-Ninh, 19 bài, in đẹp. Lời thơ nhẹ nhàng, trẻ trung. Giá 38\$.

★ Nhạc sư-tâm của Gia-đình Phật-tử

Do ban Hướng dẫn Gia-đình Phật-tử Trung-phần, Huế, phát hành, có độ ba chục bản nhạc về Phật-giáo.

Tập 2, số đặc-biệt Đản-Sinh 2507.

★ An outline of Buddhism.

by Narada Thera

Buddhist Publication Society, Forest Hermitage. Kandy, Ceylon.

For promoting the knowledge and practice of the Buddha's Way to Enlightenment (Bodhi).

★ **Hương-Đạo**, tạp-san đặc-biệt Phật-dẫn của Gia-đình Phật-tử tỉnh Bình-Thuận, do bạn Nguyễn-văn-Hoành, trưởng ban Hướng-dẫn chủ-trương.

★ Trời không có nắng, tiểu thuyết của Ngọc-Linh.

Nhà xuất-bản Sống-Vui.

★ Bước thời-gian

Thơ của Trúc-Anh-Tâm.

96 đường Phan-Chu-Trinh — Đà-nẵng.

★ Trong cơn yêu dấu

Thơ của Hoàng-Trúc-Ly, 24 bài. Nhiều câu thơ nhẹ-nhẹ, êm-êm, dễ thương.

★ Nhận xét về nhà thơ Phương-Minh.

của Nguyễn-lệ-Thùy và Ngô-thị-Hà. In ronéo. Không để giá bán.

★ **Réallités allemandes.**

Do tòa Đại-sứ Đức gởi tặng. Rất nhiều tài liệu dẫn-chứng sức tiến triển mãnh liệt của nhân dân Đức hiện-dại.

★ **Hải Đảo Thần-Tiên**

Một số truyện ngắn ngoại-quốc, do ông Đặng-trần-Huân, dịch. 160 đường Phan-đình-Phùng, Saigon. Giá 48\$.

★ **Mối tình cuối cùng**

Truyện dài của nhà văn **Bình-nguyên-Lộc**. Nhà xuất-bản Thế-kỷ. Saigon.

★ **Buồn ga nhỏ**

Tập truyện ngắn của **Thanh-Nam**, gồm 8 truyện. Văn hay, hấp dẫn. Nhà xuất-bản Phù-Sa, 66 Nguyễn-Huệ, Saigon.

★ **Đơn ca**, thi tập của **Chinh-Yên**.

Tựa của Nguyễn-Sa. Loại thơ " tự-do ". Có nhiều ý đẹp.

★ **Nỗi buồn nhọc tiều**. Thơ của **Sương-biên-Thùy**

Một bạn trẻ say-mê Thơ, có những ý nghĩ điên cuồng đáng mến.

★ **Việt-Luận**, Đệ thất và đệ lục.

của giáo-sư **Từ-Phát**. Nhà X.B. Thanh-Quang, Saigon.

★ **Minh-Tâm Bảo-Giám điển ca**

Dịch giả : **Lê-phục-Thiện**. Tủ sách giáo-khoa của Hội Không-học Việt-Nam. Giá 50\$, 240 trang.

★ **Tự học chữ Miên**

của **Lê-Hương**. Nhà X.B. Thanh Quang, Saigon. Giá 35\$.

★ **Sứ-mệnh Văn-nghệ hiện đại**

Của **Albert Camus**, do **Trần-Phong-Giao** dịch ra Việt-ngữ, gồm cả Tiểu sử và tác-phẩm của **Albert Camus**. Trình bày và ấn loát thật đẹp.

★ **Lược-thuật Tòa-Thánh Tây-Ninh**

Của **T.L. Thiên-Giang**, **Minh-Tâm** và **Thanh-Quang**. Đầy-đủ tài-liệu chỉ-dẫn về các cơ-quan của **Tòa Thánh Cao-đài Tây-Ninh**. Nhiều tranh ảnh.

★ **Việt-nam Thi-văn trích-giảng**

Của **Tạ Ký**, Cử-nhân Văn-chương, giáo-sư trường Trung-học Pétrus-ký. Soạn theo chương trình Đệ nhất cấp. Tài-liệu, dồi-dào. In trên giấy blanc-fin, 445 trang. Giá 100\$.

★ **Martin Heidegger** và tư-tưởng hiện đại. Tập II của **Bùi-Giang**. Tác-giả có đọc nhiều sách Tây, hấp thụ được nhiều tư tưởng mới. Sách dày trên 350 trang.

★ **Synthèse Littéraire artistique**. Cơ quan Văn-nghệ do một nhóm Thi-sĩ Pháp ở Bordeaux do **Michel Cossem** làm chủ-bút.

★ **Hùng Đông**, số 82, 83, 84. Tiếng nói của sinh-viên Việt-Nam ở Paris. Nhiều bài tươi trẻ.

★ **Tiền-Giang**

Nội-san hằng-tháng, do Bộ Tư-Lệnh sư-đoàn 7 Bộ-binh, kiêm khu 41 Chiến-thuật chủ-trương. Số 1, tháng Tư Quý-Mão, ra ngày 1-6-63.

Nhiều bài hay, tin-tức, chuyện vui, truyện ngắn, thơ, rất hấp dẫn. Khuôn-khổ và trình bày như *Phổ-Thông*.

★ **Asia France - Asie** số 174. Tome XVIII

Những bài nghiên-cứu có giá-trị, của **Trần-văn-Khê**, **Pierre Grisom**, **Michel Cartier** v.v...

Chủ bút : **René de Berval**. Xuất bản ở Tokyo.

Các bạn yêu thơ nên đọc :

Hai quyển sách giá trị của
MINH-HUY

LUẬT THƠ MỚI

Những qui luật của các lối thơ mới.
Cách đọc thơ và kỹ thuật làm thơ mới, giá 38\$

NHỮNG KHUYNH HƯỚNG trong
THI CA VIỆT-NAM (1932-1962)

Lãng-mạn, Tượng-trung, Tả thực, Hiện-sinh, giá 80\$

Nhà sách **KHAI-TRÍ**
62 Lê-Lợi, SAIGON

LỘI NGUỘC

30 năm đầu

Truyện dài trào-phúng xã-hội ★ NGUYỄN-VỸ

(Tiếp theo P.T. 104)

KHÔNG có tiếng vỗ-tay nhiệt liệt tán thành, nhưng cũng không có ai phản đối, và Kiều-Mộng «phu-nhân» được bầu làm chủ-tịch. Phó Chủ tịch là bà «Phó Tỉnh trưởng phu-nhân». A con quen, có hai bà Phó Tỉnh trưởng phu nhân nên bà Kiều-Mộng đề nghị phải bầu hai bà Phó Chủ tịch, Tổng thư ký là cô Thúy-Hoa, con gái bà chủ tiệm vàng Kim-Khánh.

— Ai làm thủ-quý ?

— Dạ, thủ-quý là bà Thấu-khoán.

— Bà Thấu-khoán nào ?

— Bà Thấu-khoán, vợ ông thấu-khoán Lê-xuân-Anh, là bố bịch với ông Nón đó cậu à.

— Có Cô vằn, có kiểm soát viên không ?

— Dạ, có chứ. Hai Bà Cô-vằn, ba bà kiểm soát viên, nghe nói cũng toàn là mây bà bố-bịch thường đánh tứ-sắc với nhau, thế là thế nào.

— Bầu ban trị sự xong, rồi mây bà làm gì ?

— Xong rồi bà Kiều-Mộng mở bóp này ra một tờ giấy đã đánh máy sẵn, đưa cô Thúy-Hoa đọc: *Kiến-nghị của toàn thể hội viên hội Nữ-công-Nữ-hạnh triết-đề ứng-hộ, v.v...*

Ký: *Toàn thể Hội-viên Hội N.C.N.H.* Cô Thúy-Hoa nói: Xin quý bà quý cô vỗ tay đề hoan nghênh kiến-nghị thế nào ? Bà chủ-tịch Kiều-Mộng vỗ tay trước rồi mây bà vỗ tay theo thế nào thế nào ? Xong rồi giải tán.

— Hết ?

LỘI NGUỘC

— Hết.

Sự thật thì hội «*Nữ-Công Nữ-Hạnh*» cũng có hoạt động khá ồn-ào trong một thời-gian vài ba tháng đầu với chiêu bài «*lành-mạnh-hóa phụ-nữ*» trong tỉnh. Đại-khái các bà các cô đang đàn diễn thuyết đả kích cái nghề làm diêm, cái thói cờ bạc, v.v... nhưng mây bà là cờ-bạc tay tổ, và bà nào cũng có mèo, cũng lên chông để đi ăn chè thế nào thế nào. Bài diễn-thuyết của các bà thì nghe rất hùng hồn, các diễn giả thường nhắc đến tên «*hai bà Trưng, bà Triệu*» v.v... với những danh-từ được lặp đi lặp lại ít nhất cũng 30 lần: *lành-mạnh-hóa, dân-chủ, tự-do nam-nữ bình-quyền, bình đẳng, xây-dựng xã-hội mới, nhiệm-vụ của phụ-nữ, phục-vụ cho gia-đình, tổ-quốc, nhân dân, v.v...* và v.v...

Tuy-nhiên, Hội *Nữ Công Nữ Hạnh* cũng có ghi được một thành tích đáng kể.

Một cây bão dữ dội từ ở đâu không biết bỗng rớt xuống tỉnh với một sức mạnh tàn phá kinh khủng, trong một đêm một ngày.

Toàn xóm dân nghèo ở ngoại-ô, nhà lá vách ván, bị sụp đổ hết, hoặc bị gió lùa ra sông ra biển. Xong cơn bão, trời nắng ráo trở lại, nhà chức-trách lo gấp rút tổ-chức

các cuộc cứu giúp đồng bào bị tai nạn. Tất cả các đoàn thể đều sốt sắng tham gia vào công cuộc cứu trợ. Nghe nói Hội *Nữ Công Nữ Hạnh* đi quyên được một số tiền lớn nhất hơn hết thầy, và vô số quần áo, chiếu mền cho đồng bào nghèo.

Theo chương trình, cuộc phát tiền và những tặng phẩm ấy sẽ tổ-chức long-trọng tại một trường Tiểu-học ở ngoại ô tỉnh thành, sáng chủ-nhật đúng 8 giờ. Tôi muốn đi xem, vì đây là một biến cố lớn trong tỉnh, nhưng vì bận chăm bài cho học trò, nên đành ở nhà. Thành Ngọng, thì dĩ-nhiên, không thể vắng mặt được rồi. Đây là một cơ hội rất tốt để cho nó thi-thò cái tài «*điều tra phóng sự*» đặc-biệt của nó mà tôi thiết tưởng không kém một ông phóng-viên nhà báo nào.

7 giờ sáng chủ nhật, sau khi mua vội vàng cho tôi một tô hủ tiếu và một tách cà-phê, nó xin phép tôi:

— Con đi xem Hội *Nữ-công* phát tặng phẩm cho dân nghèo, há cậu.

— Ừ. Liệu về sớm, nghe.

— Dạ, cứ hề xong, nà con về. Con sẽ tường-thuật nài cho cậu nghe.

Thế là nó chạy biến ra đường, y như thường-lệ với

tiếng hát của nó : « *Níp-níp-nơ ! Níp-níp-nơ !* » mỗi khi có việc gì hào-hứng đối với nó.

Và cũng như mọi khi, mãi đến gần 2 giờ chiều nó mới lờ-dờ về nhà, nhe hai hàm răng trắng nõn ra cười. Đây, nó thuật chuyện lại :

— Cậu ơi, đi phát tiền và quần áo cho dân nghèo khổ đói rách mà bà Kiêu - Mộng phu-nhơn, chủ-tịch Hội « *Nữ-Công-Nữ-Hạnh* », mặc áo nhung kim-tuyền đồ nê, đồ noet, đeo hột xoàn đầy tay, bòn vòng chuỗi ngọc nóng - nánh đầy ngực, tay mang găng ni - nông, tóc búi kiểu *phi-dít bạc-dô*, cài hột xoàn b, nông mây sắc như gươm, n rục hoa thơm nồng-nực, thề nà thề nào ?

— Thề là đúng một chữ sao. Dân nghèo đói thì có cái kiếp của nghèo đói, mà bà phu-nhơn thì có cái oai của bà Phu-nhơn.

— Con nại tưởng nà khi mình đến nhà người nghèo mà mình ăn mặc xa-hoa hào-náng như thề nà mình nằm cho người nghèo càng thêm tủi hổ. Đến với người nghèo mà mình đi khoe cái giàu sang của mình thề nà thề nào ? Khác nào nà mình chười cái nghèo hèn rách rưới của họ thề nà thề nào ?

Hồi sáng con thấy ở giữa muôn ngàn người đàn ông đàn bà con nít người nào người này mặt mày hộc hác, quần áo rách teng-beng, mà bà Phu-nhơn chủ tịch hội *Nữ-Công-Nữ-Hạnh* đến cho bồ-thí thì rục rở hột xoàn kim cương, con không hiểu thề nà thề nào ?

— Rồi mấy thầy sao nữa ?

— Con thầy dân nghèo đói đứng chen chút một đám đông nghệt, chờ bà Chủ-tịch đến. Đúng 8 giờ bà chủ tịch đến với 5, 6 bà, đi xe Huê-kỳ bóng noáng, thề nà thề nào.

Người ta năng-xăng ra đón quý bà, quý bà nhòen một nụ cười để nầy ne, rồi nằm bộ gật đầu chào người nầy, chào người kia, trong lúc bước vào khán đài danh-dự. Rồi bà Kiêu Mộng đọc bài đít-cua rất nà đạo-ức cao-thượng.

— Mấy có nhớ trong bài đít-cua nói gì không ?

— Con nhớ bà nói chỉ chi những nà « chúng ta đoàn kết để đánh giặc nghèo, giặc đói... Hội chúng ta lúc nào cũng sẵn sàng giúp đỡ kẻ đói người nghèo, với tấm lòng nhân đạo thiết tha vị kỷ. Chúng tôi hy-sinh thì giờ vàng ngọc và cả tài sản với mồ hôi nước mắt, để bảo vệ quyền lợi của chị em đồng bào yêu mến...v.v...»

Con không nhớ hết, nhưng đại khái nà những câu như thế, thề nà thề nào ? Rồi bắt đầu phát tiền và tặng-phẩm. Vì đồng quá cậu ơi, dân nghèo chen nân quá, một chị nọ rách rưới ẵm đứa con mũi dãi nòng-thông bị người ta chen nân quá-xá-cờ nằm cho hai mẹ con chị ngã vào tay bà Phu-nhơn, bà niền đánh chị một tát tay, và trợn mắt nà nơn : « Cái mẹ nầy vô-phép ! Đi xa ra ! Đi xa ra ! » thề nà thề nào ? Rồi Bà chủ-tịch hết nèn :

— Các người hãy đi xa ra ngoài kia ! Để cô tổng thư ký kêu ai thì người ấy mới được vào Đi xa ra hết đi !

Thề nà thề nào ? Xong bà quây lại nói với cô tổng thư ký Thúy-Hoa, nà người tin can nhất của bà :

— Chúng nó thật là một lũ chết đói ! Hạng vô giáo dục, đơ bản ! Cực chẳng đã vì bòn phạm mà tôi đến, chứ tôi không muốn tiếp xúc với chúng nó một chút nào cả.

Thề nà thề nào há cậu ? Có một chị đó đến gần cúi đầu khóc : « Lạy Bà Lớn Tinh, bà Lớn Quận đền trời soi xét, vì gió bão con mất hết của cái, nhờ ơn bà lớn bồ thí cho con ba trăm đồng với vài bộ quần áo kéo con nghèo đói quá ».

Bà chủ tịch Kiêu Mộng phu nhân bảo cô Thúy-Hoa :

— Cho nó một trăm đồng với 1 cái mền đủ che thân là được rồi.

Thề nà thề nào ? Nại có một chị ẵm con bước tới, chính nà cái chị đã bị xô ngã vào tay bà chủ tịch và đã bị bà đánh một tát tay, bà vừa trông thấy chị niền quát nèn :

— Con mẹ nầy hồi nầy đã lãnh tặng phẩm rồi, bây giờ còn xin gì nữa mấy ?

— Bàm Bà Lớn, con chưa được lãnh gì hết.

Cô Thúy-Hoa khê thưa :

— Dạ thưa bà, chị nầy chưa có lãnh.

Bà Chủ-tịch bảo :

— Thì cô cho nó 50 đồng, để nó đi cho rồi, Ghê tòm !

Cuộc phát tiền và tặng phẩm cho dân nghèo nạn nhân trận bão-tổ, đến 12 giờ trưa thì hết. Các bà nơn trong hội *Nữ-Công-Nữ-Hạnh* nèn xe Huê-kỳ đi về. Sau đó, có dư-nuận xôn-xao : tiền nạc quyền có trên 200.000 đồng mà cộng hết các số tiền bồ thí không đến 20.000 thề nà thề nào ?

Còn mất đâu 180.000 nữa, thề nà thề nào ?

Áo quần, mền, chiếu, thì toàn nà đồ cũ của bà con trong tỉnh cho dư đã chứ Hội *Nữ-Công-Nữ-Hạnh* khỏi mua thêm một cái đồ mới, thề nà thề nào ?

(còn nữa)



Đ Ứ A

CON HU

★ Trần-Tử-Nhiệm

V AI chục năm trước, có một thằng bé hư, điếm hạnh-kiểm nhà trường rất xấu.

Thằng bé ấy tên là Đắc—Lê Đắc, một cái tên thông thường, tên « con nhà » vậy. Tên « Đắc » ấy khác hẳn với các tên thông thường của các đứa bé hư hỏng, cao bồi mà bỏ mẹ chúng hình như đã thông cảm với Trời, Đất thế nào đó mà khai cho chúng những tên như Tuất, Hợi—nếu hư hỏng thường thường—như Sọ, Đá, Hồ nếu là loại gộc, « sách giáo khoa thư luân lý » của các cụ già Đông, Tây cũng thường tặng cho loại trẻ con này những tên như vậy.

« Luân lý giáo khoa thư » lại thường cho các đứa bé hư hỏng này, như Đắc chẳng hạn, mỗi đứa 1 bà mẹ già, góa bụa, rất hiền từ... và đau yếu quặt quẹo luôn. Các bà có lẽ thích chết theo chồng, theo ông bà cho mát mẽ nếu không có các đứa con trời đánh mà các bà hết mực thương yêu đang sống nhăn để phá phá-h, nếu các bà không sợ con các bà bơ vơ ở giữa cuộc đời. « Luân lý giáo khoa thư » được xuất bản, mục đích để dạy những đứa bé hư, bao giờ cũng đặt bên cạnh những đứa bé ác ôn này một bà hiền mẫu như vậy để cuối cùng, tình yêu của bà

ĐỪA CON HU

trong một phút nào đó sẽ cảm hóa được nó.

Thằng Đắc — Lê - Đắc thì khác. Mẹ nó — béo núc nịch, hai cầm hai cổ, chuyên bán thịt heo ở chợ buổi sáng và chạy hàng lậu ở bến tàu ban đêm. Chồng mất chưa đầy ba tháng, mẹ đã có ngay lão Tư Răng Vàng, cặp răng bên tàu làm chồng hờ. Mẹ chẳng cần thằng Đắc, nhiều khi quên hẳn có nó là con nên mẹ không cần sai vặt nó hay dùng nó làm mỗi để mẹ trút giận hờn, tức bực bằng những trận đòn thù mà Đắc vẫn dám coi thường. Đói, nó mò về lục bếp kiếm ăn. Ăn xong, gọi là đi học để ra trường đánh nhau. Mẹ nó thì nói oang oang là mẹ « biết có cần » đến nó. Có nhiều đêm, mẹ đi đánh bài về khuya, thấy nó ngủ vật vờ ở đi-văn phía trước, bèn tổng cho nó một đập như trời giáng để cho nó lảng chiêng xuống đất và tỉnh dậy mà chui xuống ghế bồ dười bếp mà ngủ.

Có một hôm, mẹ nó lằm một con vịt tàu ngon lắm, định để thết « người tinh » Tư Răng Vàng. Nhưng cả mẹ cả lão Tư đi « rút bắt » chưa về. Đắc đi chơi về trước, thấy cháo, thịt vịt tàu bèn « chén » gần hết : 2 đũa, 2 cánh, bộ lòng vịt và hai tô cháo tồ bồ. No kénh, nó đi

dọ thám biết mẹ nó còn khuya mới về. Thế là nó lảng lạng mở ra, bỏ nhà xuống chân cầu ngủ. Đêm, hai ông bà kéo nhau về, thấy mất vịt tàu, chửi thề ầm ỉ. Sáng mai Đắc mò về, lão Tư « ắt đồ » ngấu lên vì say rượu nhìn nó gờm gờm. Nó cũng nghềch mắt nhìn lại, trân trân. Nó có vẻ không chời mà cũng không nhận việc ăn vụng. Lê ra thì khi ăn xong, phải có một chút *linh dãi* nào trong nó nổi vậy ; lẽ ra thì nó phải thú với mẹ nó, « tự phê bình rất thành khẩn và rơm rớm nước mắt, hối hận thật, xin mẹ tha thứ. Mẹ nó bèn ôm lấy nó, xoa đầu và nhìn nó triu mền... Nhưng không, Đắc vừa chạm trán với ông Tư mà nó kêu là « lão lợn ỉ », là mẹ nó từ phía trong chạy ra xông xộc, rít lên the thé và vác một thanh củi tạ mà phang vào đầu, vào mình nó như đòn « hội chợ ». Đắc đứng im chịu trận, không khóc, không kêu, rồi thừa lúc mẹ nó vượt tay, nó lao đầu ra chạy, ba hôm sau, nó mới về nhà, lúc gấn sáng, không bận tâm suy nghĩ gì. Sách luân lý của các nhà giáo không viết như vậy bao giờ.

Một hôm khác, khát nước nó trèo vào vườn ông Hội-đồng ở trước cửa ngõ hẻm nhà nó, trèo lên cây dừa sai

chịu quả và hái bằng thích vì nhà ông Hội đồng đi vắng hết, cửa khóa. Như trong sách luân lý, cây dứa sẽ gãy, nó sẽ rơi xuống gãy tay hay gãy chân, mẹ nó sẽ khóc như mưa như gió, chăm sóc nó rất cẩn thận để rồi, trong khi nằm liệt trên giường, nó sẽ hồi hận và trở thành một thằng bé ngoan. Đàng này, Đắc hái được gần chục quả, treo xuống. Chó nhà ông Hội đồng xỏ ra, nó bèn liệng cho một cục gạch bự vào đầu, chó sợ quá, cúp đuôi chạy thẳng, không dám sủa. Nó ung dung treo ra, xách dứa về, bỏ hai quả, uồng cho đèn kỉnh bụng, vác 8 quả đi bán. Được tiền, nó bèn đi đánh cô quay và thắng to. Lập tức, nó đi đánh một chiếc răng vàng chóc nằm chềch chềch ở hòm dưới và «xâm» — một quả tim do một nàng kiều nữ bưng vào ngực — «xâm» con hồ vào cánh tay phải, con «long» vào cánh tay trái. Từ đó, nó chuyên xấn tay áo lên quá khuỷu mà vút bỏ hai nút trên sơ mi, không dùng đèn, ngực phanh phanh.

Một lần khác, nó thấy ông giáo dạy trong lớp nó có bộ giày dao nhíp, díp, ngoáy tai đẹp lắm mà thấy thường đeo vào trất hông quần đi kêu lách cách. Nó bèn «cuôm» trong giờ chơi lúc thấy đi uồng

nước. Vào học, mắt đỏ, thấy thét âm âm, lục soát cả lớp. Biết lây không trôi, Đắc bèn lẹ tay dứt bộ giày dao ấy vào cặp thằng Thiện, con bà góa bán xôi chè, rất có hiếu với mẹ, lễ phép với mọi người, chăm chỉ và ngoan ngoãn nhất lớp Soát thằng Đắc không có gì, thấy đã thất vọng, cảm thử cặp thằng Thiện lên xem thì bộ giày dao văng ra. Thằng Thiện đỏ mặt, tia tai, nước mắt rưng rưng vì không hiểu sao bộ giày dao lại ở trong cặp nó; thấy giáo giận đèn rụn người lên, vợ roi lên quật thằng Thiện túi bụi. Nếu theo sách luân lý thì lúc đó, hoặc là thằng Đắc hồi hận, đứng dậy thú tội, thấy giáo bèn an ủi thằng Thiện và cảm động xoa đầu thằng Đắc, tha thứ cho nó rồi giảng một bài luân lý ngắn, hoặc là sẽ có một cậu khác đứng dậy, mạnh dạn tố cáo thằng Đắc. Cả lớp sẽ im phăng phắc vì cảm động, thấy ôm lấy thằng Thiện và thằng Đắc sẽ phải lên nằm dài trên bục, cậu học trò dám nói sự thật sẽ được thầy giáo cho việc quật thằng Đắc mây chục roi..

Nhưng không, tên Đắc không có sao, Thiện thì bị một trận đòn oan và Đắc rất lầy lăm thú vị khi thấy cậu học trò hạnh kiểm nhất lớp bị phạt vì nó ghét cay ghét đắng tụi «gà què»

Như vậy đó: Sách dạy rằng trẻ con ở ác thế nào cũng gặp tai nạn. Đắc thì chưa gặp một tai nạn nào. Đi chơi sở thú, nó dơ tay vào chuồng voi cho voi ăn một cục ớt to tướng gói trong vỏ chuối, voi cũng chỉ phì ớt ra, chứ không thò vòi quần lấy tay nó mà rút. Nó tập uồng rượu mà cũng không sao. Một hôm, sau khi đánh nhau xong nó mượn chiếc xe mô-tô của ông Tư Răng Vàng mặc dù nó mới 13 tuổi mà lớn con như đứa 16-17 — phóng vù vù ra Cầu; say rượu, nó chạy hết ga — môm lăm nhảm chữ thể đủ thứ, không từ một cái gì, một đàng thiêng liêng nào mà cũng chẳng sao hết. Đèn Cầu nó nhào ra biển, không biết bơi cũng lội đại ra xa nhưng sóng lại đẩy nó vào. Chán chề rồi, lại thả hết ga chạy về nhà. Không có 1 mây may tai nạn, không có lấy một ông cảnh sát nào huýt còi khi nó chạy như điên.

Cứ như vậy. Nghĩa là thằng Đắc, Lê-Đắc, con bà Năm bán thịt heo hay Năm «tôn-nô», hoàn toàn nghịch với sách Luân lý của các cụ giáo Đông, Tây, Kim, Cồ, viết uồn nần các «mầm non», hướng chúng vào con đường lương thiện bằng những bài học, bài kể chuyện tốt đẹp, cảm động,

truyền cảm.

Đèn ngày nay, ông Đắc, đã trưởng thành hẳn rồi. Ông có vợ, vợ khá đẹp, nữ sinh gương mẫu ngày trước «mê» ông như điều đó. Nàng chồng cả gia đình nòng — một đại gia đình gương mẫu — để lấy ông lúc ông còn nhẹ tênh tênh không có gì ngoài một chiếc va-ly tàng hai bộ quần áo thay đổi, đôi giày rất phong trần và quả tim do nàng kiều nữ bưng trước ngực, con long, con hồ ở hai cánh tay.

Lập gia đình xong, con cái để huế. Chả biết ông làm ăn ra sao qua cái thời thế cũng khác hẳn sách vở này mà bây giờ ông đã «đình huỳnh» cửa hiệu buôn lớn, ba tầng lầu, cửa kính, cửa sắt, có nhà cho thuê, giao thiệp với lớp thượng lưu, trung lưu, đi xe hơi có tài xế — nghĩa là ông đã thành thân sỹ, có một tốp người khá chữ nghĩa nhưng rất rách chạy lên chạy xuống xung quanh ông... Nghe đồn rằng ông sẽ ra, lần này, làm một nhà hướng dẫn cho một tư trào văn-học, chỉ huy và chỉ bảo cho một số nghệ sỹ hoạt động văn-hóa văn nghệ và luân lý, luân lý nhân bản, hình như thế!

Không biết rồi ông Lê-Đắc sẽ có làm «chính-trị» nữa không? ● ★



★ **Lợi bài thơ « Con Muỗi »**

(Của *Ô. Trần-văn-Lung*, Trụ-sở *Ngư-cảng, Phan-Thiết*)

... Bài thơ CON MUỖI này tôi thấy có in trong một tập sách nhan đề TÂY HỒ và SANTÉ Thi tập, của : Tây-Hồ Phan-châu-Trình di thảo, do : Lê-Âm sao-lục ; Tập sách này được ông Thanh-Châu Nguyễn-Trác viết «*Mấy lời giới-thiệu*». Phần cuối bài *Mấy Lời Giới Thiệu* có đoạn như sau : «*Tập thơ được giới thiệu này chính bà Phan-thị-Liên, con gái của Tiên-Sinh, vợ ông giáo-sư Lê-Âm, đứng tên xin phép xuất bản rồi trao cho hội Không-Học Việt-Nam nhận việc phát hành, vì bà là giòng giòng nhà nho, vẫn có lòng tôn-sùng Không.Giáo*».

Tập thơ này in tại nhà in Lê-thị-Đàm, 37/40 đường Phát-Diệm Saigon, do giấy phép số 1493/XB ngày 17-7-1961 của HĐKD Saigon, trong gồm 112 trang với non 300 bài, hầu hết là thất ngôn bát cú ; có vài câu đôi (trang 111).

Trang 112 (trang chót của cuốn thơ) có 4 bài thơ, các bài : *Con muỗi, Con trâu, Con rận, Chim lồng cá chậu*. Trên bốn bài thơ này, người sao lục, ông Lê-Âm, có chú-thích :

«*Những bài thơ sau là những bài chép theo truyền-văn, không thấy trong di-thảo*, không rõ là có chắc của Cụ như người ta nói không » (Người sao lục).

Sau đây tôi chép lại nguyên-văn bài thơ «*Con Muỗi*» nói trên nơi phần PHỤ-LỤC trong tập «*TÂY HỒ và SANTÉ Thi Tập*» :

CON MUỖI

*Mình thời ngăn ngăn, căng thời dài
Nho nhỏ nhưng mà chẳng sợ ai
Ít sức hay đầu mang đặng núi,
To gan có lúc cắn nhào voi
Xua tanh lũ kiến tưởng vô dụng,
Gây mật bầy ong dạng bắt tài,
Mình bạch găm ra thua nghĩ hết,
Cắn người rồi lại dối bên tai ! (1)*

(1) Chữ không phải : «*Ăn người rồi lại nói bên tai*» như đề thi của Bộ G.D.

Trong non 300 bài thơ của cụ Tây-Hồ, nhiều bài rất có giá trị, chẳng hiểu sao người ta lại đi chọn một bài vừa kém vừa không được xác-định tác-giả, để làm đề tài thi THĐNC, đến nỗi gây ra những ảnh - hưởng không tốt đẹp cho Bộ nói riêng và cho sự tổ-chức thi-cử ở Việt-nam nói chung.

Chúc ông mạnh giỏi và PHỒ-THÔNG mạnh tiến.

KÍNH BÛT

TRẦN VĂN LUNG

(Tại Trụ sở *Ngư-cảng Phan-Thiết*)

★ **Cũng bài thơ Con Muỗi**

(của *Cụ Lê-tân-Khải - Pleiku*)

... Tôi đọc Phồ-Thông 103 đề-thi quốc-văn trung-học, tôi rất khâm-phục trung-ngôn chính-luận của ông, tôi đồng ý câu 3 cùng ông.— Tôi nay 76 tuổi, biết bài thơ con muỗi lai lịch thế nào, phần cá nhân tôi xin thuật hiên ông : Thuở tôi 16 tuổi sắp thi khoa đầu, bác tôi Lê-tân-Ngạc là bạn học và thi đỗ Cử-nhon đồng-niên với Cụ Phan-chu-Trình bảo tôi giải thích thơ Muỗi để xem học lực. Bác đọc :

*Mình thì ngăn ngăn căng thì dài
Nho nhỏ nhưng mà chẳng sợ ai
Mỏng cánh có khi bay khỏi núi
To gan lắm lúc cắn nhào voi
Xua tanh lũ kiến đồ vô dụng
Gây mật chòm ong giống bắt tài
Mình bạch găm ra thua nghĩ cả
Cắn người rồi lại dối bên tai.*

Tôi liền giải : bài này thể phú mà tỉ, tiêu đề đại tồ, câu phá, thừa chà cần thích, câu trạng tác-giả để bạc năng lực muỗi để tự trọng mình, câu luận khen muỗi, phải chê ong, kiến, xua là xu «xu phụ, xu thời» tiếng Quảng là «bu», tỉ bợn quần-tiểu xu phụ bợn quyền gian để kiếm ăn ; gây mật là bản năng của ong, nhưng ích-kỷ mà hại hoa quả, tỉ quyền gian chỉ lo vinh thân phì gia, tha hồ chêt dân mất nước, câu kết phê-bình muỗi, ngụ ý tự phụ mình có thể lực thanh tội trí thảo đánh đổ quyền gian. Tôi hỏi tác giả là ai ? Bác tôi trả lời, «*Thơ xua, chừng hỏi Lê-Mạc*».

Tôi là môn-đệ hai Cụ Trần-quý-Cáp, Phan-chu-Trình. Hiện giờ họ bút râu ông này, cảm cảm ông nọ, những nhà đại chí-sĩ có di-cáo thi-ca cũng bị thêm bớt. Tiện đây, tôi yêu-cầu

ông thỉnh cầu bộ Giáo-dục: « Trung-học nhất cấp học trong 3 năm cũng như nhị cấp vậy », thì quốc-dân rất hoan-nghinh.

Khi nào tôi về Thủ-đô sẽ tìm tới thăm ông.
Chúc ông mạnh khoẻ, viết Phổ-Thông thật hay.

LÊ-TẤN-KHẢI, Pleiku

76 tuổi, môn-đệ của

hai Cụ Phan-chu-Trinh và Trần-quỳ-Cáp

* Ghi nhầm tên

(của ông Huỳnh-cao-Tri, Toulouse)

... Kính thưa Ông Giám-Độc,

Tôi rất hân hạnh nhận được thư Ông để ngày 23 tháng 4, năm 1963 cho phép tôi được trích bài « Một nhà Sư » của Ông Xuân Ba đã đăng trong Tạp Chí Phổ Thông để đăng lại trong « Tập-San Sinh-Viên Việt-Nam tại Toulouse » như lời yêu cầu của tôi. Thật tôi rất cảm ơn ông Giám-Độc.

Nhưng tôi có một điều thắc mắc mà tôi xin trình bày sau đây cho ông Giám-Độc được rõ và xin ông, nếu có thể được, vui lòng đính chánh lại dùm cho tôi một trong những số báo sắp tới :

Nguyên bức thư vừa rồi được gửi đến Ông Giám-Độc để xin phép được trích đăng bài « Một Nhà Sư » trong Tập-San Sinh-Viên Việt-Nam tại Toulouse là do của tôi (Huỳnh-Cao-Tri) gửi cho Ông Giám-Độc (vì tôi là một trong những nhân viên của Hội SVVN tại Toulouse). Trong bức thư ấy tôi chỉ cho biết và yêu cầu tác giả bài « Một Nhà Sư » nếu có dịp hợp tác thì xin gửi bài về cho anh Phan-văn-Chương, Hội Trưởng H.S.V.V.N. tại Toulouse Chứ thật ra bức thư ấy không phải là của Anh Phan-văn-Chương gửi.

Việc ấy không có gì quan trọng, nếu không có một điều thắc mắc như sau : Nguyên vì là tôi viết thư cho nên trong ấy tôi mới để là « Phật tử rất chơn thành và hăm mộ đạo lý của Đảng Từ-Bí... vì tôi là Phật-tử... » Trái lại, Anh Phan-văn-Chương lại là người có đạo Tin-lành và rất tôn sùng tín ngưỡng và giáo-ly của Đạo ấy. Anh là một người hết sức tốt và hành đạo rất tinh tắn và rất cẩn thận và tin-tưởng ở Đạo của Anh... Vì vậy, cho nên tôi sợ nếu Anh ấy hoặc gia đình anh ở Saigon đọc được bức thư đăng trong Tạp chí Phổ-Thông số 103 trong ấy nói rằng Anh Phật-tử sùng bái đạo Phật... thì người ta sẽ hết sức ngạc nhiên và tìm hỏi ra... và người ta sẽ bảo là tôi đã lạm dụng danh nghĩa của Anh..., một điều mà tôi không cố làm và chỉ vì ngộ nhận của

Tòa-Soạn. Hơn nữa từ xưa đến giờ anh ấy cũng biết là tôi rất tin tưởng và sùng bái đạo Phật... và có lần chúng tôi có đàm-luận về Đạo của đôi bên...

Vì vậy nên tôi rất thắc mắc, chỉ e người ta nghĩ cho tôi là đã quyết tâm lạm dụng danh nghĩa của Anh ấy. Và nhất là về vấn đề đạo-ly và với những người rất tin tưởng ở đạo-giáo của mình... thì rất là phức tạp, và sự phản ứng của họ rất có thể rất khó khăn cho tôi...

Vậy nên, tôi xin Ông Giám-Độc thông cảm cho thắc mắc ấy của tôi và xin cho đính chánh rằng bức thư ấy là do Ông Huỳnh Cao-Tri, ở Toulouse, hoặc ở 2 Rue Berthiollet Paris Về, gửi đến chứ không phải của ông Phan văn chương...

Trước khi dứt lời, xin Ông Giám-Độc vui lòng nhận nơi đây tất cả lòng tri ân của tôi.



CẢM TẠ

Chúng tôi thành thật vô cùng cảm tạ quý Ông quý Bà thân bằng, quý hữu đã chiếu cố chia buồn, phúng điếu hoặc giúp đỡ chúng tôi vào dịp con chúng tôi là Công Tăng Tôn Nữ Bạch-Mai, 4 tuổi, mệnh chung tại bệnh viện Nhi-Đông ngày 26-5-1963 và an táng tại nghĩa địa Trung-Việt ái-hữu.

Ô. và Bà Thiếu-Tá UNG-CÁN

450, Trần-hưng-Đạo — Saigon

PHẦN - ƯU

Được tin cụ Huỳnh-văn-Thông, thân-phụ của cô giáo Huỳnh-thị-Thêu, hiệu-trưởng tư-thục Hạnh-nghĩa, đã tạ-thế tại nhà thường Grall ngày 28-5-1963, hưởng thọ 79 tuổi, tôi xin thành-thật chia buồn cùng cô bạn và quý quyến, và cầu nguyện vong-Hồn Cụ được tiêu-diêu miền Cực-Lạc.

Nguyễn - Vỹ

Muốn mua sách cũ

Muốn mua lại các tác-phẩm (Thơ, Tiểu-thuyết, Nghiên-cứu) của các Thi-sĩ, Văn-sĩ, Nữ-sĩ Việt-Nam có danh-tiếng thời Tiên-chiến, và các báo, tạp-chí, bằng Việt-văn hay Pháp-văn, xuất bản tại Việt-Nam trong khoảng 1900-1950.

Hỏi : Bà NGUYỄN-THỊ-TƯỜNG, Ty Quản-Lý Phổ-Thông tạp-chí
233, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

AI CÓ BỆNH NẶNG ?

Cần chữa khỏi : ai không bệnh, muốn khỏe mạnh ; Cứ già được sống lâu ; trẻ em mau chóng lớn... Xin đón đọc quyển « **Những Điều Cần Biết Khi Dùng Thuốc Đông-Y** » của nhà thuốc Kim-Điền xuất bản, gồm có 100 bài thuốc, trị 300 bệnh. hiện có biểu tại nhà thuốc 361 Phan-đình-Phùng Saigon, và các Đại-Lý Đặc-Quyền sau đây :

Saigon : 361 Phan-đình-Phùng ; 146 Lê-thánh-Tôn ; 56 Tôn-Đàn (Khánh-Hội) ; 27 Tôn-thọ-Tường (Thị-Nghè) ; 131 Võ-di-Nguy (Phú-Nhuận) ; 531F Lê-văn-Duyệt (Hòa-Hung).	Ba-Xuyên : Dân-Sanh, Chợ Phú-Lộc. Quận Thanh-Trị.
Chợ-Lớn : 59 Tổng-đốc-Phương.	Kiến-Hòa : 41 Lê-Lợi.
Bà-Chiêu : 36 Châu-văn-Tiếp.	Ba-Tri : Đông-Y-Sĩ Nguyễn văn-Ân (tại chợ).
Thủ-Đức : 10 Nguyễn-tri-Phương.	Phong-Dinh : 32/4 Bến Ninh-Kiều—3/3 Gia-Long.
Tân-Mai : Phú-Hậu, Công Trại Tân-Mai.	Sa-Đéc : Thiên-địa-Nhon đường Phan-thanh-Giản.
Long-Thành : Quảng-chí-Đường, Quốc-lộ 15.	Gò-Công : 10 Võ-Tánh.
Bà-Rịa : Thọ-An-Đường (hông chợ).	Cai-Lậy : 214/1 Trương-vĩnh Ký (gần chợ).
Đà-Lạt : 3 Duy-Tân.	Mộc-Hóa : 7/33 đường Tự-Do (Mé Sông)
Tây-Ninh : Khóm 2, Liên-gia 16/2, Chợ Ngã Năm, Long-Hoa.	Phan-Thiết : 119 Lý-thường Kiệt.
Rạch-Giá : 36 Đồng-Khánh	Quận Ninh-Hòa : 66 Lê-Lợi.
An-Giang : 48 Võ-Tánh, 28 Phan-đình-Phùng.	Qui-Nhon : 140 Võ-Tánh—43, 47 Võ-Tánh.
	Quảng-Ngãi : Bà Võ-Tổ, Châu-Ồ, Quận Bình-Sơn.
	Quận Tam-Quang : Ông Khương-Duy-Đạm, Chùa Phật-Giáo.
	Hốu : 29 Phan-bội-Châu.

Tại các Đại-Lý trên đây đều có bán đủ 100 món thuốc hiệu Kim-Điền. Cần thêm Đại-Lý Đặc Quyền ở các địa phương khác.

THƯ LÂM ẮN THƯ QUẢN

231-233, Phạm Ngũ-Lão — Sài Gòn

Điện-thoại : 25.861

Số thương-mại Sài Gòn số 640 A

Số Quốc Gia Danh Bộ 25 129 54 001

- In sách báo, các loại sổ sách, giấy tờ văn-phòng bằng Việt, Pháp, Anh, Hán-tự.
- In lịch treo — Lịch bỏ túi — Nhân hiệu, bao hộp — Đóng sách đẹp
- Cung cấp dài hạn ăn-phẩm, dụng-cụ văn-phòng cho công sở, tư sở, tại Sài Gòn và các Tỉnh.
- Có xưởng máy cung cấp các thứ phù hiệu, cờ cho các hiệu đoàn, nhân cò áo (étiquettes) lớn, nhỏ đủ loại, đủ cỡ. Màu đẹp, bền không phai.
- ★ Gửi bưu phiếu thanh toán xin dùng Thiếp phiếu mẫu CH. 1418 (do Bru-diện phát không) chuyển tiền vào Trương mục :

Sài Gòn T/M số 2701

THƯ LÂM ẮN THƯ QUẢN

- ★ Gửi tiền bằng cách này không tốn cước mandat và cò thơ chỉ cả, lại được nhanh chóng và không sợ bị thất lạc.



MỸ-DUNG-LỘ HỒNG-NGUYỄN

« Đêm đêm ngao ngán thờ dơi
Mụn rôm đen nám cả hai má hồng
Biết bao giờ mới lấy chồng ?
Mỹ-Dung-lộ cứ sưa trong vại ngọc
Mùi thơm theo gió thoảng bay
Gái trai vui vẻ như ngày xuân xưa
Trẻ em rôm sảy dùng chừa ?
Da sần chấy nám vì mưa nắng nhiều
Dùng vại lọ có bao nhiêu
Không hẳn duyên nũa những chiêu
năng hạnh.

NHÀ THUỐC HỒNG-NGUYỄN
246 Đại lộ Nguyễn-Hoàng-Cholon

K.N. số 433 ngày 4-10-62

KINH LÝ VĂN PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huệ — Saigon

Điện-thoại: 23.187



Phạm - văn - Lạng

Giám - Định Trắc - địa - sự
Géomètre — Expert

373, Phan-thanh-Giản

SAIGON

BẢO - HIỂM

- XE CỘ ● GHE TÀU ● NHÀ CỬA
- HÀNG HÓA ● SANH MẠNG, V.V...

VIỆT-NAM BẢO-HIỂM PHẬT BÀ

(Việt-Nam Assurances)

Công-ty bảo-hiểm tất cả các loại rủi ro

**Société d'assurances contre les
risques de toute nature**

Siège social: 13 Pasteur, Saigon

Téléphone: 23529

Adresse télég. Vietassur

R. g. Saigon

No 3613 c

CHAI MỚI

PHẨM CHẤT THƯỢNG HẢO

TRÌNH BÀY TUYỆT MỸ



Xi-rô Con Cọp: Cam, Chanh, Lựu, Bạc-Hà, Dâu, đóng vỏ 2 loại chai cũ 63cl quý vị đã biết và chai mới, CHAI HỘT GẠO rất mỹ-thuật. Cả 2 loại chai đều cùng một phẩm chất Xi-rô như nhau.

Tinh chế với đường nguyên-chất và hương liệu trái cây, thảo-mộc chọn lọc, tươi tốt và đầy sinh-tổ, từ lúc chế-biến trong phòng lạnh cực tinh sạch đến lúc vỏ chai, mọi việc đều hoàn thành bởi máy móc, dụng cụ tự động tối tân, không một lúc nào cần nhờ đến bàn tay người. Xi-rô Con Cọp, loại CHAI HỘT GẠO, giá rẻ mà phẩm chất vô song, khác hẳn với các thứ Xi-rô pha chế theo lối thủ công nghệ.

Thơm ngon tuyệt vị và cực tinh khiết, Xi-rô Con-Cọp, đóng CHAI HỘT GẠO rất mỹ thuật, làm vừa ý mọi người và riêng thích hợp với các trẻ em trong những ngày nóng bức, cần có một thức giải-khát tiện dụng ngon lành và hoàn toàn hợp vệ-sinh.

SỒ-SỒ KIẾN-THIỆT QUỐC-GIA

**GIÚP NƯỚC THÊM NHÀ
TA THÊM CỦA**

3 LÔ ĐỘC ĐẮC

mỗi lô :

1.000.000\$

**Xổ Thứ Ba Hàng Tuần
mỗi vé 10\$**

*Thần-Tài chẳng vị riêng ai
cứ mua vé số
thì Thần-Tài sẽ đến thăm*

Bệnh nào Thuốc này

Đàn-Bà các bệnh MÁU HUYẾT : có KỶ đau BỤNG đau LƯNG. TỬ-CUNG, DÂY CHẴN, BẠCH-ĐÁL

Trẻ-Em : ĐỒ MỒ-Hôi Trộm, Ho gà. Đau yêu dây dưa, gốc Ban không dứt.

Bộ Tiêu-Hóa : GAN, RUỘT, DẠ-DÀY, NHỨC ĐẦU kinh-niên. HO KHẶC đàm nhớt.

TRÍ - MẠCH - LƯƠNG - ĐẠI-TIỆN CÓ MÁU

Có thuốc chế sẵn chữa bệnh : NAM, PHỤ, LÃO, ẬU công hiệu đầy đủ.

Nhà thuốc NGUYỄN-ĐỒNG-DI

379, Phan-Dinh-Phùng — SAIGON

Kiểm-nhận số 326 BYT ngày 21-8-62.

Công - Ty Bảo - Hiểm

« LE SECOURS »

Công-Ty Bảo-Hiểm và Liên-Hiệp Bảo-Hiểm những tai-nạn, hỏa-hoạn, hàng hóa, trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30-32, đường Laffitte — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông :

16, đại-lộ Nguyễn-Huệ (Charner cũ) Saigoa

Điện - Thoại : 20.461

● Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại — Mọi sự dễ dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiểm.



POLYVIT C_a

TÉVÉTÉ

ĐÀN BÀ ĐƯỞNG THAI VÀ THỜI KỲ CHO CON BÚ
TRẺ EM ỒN-YẾU, ÉO-ỐT, CHẬM MỌC RĂNG
THUỐC BỔ MÁU, XƯƠNG, PHỔI
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY VÀ TIỆM TRỪ ẬU-DƯỢC

K.N. Số 251 BYT, Q.CDP / ngày 18-10-62



Thuốc tẩy rôm tiều
HIỆU KIM-QUAN
TALC DE VENISE
SURFINE

Đốt rôm ngứa nhuyển mịn
Của nhà thuốc KIM-QUAN

- TALC DE VENISE THỂ KHÔNG CHÈM HỘP 100gr
- TALC DE VENISE PARFUMÉ DANTEL THỂ THỜI MÙA ĐÔNG HỘP ĐẸC HỘP CHÈM HỘP ĐẸC 100gr
- TALC DE VENISE THỂ KHÔNG CHÈM HỘP THỂ HỘP ĐẸC 100gr
- TALC DE VENISE HERTHOLE CHO NGƯỜI ĐIỀU DẪN HỘP ĐẸC 100gr

CÓ BÁN SỈ VÀ BÁN LẺ
CƠ SỞ PHARMACIE BÉTRIS-OLIVIER
SỐ 7 CHO BẾN-THÀNH SAIGON

K.N. Số 90 BYT/Q.C.D.PI317/62

Giấy phép số 292 CDV/TT/NB ngày 9.10.1961
Quản nhiệm : **NGUYỄN-VỸ**
In tại **THƯ LÂM ÁN THƯ QUÁN**
231-233, Phạm Ngũ-Lão — Saigon